CATALOGUE
LED 2024

rangdong.com.vn



MỤC LỤC

NHÓM SẢN PHẨM WIFI

NHÓM SẢN PHẨM CẢM BIẾN

NHÓM SẢN PHẨM ĐỔI MÀU

NHÓM SẢN PHẨM DỰ PHÒNG

NHÓM SẢN PHẨM PHỔ THÔNG

NHÓM SẢN PHẨM LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

NHÓM SẢN PHẨM LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC

NHÀ THÔNG MINH RẠNG ĐÔNG
SMART HOME
RalliSmart

Nhà thông minh Rạng Đông
Biến thiết bị thông thường thành thông minh



NHÓM SẢN PHẨM
ĐIỀU KHIỂN BẰNG WIFI



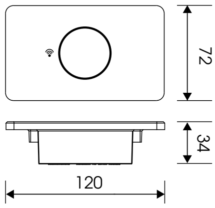
- ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI
- ĐẶT LỊCH & HẸN GIỜ
- ĐIỀU KHIỂN THAY ĐỔI MÀU ÁNH SÁNG
- ĐIỀU KHIỂN THEO KỊCH BẢN
- SỬ DỤNG CHUẨN KHÔNG DÂY WIFI

CÔNG TẮC **CẢM ỨNG WIFI**

CTCU.WF CN.01T



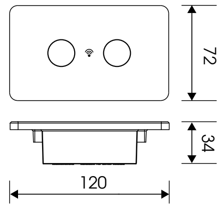
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.02T



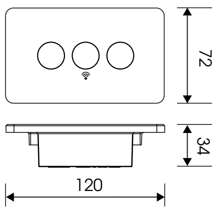
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.03T



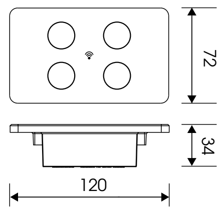
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.04T



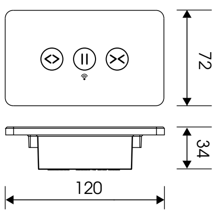
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.REMT



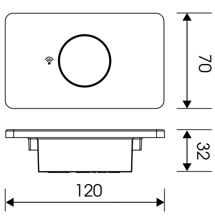
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.01T.2W.SP



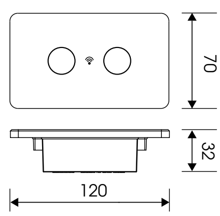
- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTCU.WF CN.02T.2W.SP



- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây

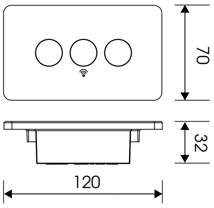


Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF CN.01T	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.02T	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.03T	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.04T	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.REMT	300	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.01T.2W.SP	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32
CTCU.WF CN.02T.2W.SP	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32

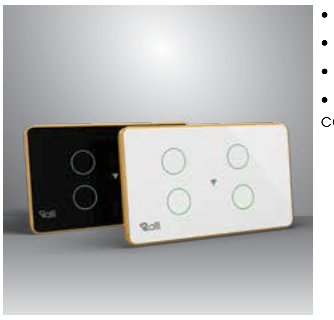
CTCU.WF CN.03T.2W.SP



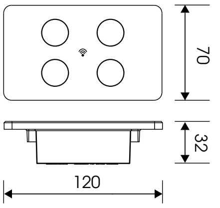
- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTCU.WF CN.04T.2W.SP



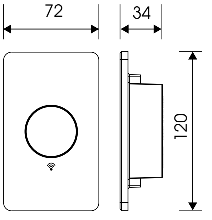
- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTCU.WF CN.01T MN



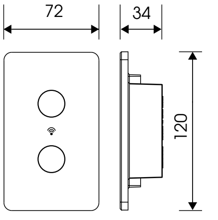
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.02T MN



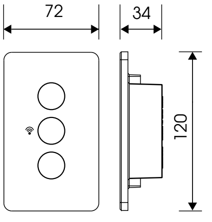
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.03T MN



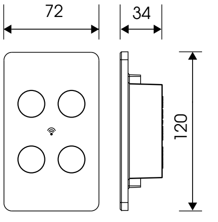
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.04T MN



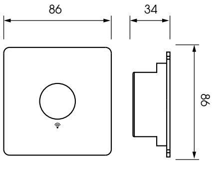
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.01



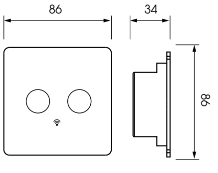
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.02



- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.

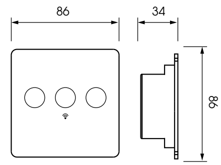


Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF CN.03T.2W.SP	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32
CTCU.WF CN.04T.2W.SP	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32
CTCU.WF CN.01T MN	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34
CTCU.WF CN.02T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34
CTCU.WF CN.03T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34
CTCU.WF CN.04T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34
CTCU.WF V.01	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.02	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34

CTCU.WF V.03



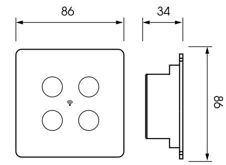
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.04



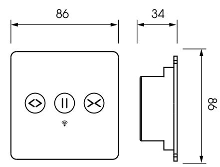
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.REMT



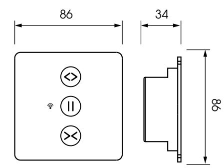
- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản



CTCU.WF V.REM MN



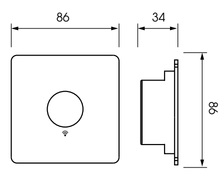
- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản



CTCU.WF V.01T MN



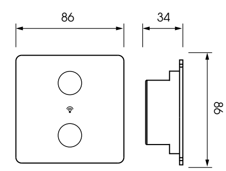
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.02T MN



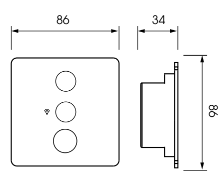
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.03T MN



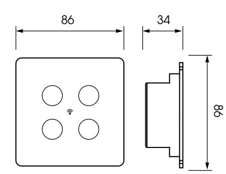
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.04T MN



- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



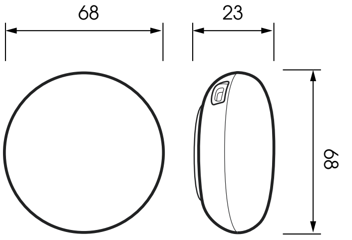
Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF V.03	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.04	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.REMT	300	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.01T MN	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.02T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.REM MN	300	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.03T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.04T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA **ĐA NĂNG THÔNG MINH**

ĐK01.IR WF



Nguồn cung cấp (V)	5V/1A
Hướng điều khiển	Đa hướng
Khoảng cách điều khiển thiết bị (m)	4÷8
Dải nhiệt độ hoạt động	0 ÷ 50
Kích thước (mm)	68x23
Khối lượng (gr)	60



BỘ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA **ĐA NĂNG THÔNG MINH**

ĐK01.IR.RF.WF



Nguồn cung cấp (V)	5V/1A
Hướng điều khiển	Đa hướng
Khoảng cách điều khiển thiết bị (m)	≤ 8
Dải nhiệt độ hoạt động	-10 ÷ 40
Kích thước (mm)	68x23

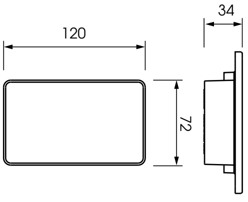
- Điều khiển các thiết bị sử dụng sóng hồng ngoại và sóng RF qua App như: tivi, điều hòa, quạt, đèn.... từ xa trên smartphone qua app Rạng Đông Smart và RalliSmartV2
  - Hẹn giờ bật tắt
  - Thiết lập kịch bản
  - Khả năng học lệnh từ nhiều điều khiển, điều khiển chính xác với góc phát 360 độ

CÔNG TẮC **CẢM ỨNG CỬA CUỐN THÔNG MINH**

CTCU.WF CN.DOT



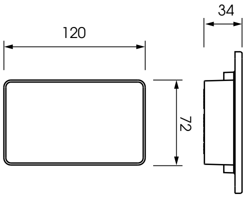
- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Chế độ khóa cảm ứng an toàn



CTCU.WF CN.DOT MN



- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Chế độ khóa cảm ứng an toàn



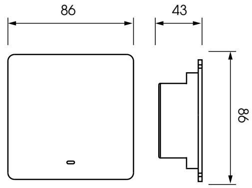
Model	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF CN.DOT	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34	120x72x34
CTCU.WF CN.DOT MN	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34	120x72x34

CÔNG TẮC **CƠ WIFI**

CTC.WF V1.01



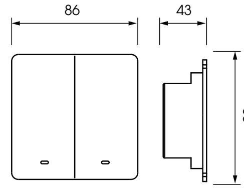
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTC.WF V1.02



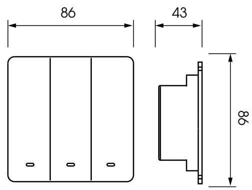
- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTC.WF V1.03



- Điều khiển từ xa
- Hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản.

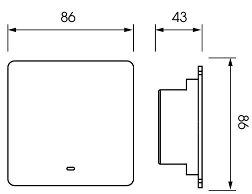


CÔNG TẮC **2 CHIỀU WIFI**

CTC2C.WF V1.01



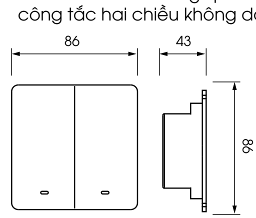
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTC2C.WF V1.02



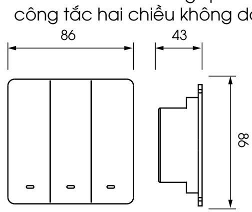
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTC2C.WF V1.03



- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



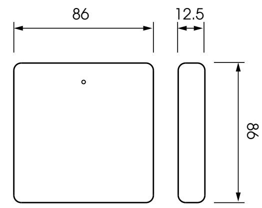
Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTC.WF V1.01	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC.WF V1.02	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC.WF V1.03	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC2C.WF V1.01	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC2C.WF V1.02	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC2C.WF V1.03	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43

CÔNG TẮC **2 CHIỀU KHÔNG DÂY**

CT2C V1.01



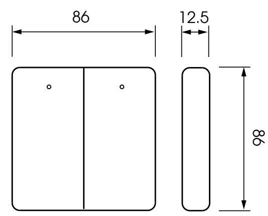
Nguồn cấp	Mạch tự phát năng lượng
Chuẩn kết nối	Bluetooth
Khoảng cách kết nối (m)	50
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)	-10÷40
Kích thước (mm)	86x86x12.5



CT2C V1.02



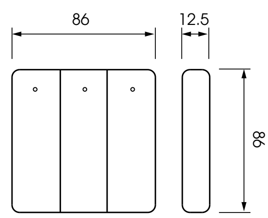
Nguồn cấp	Mạch tự phát năng lượng
Chuẩn kết nối	Bluetooth
Khoảng cách kết nối (m)	50
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)	-10÷40
Kích thước (mm)	86x86x12.5



CT2C V1.03



Nguồn cấp	Mạch tự phát năng lượng
Chuẩn kết nối	Bluetooth
Khoảng cách kết nối (m)	50
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)	-10÷40
Kích thước (mm)	86x86x12.5



CẢM BIẾN **KHÓI**

CB11.SM.WF



Nguồn cấp	Pin CR123A
Cường độ âm báo (dB/m)	≥ 85
Dải nhiệt độ hoạt động (độ C)	-10÷50
Kích thước (mm)	86x32

- Thiết lập ngữ cảnh liên kết cảm biến với các thiết bị khác như còi báo, vòi phun nước cứu hỏa...
- Cài đặt nhận thông tin cảnh báo từ cảm biến khói theo thời gian thực. Hiển thị trên App qua smartphone

CHUÔNG BÁO ĐỘNG **THÔNG MINH**

CBĐ01.WF



Nguồn cấp	Adapter 5VDC
Cường độ âm báo (dB/m)	95 ÷ 115
Dải nhiệt độ hoạt động (độ C)	-10 ÷ 50
Kích thước (mm)	80x35

- Thiết lập ngữ cảnh liên kết chuông báo với các thiết bị khác như cảm biến, cơ cấu chấp hành...
- Cài đặt phát âm thanh cảnh báo từ hệ thống theo thời gian thực/Điều khiển qua App/Ngữ cảnh thiết lập.
- Hiển thị, điều khiển thiết bị trên App qua smartphone.

Ổ CẮM **WIFI ĐƠN**

OC.01.WF 16W



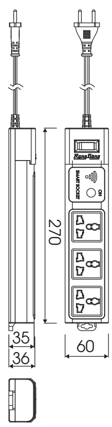
Điện áp nguồn danh định:	220V/50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Dòng điện ổ cắm tối đa:	16 A
Số chu kỳ bật tắt:	100 000 lần
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Kích thước:	(63x44x49) mm

- Kết nối không dây Wifi.
- Điều khiển từ xa qua Internet.
- Điều khiển theo kịch bản.
- Đặt lịch & Hẹn giờ.
- Phần mềm điều khiển cài đặt trên smartphone tương thích với cả Hệ điều hành Androi và IOS.

Ổ CẮM KÉO DÀI **ĐIỀU KHIỂN WIFI**

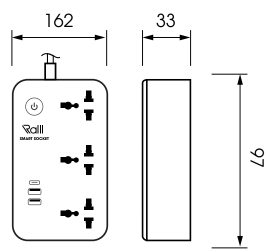
OC02.WF 3C/3M/10A





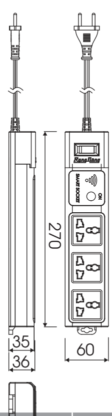
OC08.WF.USB 3C/10A





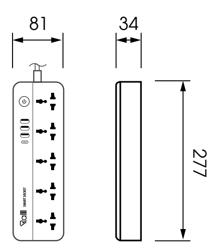
OC02.WF 3C/5M/10A





OC09.WF.USB 5C/10A





Model	Công suất	Dòng điện max	Điện áp hoạt động max	Chuẩn điều khiển	Dải nhiệt độ hoạt động	Chiều dài dây	Kích thước
	W	A	V		°C	m	mm
OC02.WF 3C/3M/10A	2500	10	150÷250	Wi-Fi	-10÷45	3	270x60x35
OC02.WF 3C/5M/10A	2500	10	150÷250	Wi-Fi	-10÷45	5	270x60x35
OC08.WF.USB 3C/10A	2500	10	100÷250	WIFI	-10÷40	2	162x97x33
OC09.WF.USB 5C/10A	2500	10	100÷250	WIFI	-10÷40	2	277x81x34

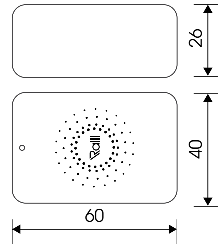
CÔNG TẮC **CHUYỂN MẠCH**

CT.WF.ON/OFF



Công suất không tải (W)	0.55
Điện áp (V/Hz)	220/50-60
Dải nhiệt độ hoạt động (độ C)	-10 ÷ 45
Điện áp hoạt động (V)	150÷250
Dòng điện max (A)	10
Kích thước (mm)	60x40x26

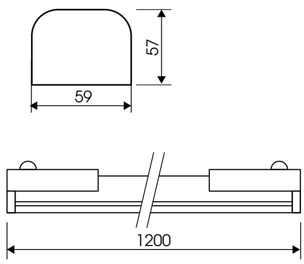
- Kết nối thiết bị với điện thoại thông minh qua app Rang Dong Smart, dễ dàng quản lý, sử dụng
- Tính năng "bắt điểm không" giúp nâng cao tuổi thọ thiết bị và gia tăng độ tin cậy của sản phẩm.



BỘ ĐÈN LED **CẢM BIẾN THÔNG MINH**

PKL.PIR.BLE 1200/40W (DIM)

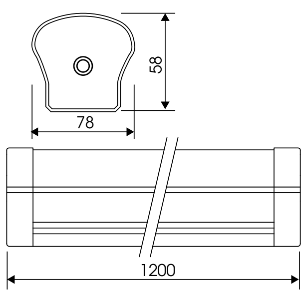




- Thay đổi công suất đèn qua App hoặc tự động thay đổi theo cảm biến.
- Khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn sáng theo mức đã cài đặt đồng thời kích hoạt tới nhóm đèn đã được cấu hình.
- Khi không phát hiện chuyển động, sau thời gian giữ sáng được cài đặt đèn tự động chuyển về mức đã cài đặt.
- Phạm vi phát hiện chuyển động (m): <7 (Có thể điều chỉnh qua App).
- Thời gian giữ sáng (s):
  - Mặc định: 60
  - Có thể điều chỉnh qua App.
- Cường độ sáng (%):
  - Mặc định: 100 khi có người, 30 khi không có người.
  - Có thể điều chỉnh qua App.

M28.RAD.BLE 1200/40W (DIM)





- 2 chế độ hoạt động: Tự động (hoạt động theo cảm biến) và Thủ công (Cài đặt và điều khiển tắt/bật 1 đèn hoặc nhóm đèn qua App).
- Kết nối không dây giữa đèn với App điện thoại và giữa các đèn với nhau.
- Cài đặt và điều khiển 1 đèn hoặc nhóm đèn thông qua App Local Ralli Bluetooth.
- Phạm vi phát hiện chuyển động (m): <7 (Có thể điều chỉnh qua App).
- Thời gian giữ sáng (s):
  - Mặc định: 60
  - Có thể điều chỉnh qua App.
- Cường độ sáng (%):
  - Mặc định: 100 khi có người, 30 khi không có người
  - Có thể điều chỉnh qua App.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K		Giờ	mm
PKL.PIR.BLE 1200/40W (DIM)	40	150÷250	4.000/4.400	3000/6500		25.000	1200x59x57
M28.RAD.BLE 1200/40W (DIM)	40	150÷250	4.000/4.400	3000/6500	IP65	25.000	1200x78x58



NHÓM SẢN PHẨM **CẢM BIẾN**

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài.
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết đới gió mùa.

TÍNH NĂNG

- Tích hợp cảm biến RADAR và/hoặc cảm biến PIR và/hoặc cảm biến ánh sáng đèn sẽ tự động bật sáng khi có người và tắt khi người rời đi.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

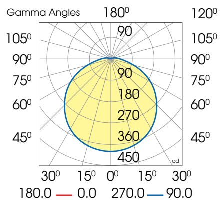
- Tiện nghi: Sử dụng đèn cảm biến là giải pháp hợp lý khi bạn không rảnh tay để bật đèn.
- An ninh: Lắp đèn cảm biến tại cửa, cổng, hiên nhà giúp đảm bảo an ninh cho người và tài sản.
- An toàn: Sử dụng đèn cảm biến sẽ đảm bảo an toàn cho các gia đình có người già và trẻ nhỏ.
- Tiết kiệm điện: Lắp đèn cảm biến tại khu vực không thường xuyên có người qua lại là giải pháp không thể tối ưu hơn.

ĐÈN LED ỐP TRẦN **CẢM BIẾN**

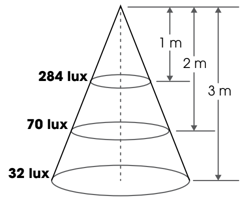


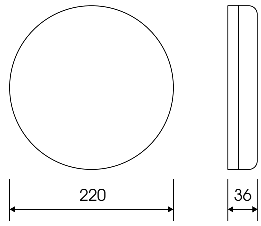
LN12.RAD 220/18W (WC)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

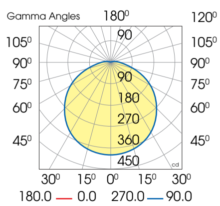




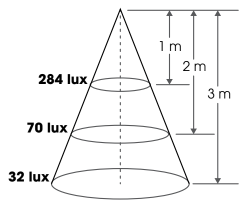


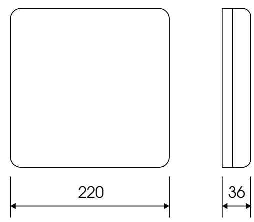
LN12.RAD 220x220/18W (WC)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

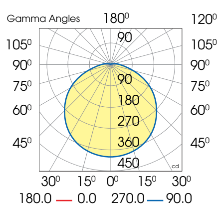




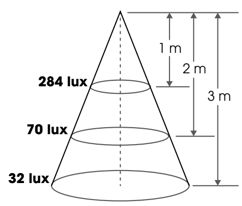


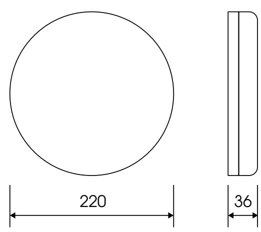
LN12.RAD 220/18W (HL)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

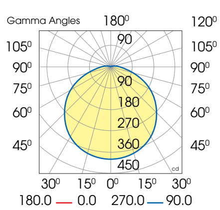




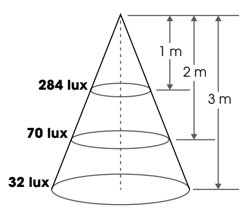


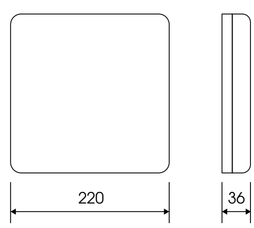
LN12.RAD 220x220/18W (HL)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K	độ		giờ	mm
LN12.RAD 220/18W (WC)	18	150÷250	1400	3000/6500	90x360	80	25.000	220x36
LN12.RAD 220x220/18W (WC)	18	150÷250	1400	3000/6500	90x360	80	25.000	220x220x36
LN12.RAD 220/18W (HL)	18	150÷250	1400	3000/6500	120x360	80	25.000	220x36
LN12.RAD 220x220/18W (HL)	18	150÷250	1400	3000/6500	120x360	80	25.000	220x220x36

ĐÈN GẮN TƯỜNG **CẢM BIẾN**

GT16.PIR 180/15W

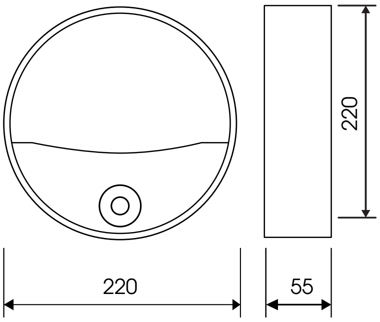


Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện:

- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m



GT16.PIR 220x100/15W

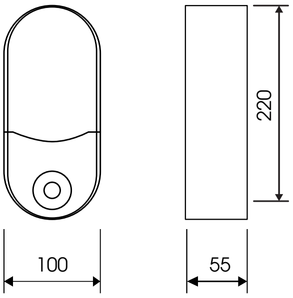


Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện:

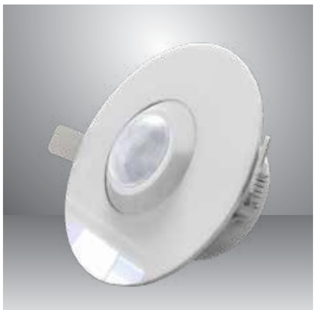
- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m



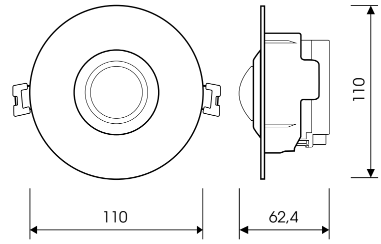
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
GT16.PIR 180/15W	15	150÷250	0.5	63/60	950/900	6500/3000	80	25.000	220x55
GT16.PIR 220x100/15W	15	150÷250	0.5	63/60	950/900	6500/3000	80	25.000	220x100x55

ĐÈN CẢM BIẾN **CHUYỂN ĐỘNG**

CB09.PIR (AC)



- Tự động cấp nguồn cho các thiết bị điện khi phát hiện chuyển động.
- Linh hoạt điều chỉnh thời gian giữ sáng (3 giây đến 15 phút) và khoảng cách phát hiện (3-7 mét) trực tiếp trên sản phẩm"



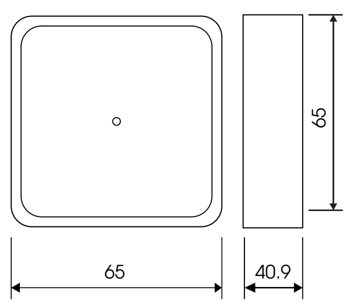
Model	Công suất tải	Dải điện áp hoạt động	Dải nhiệt độ hoạt động	Phạm vi cảm biến	Mức cảm biến ánh sáng	Góc phát hiện chuyển động	Thời gian ngắt mạch không không phát hiện chuyển động	Góc xoay (độ)	Kích thước lỗ khoét trần	Kích thước
	W	V	˚C	m	lux	˚	giây	˚	mm	mm
CB09.PIR (AC)	≤ 300	150÷250	0÷40	<7	80÷120	90/360	3÷900	20	90	110x62.4

ĐÈN NGỦ **CẢM BIẾN**

ĐN02.LS 65x65/0.3W



- Tích hợp tính năng cảm biến ánh sáng
- Có 2 chế độ hoạt động được điều khiển bằng công tắc gạt:
  - + Chế độ On: Đèn luôn sáng sau khi cấp nguồn.
  - + Chế độ Auto: Đèn chỉ sáng khi cấp nguồn và ánh sáng môi trường và cường độ ánh sáng <15 lux.



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Mức cảm biến ánh sáng	KC phát hiện chuyển động	Thời gian đèn tắt khi không phát hiện chuyển động	Tuổi thọ	Nhiệt độ màu	Dải nhiệt độ hoạt động	Kích thước
	W	V	lux	m	giây	giờ	K	độ	mm
ĐN02.LS 65x65/0.3W	0.3	150÷250	< 15	-	-	30.000	3000	-10÷40	(65x65x40.9)

ĐUI ĐÈN **CẢM BIẾN**



ĐCB01.PIR E27/300W

Công suất tải	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Kiểu đầu đèn	E27
KL đèn lắp trên đui (Max)	300 g
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Kích thước	(100x73x64) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 đèn kèm 1 thiết bị điện (chuông báo, quạt gió) công suất max 300w

CÔNG TẮC **CẢM BIẾN**



CT01.PIR 300W

Công suất tải	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động	(-10÷40) °C
Kích thước	(113x70x70) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 dãy đèn hoặc thiết bị khác (Chuông báo) có công suất max 300W

ĐÈN LED GƯƠNG **CẢM BIẾN**



G04.PIR 8W

Công suất	8 W
Dải điện áp hoạt động	(150÷250) V
Tần số	50 Hz
Nhiệt độ màu	6500 K / 3000 K
Quang thông	400 lm
Tuổi thọ	25.000 giờ
Khoảng cách phát hiện	(1-2) m
Kích thước	(600x125x60) mm
Tính năng	Đèn hoạt động ở 2 chế độ: - Chế độ On (Đèn thường) - Đèn luôn sáng sau khi được cấp nguồn - Chế độ Auto (Đèn cảm biến) - Đèn tự động bật sáng khi phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến. Sau 180s kể từ khi không phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến, đèn sẽ tự động tắt.

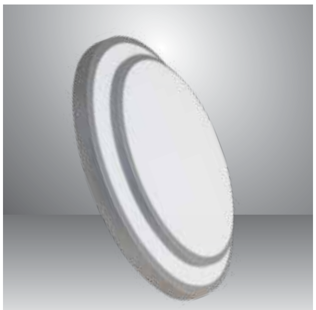


NHÓM SẢN PHẨM **ĐỔI MÀU**

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

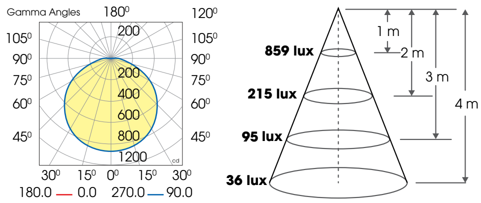
- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/ IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết nhiệt đới gió mùa.

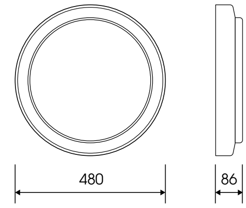
ĐÈN LED ỐP TRẦN KHỔ LỚN **ĐỔI MÀU**



LN16 ĐM 480/40W

PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI

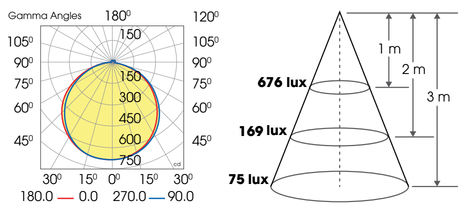


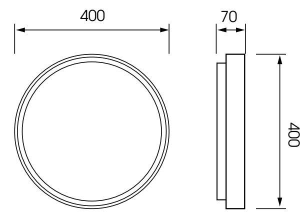




LN28 ĐM 400/40W

PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI





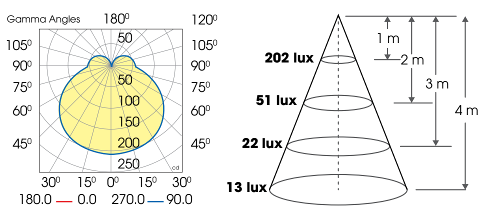
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN16 ĐM 480/40W	40	150÷250	50	2800/2520/2800	6500/3000/4000	80	25.000	480x86
LN28 ĐM 400/40W	40	150÷250	50	2800/2520/2800	6500/3000/4000	80	30.000	400x70

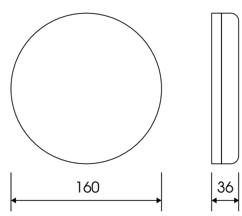
ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM **ĐỔI MÀU**



LN12 ĐM 170/15W

PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI

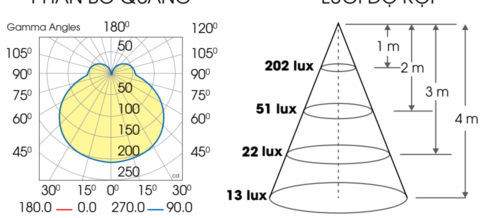


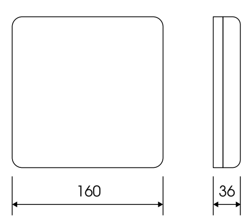




LN12 ĐM 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI



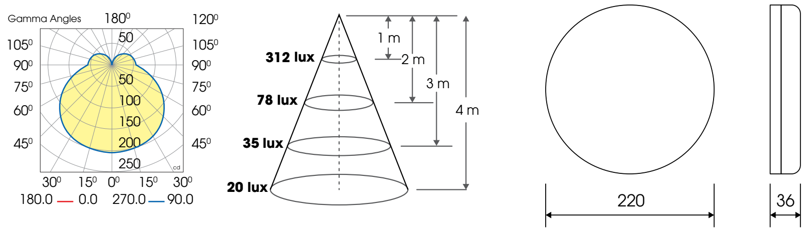


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12 ĐM 170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30.000	160x36
LN12 ĐM 170x170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30.000	160x160x36



LN12 ĐM 220/22W

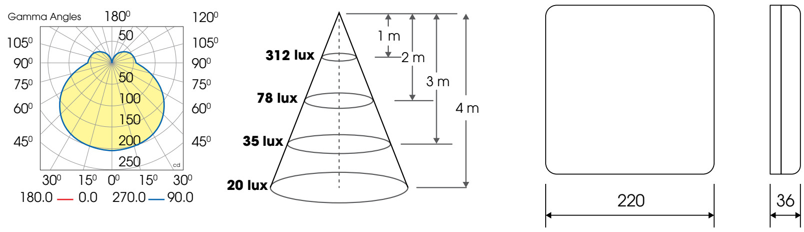
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





LN12 ĐM 220x220/22W

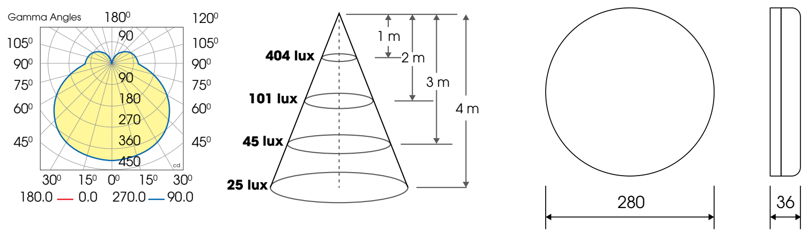
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





LN12 ĐM 300/30W

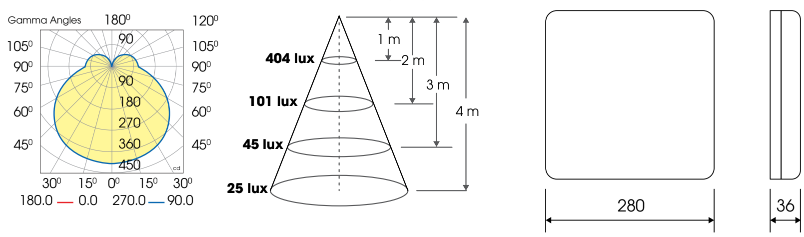
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





LN12 ĐM 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI

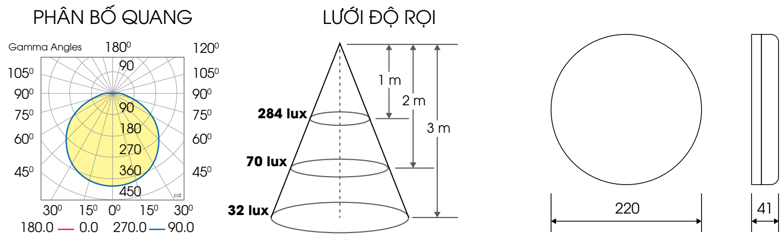


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12 ĐM 220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30.000	220x36
LN12 ĐM 220x220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30.000	220x220x36
LN12 ĐM 300x300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30.000	280x36
LN12 ĐM 300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30.000	280x280x36

ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA **ĐỔI MÀU**

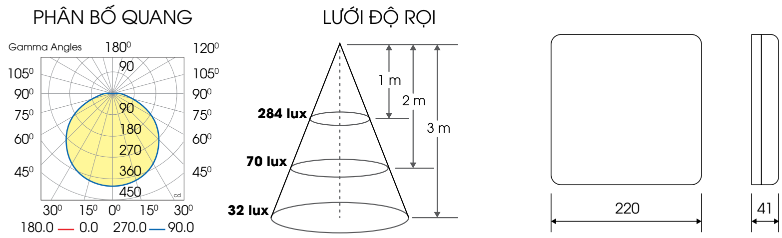


LN12N ĐM 220/18W



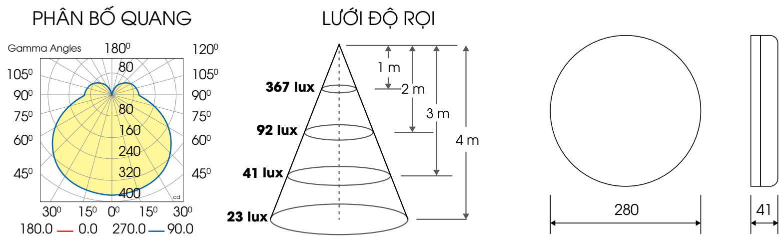


LN12N ĐM 220x220/18W



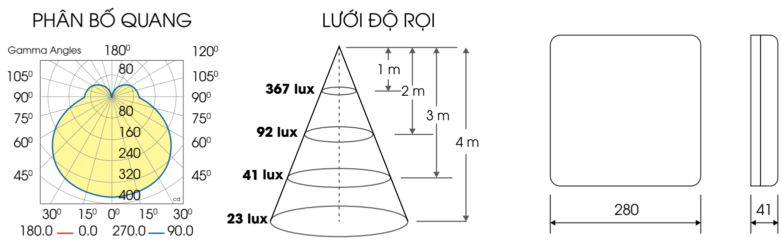


LN12N ĐM 300/24W



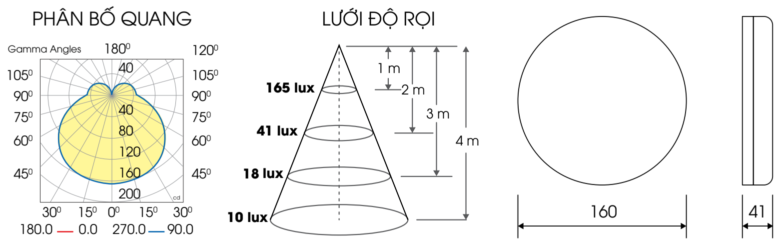


LN12N ĐM 300x300/24W





LN12N ĐM 170/12W

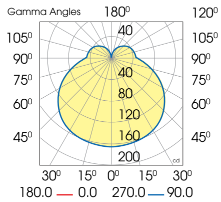


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12N ĐM 220/18W	18	150÷250	50	1400/1260/1400	6500/3000/4000	80	25.000	220x41
LN12N ĐM 220x220/18W	18	150÷250	50	1400/1260/1400	6500/3000/4000	80	25.000	220x220x41
LN12N ĐM 300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25.000	280x41
LN12N ĐM 300x300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25.000	280x280x41
LN12N ĐM 170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x41

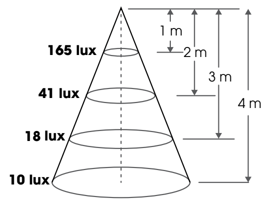


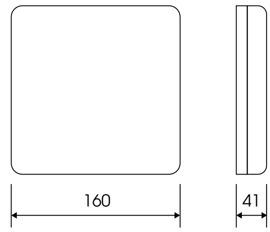
LN12N ĐM 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG



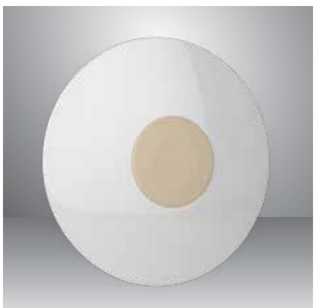
LƯỚI ĐỘ RỌI





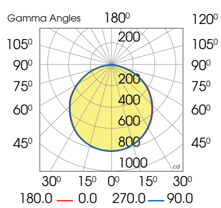
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12N ĐM 170x170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x160x41

ĐÈN LED ỐP TRẦN **ĐỔI MÀU**

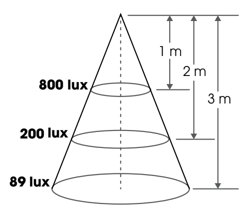


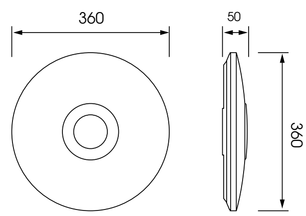
LN26 ĐM 360/36W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





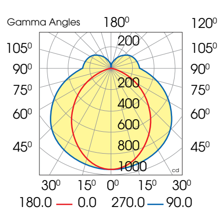
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN26 360/36W	36	150÷250	50	2380/2660/2660	3000/4000/6500	80	25.000	360x50

BỘ ĐÈN M36 **ĐỔI MÀU**

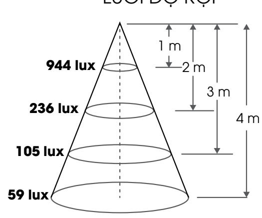


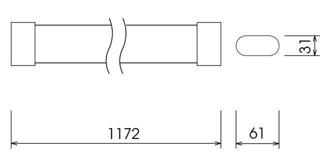
M36 ĐM 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





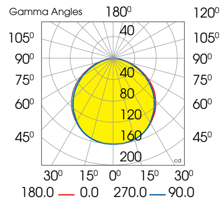
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz		lm/W	lm			giờ	mm
M36 ĐM 1200/40W	40	150÷250	50	0.5	110	4400/4000/4400	6500/3000/4000	80	25.000	1.172x61x31

ĐÈN LED PANEL TRÒN **ĐỔI MÀU**

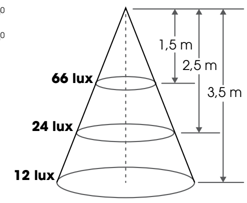


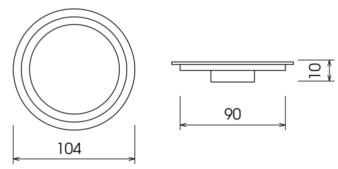
PT04.V2 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

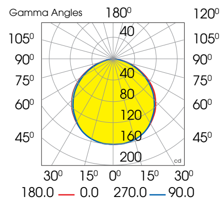




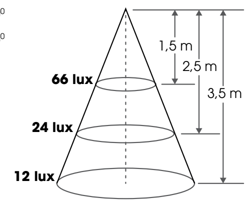


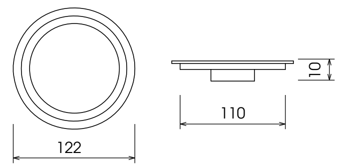
PT04.V2 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

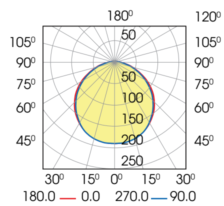




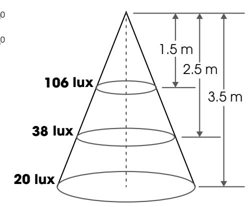


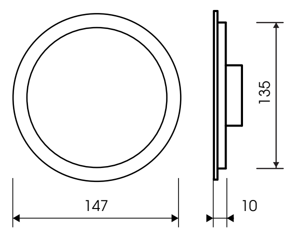
PT04.V2 ĐM 135/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

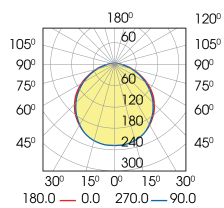




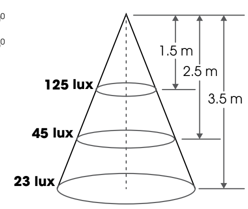


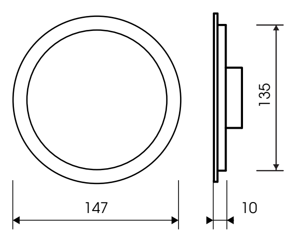
PT04.V2 ĐM 135/12W

PHÂN BỐ QUANG



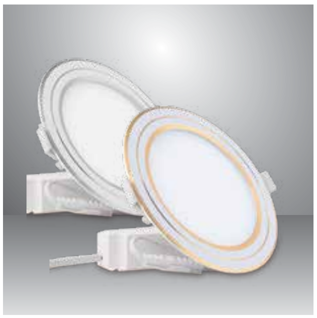
LƯỚI ĐỘ RỌI



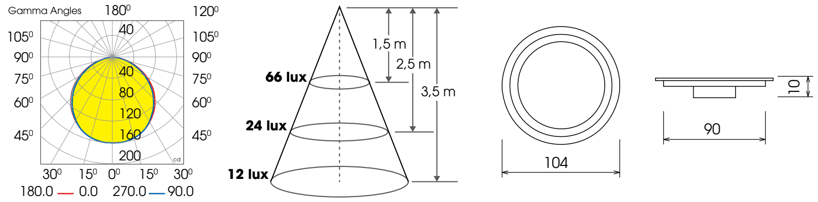


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
PT04.V2 ĐM 90/7W	7	150÷250	0.5	64/67/71	450/470/500	6500/4000/5000	80	25.000	104x10	90
PT04.V2 ĐM 110/9W	9	150÷250	0.5	66/64/75	600/580/680	6500/4000/5000	80	25.000	122x10	110
PT04.V2 ĐM 135/9W	9	150÷250	0.5	71/66/75	640/600/680	6500/4000/5000	80	25.000	122x10	110
PT04.V2 ĐM 135/12W	12	150÷250	0.5	66/62/71	800/750/850	6500/4000/5000	80	25.000	147x10	135

PT05 ĐM 90/7W



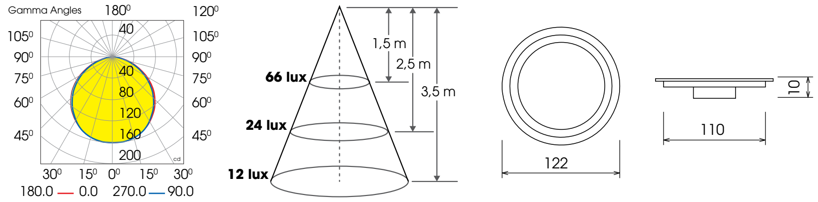
PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI



PT05 ĐM 110/7W



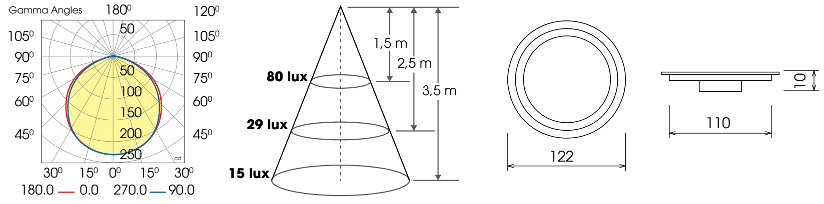
PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI



PT05 ĐM 110/9W



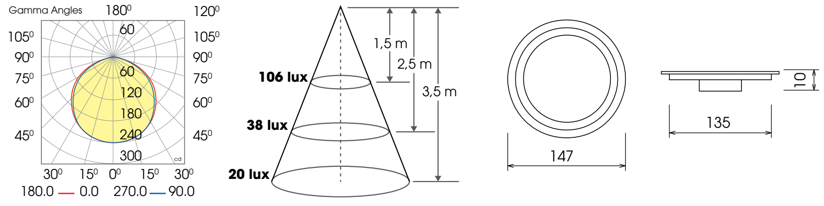
PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI



PT05 ĐM 135/9W



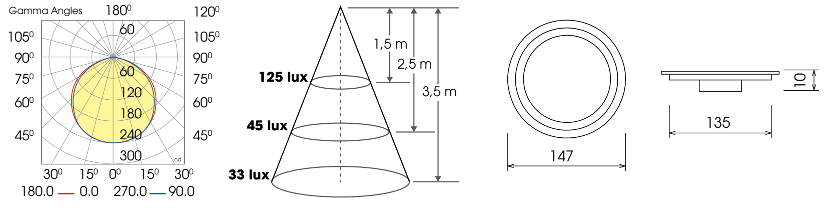
PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI



PT05 ĐM 135/12W



PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI



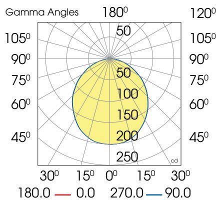
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm	mm
PT05 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	520/470/ 570	6500/4000/5000	80	20.000	104x10	90
PT05 ĐM 110/7W	7	150÷250	50	540/520/ 610	6500/4000/5000	80	20.000	122x10	110
PT05 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	600/580/ 680	6500/4000/5000	80	20.000	122x10	110
PT05 ĐM 135/9W	9	150÷250	50	640/600/680	6500/4000/5000	80	20.000	147x10	135
PT05 ĐM 135/12W	12	150÷250	50	800/750/850	6500/4000/5000	80	20.000	147x10	135

ĐÈN LED DOWNLIGHT **ĐỔI MÀU**

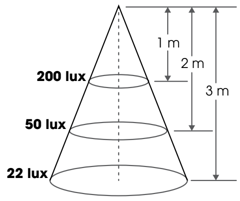


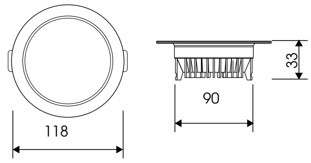
AT02 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

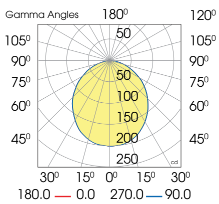




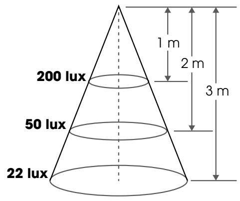


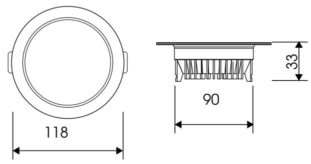
AT02 ĐM 90/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

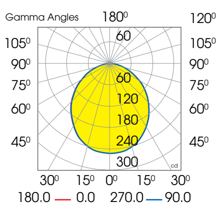




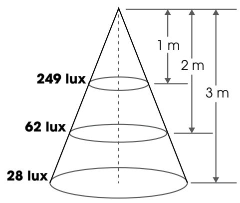


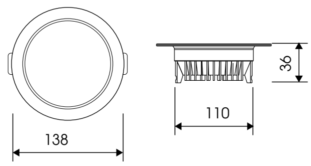
AT02 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

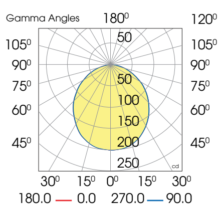




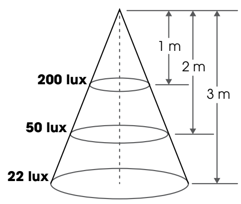


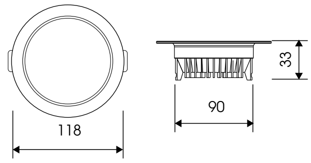
AT10 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

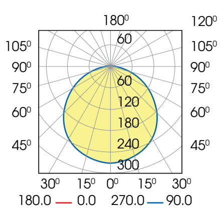




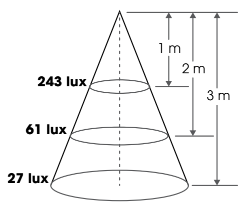


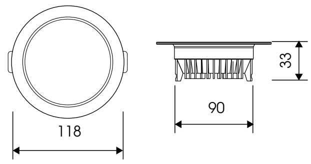
AT10 ĐM 90/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



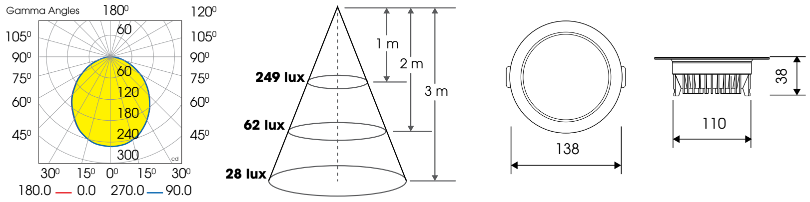


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT02 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	100	700	6500/4000/3000	80	30.000	118x33	90
AT02 ĐM 90/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	30.000	118x33	90
AT02 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	30.000	138x50	110
AT10 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	100	700	6500/4000/3000	80	30.000	118x33	90
AT10 ĐM 90/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	30.000	118x33	90



AT10 ĐM 110/9W

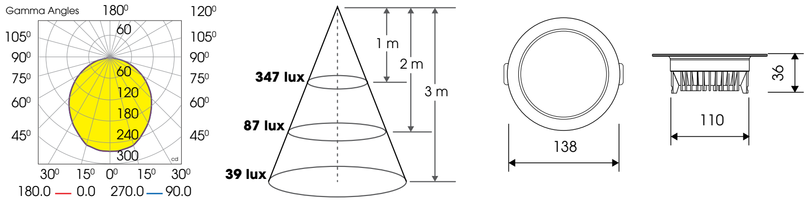
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





AT10 ĐM 110/12W

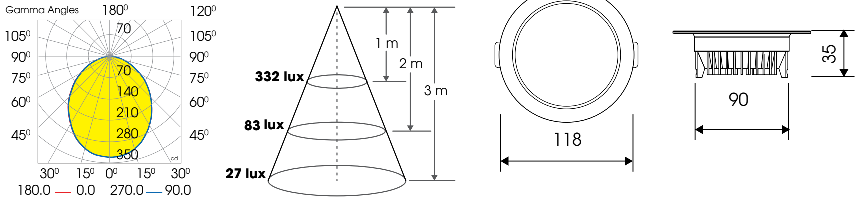
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





AT26 ĐM 90/8W

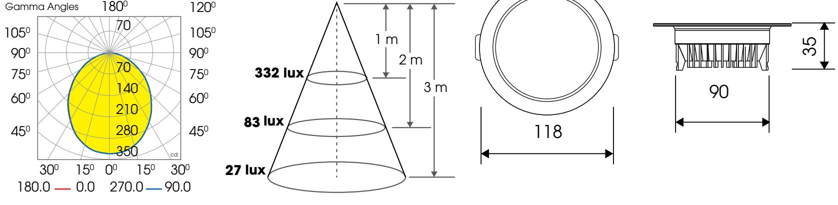
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





AT26 ĐM 90/10W

PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI



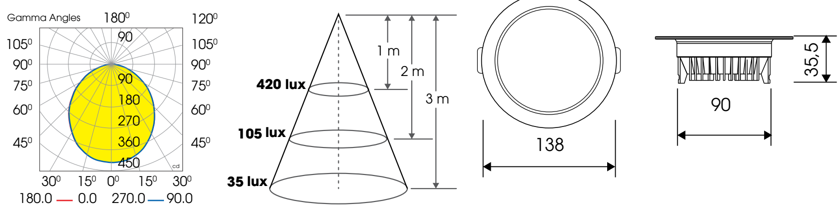
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT10 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	25.000	138x36	110
AT10 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	6500/4000/3000	80	25.000	138x36	110
AT26 ĐM 90/8W	8	150÷250	50	100	800	3000/4000/6500	80	30.000	118x35	90
AT26 ĐM 90/10W	10	150÷250	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	118x35	90



AT26 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG

LƯỚI ĐỘ RỌI

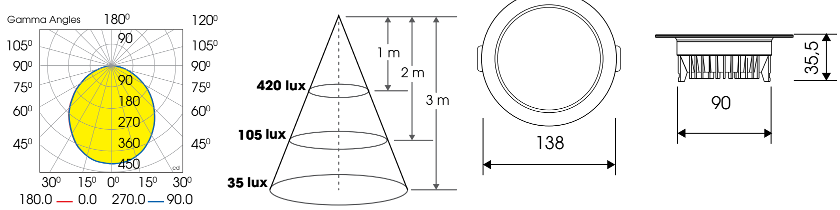




AT26 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

LƯỚI ĐỘ RỌI

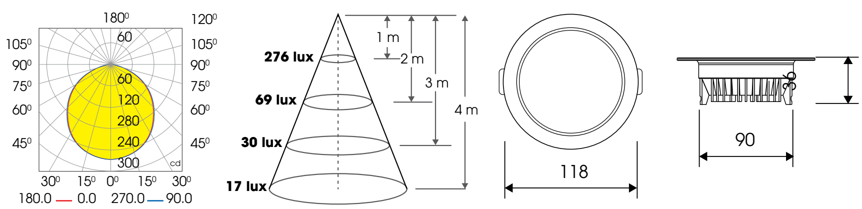




AT28 ĐM 90/8W

PHÂN BỐ QUANG

LƯỚI ĐỘ RỌI

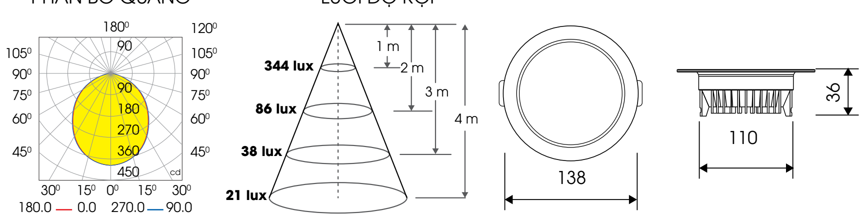




AT28 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG

LƯỚI ĐỘ RỌI

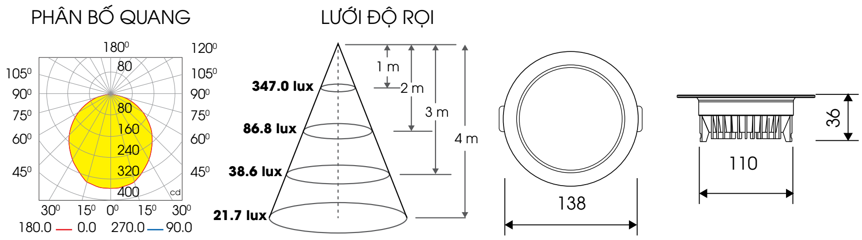




AT28 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

LƯỚI ĐỘ RỌI



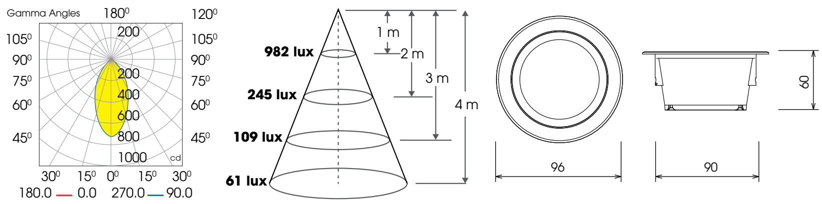
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT26 ĐM 110/10W	10	150÷250	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	138x35	110
AT26 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	3000/4000/6500	80	30.000	138x35	110
AT28 ĐM 90/8W	8	150÷250	50	100	800	3000/4000/6500	80	30.000	118x36	90
AT28 ĐM 110/10W	10	150÷250	50	100	1000	3000/4000/6501	80	30.000	138x36	110
AT28 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	3000/4000/6502	80	30.000	138x36	110

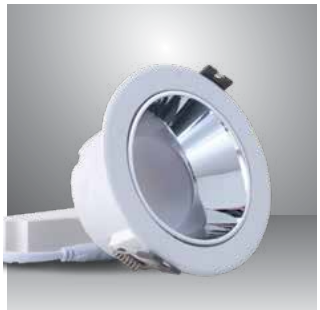
ĐÈN LED DOWNLIGH COB **ĐỔI MÀU**



AT17 ĐM 90/7W

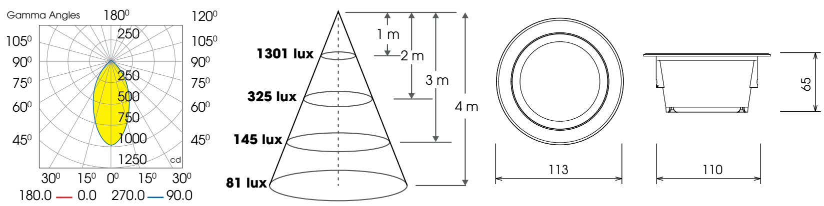
PHÂN BỐ QUANG　　LƯỚI ĐỘ RỌI





AT17 ĐM 110/9W

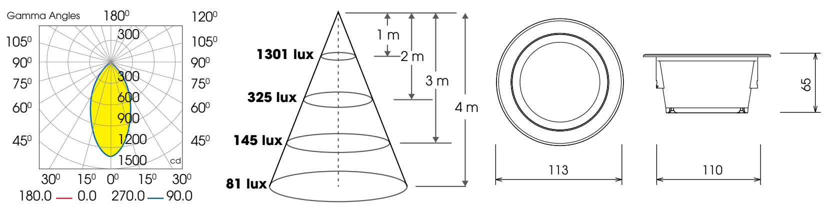
PHÂN BỐ QUANG　　LƯỚI ĐỘ RỌI





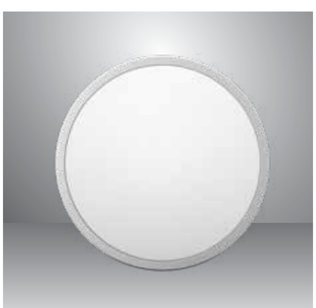
AT17 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG　　LƯỚI ĐỘ RỌI

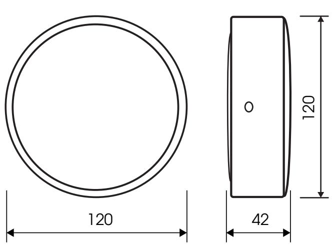


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT17 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	90	630/580/560	6500/3000/4000	80	20.000	96x60	90
AT17 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	95	860/800/770	6500/3000/4000	80	20.000	113x65	110
AT17 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	95	1140/1050/1020	6500/3000/4000	80	20.000	113x65	110

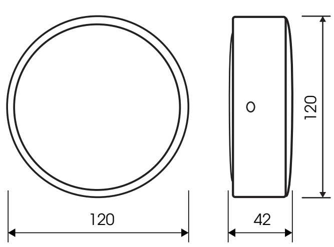
ĐÈN LED DOWNLIGH NỔI TRẦN **ĐỔI MÀU**



NT03 ĐM 120/10W



NT03 120/12W



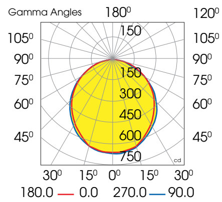
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K		Giờ	mm
NT03 120/10W	10	150÷250	81/90/90 (Vỏ trắng) 72/80/80 (Vỏ đen)	810/900/900 (Vỏ trắng) 720/800/800 (Vỏ đen)	3000/4000/6500	80	25.000	120x42
NT03 120/12W	12	150÷250	81/90/90 (Vỏ trắng) 72/80/80 (Vỏ đen)	970/1080/1080 (Vỏ trắng) 860/960/960 (Vỏ đen)	3000/4000/6500	80	25.000	120x42

ĐÈN LED PHA **ĐỔI MÀU**

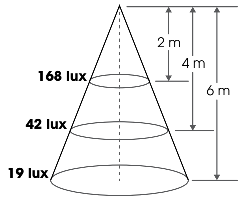


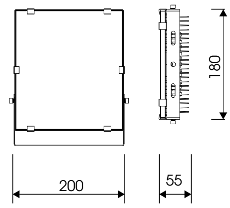
CP09.RGB 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào	Màu ánh sáng	Số cảnh chiếu sáng cài sẵn	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		A				giờ	mm
CP09.RGB 20W	20	150÷250	0,5	0.25	RGB	10	IP66	30.000	200x180x55

• Có thể kết hợp với bộ Timer để tự động đổi màu ánh sáng.

ĐÈN LED DÂY **ĐỔI MÀU**



LD03 ĐM 1000/9W

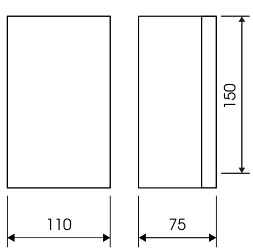
• Chiều dài tối thiểu có thể cắt: 1m
• 1 bộ đèn led dây cuộn 50m kèm theo 02 nguồn Driver và 200 tai cài cố định
"

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Cấp bảo vệ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cuộn	Kích thước (RxC)
	W	V			lm	K		giờ	m	mm
LD03 ĐM 1000/9W	9	150÷250	0,5	IP65	600	3000/4000/6500	80	25.000	50	18x9

ĐÈN LED ỐP TƯỜNG **ĐỔI MÀU**

LN18.V2 ĐM 110x75/6W





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm	K		giờ	mm
LN18.V2 ĐM 110x75/6W	6	150÷250	0,5	200	6500/3000/4000	85	20.000	110x75x150

NHÓM SẢN PHẨM LED
DỰ PHÒNG, KHẨN CẤP, EXIT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, hiệu suất cao và tuổi thọ dài.
- Bộ lưu điện dung lượng Pin Ni-Cd 400mAh / 800mAh, thời gian nạp đầy 20 giờ.
- Thời gian chiếu sáng dự phòng 3 giờ.
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1 / IEC 60598-1

TÍNH NĂNG

- Đèn tự động bật sáng khi có sự cố mất điện.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

- Tiết kiệm đến 60-75% điện năng thay thế đèn chỉ dẫn dùng bóng huỳnh quang. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện.
- Tuổi thọ cao 15.000÷25.000 giờ (L_{70}), cao gấp 2÷5 lần đèn bóng huỳnh quang, không hạn chế số lần tắt bật.

ỨNG DỤNG

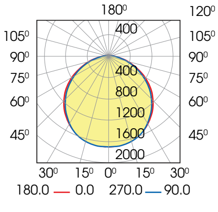
- Chiếu sáng chỉ dẫn thoát hiểm trong tòa nhà, bệnh viện, chung cư, học đường, trung tâm thương mại, khu vực hầm,…

ĐÈN LED PANEL **DỰ PHÒNG**

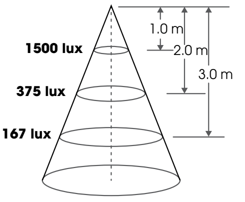


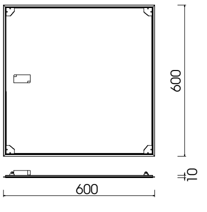
P08.DP 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

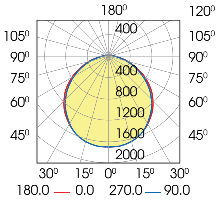




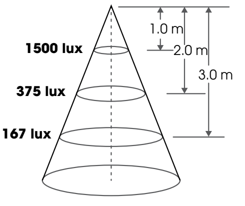


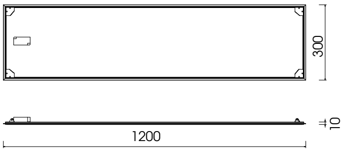
P08.DP 300x1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





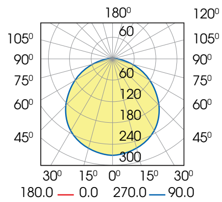
Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	giờ	giờ	K	lm	lm		giờ	mm
P08.DP 600x600/50W	50	220/50-60	2	12÷15	6500	5750	1,300	Lithium	25.000	600x600x10
P08.DP 300x1200/50W	50	220/50-60	2	12÷15	6500	5750	1,300	Lithium	25.000	1200x300x10

ĐÈN LED DOWNLIGHT **DỰ PHÒNG**

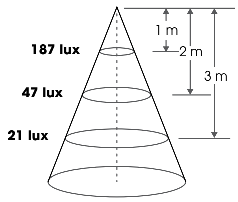


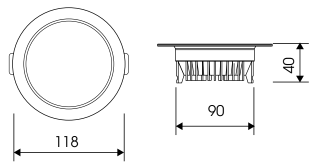
AT04.DP 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

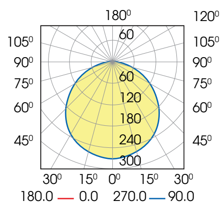




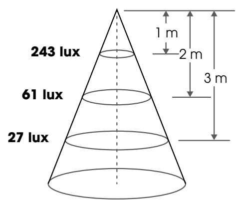


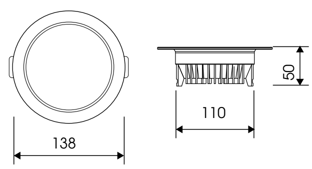
AT04.DP 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

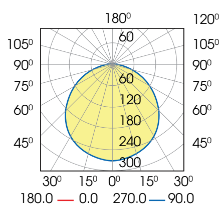




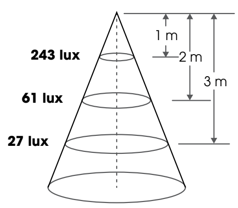


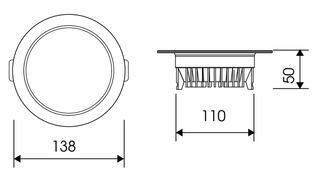
AT04.DP 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	giờ	giờ	K	lm	lm		giờ	mm
AT04.DP 90/7W	7	220/50-60	2	12÷15	6500	500	440	Lithium	20.000	118x40
AT04.DP 110/9W	9	220/50-60	2	12÷15	6500	700	440	Lithium	20.000	138x50
AT04.DP 110/12W	12	220/50-60	2	12÷15	6500	930	550	Lithium	20.000	138x50

ĐÈN LED **CHỈ DẪN**

CD01 40x20/2.2 W (1 mặt/2 mặt)



ĐÈN LED **KHẨN CẤP**

AT07.KC 90/5W



KC01 2W



KC02 10W



KC03 8W, KC04 6W



Model	Công suất	Nguồn điện danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Quang thông max	Pin	Thời gian nạp đầy pin	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Đường kính khoét lỗ
	W	V/Hz	giờ	lm		giờ	giờ	mm	mm
CD01 40x20/2.2W (1 mặt/2 mặt)	2.2	220/50	3	-	800mAh	20	-	395x25x202	
AT07.KC 90/5W	5	220/50	≥2	310 (6000K) 280 (3000K)	3.7V - 3350mAh	24	20.000	Ø113x28	90
KC01 2W	2	220/50-60	≥3	60	3.6V - 800 mAh	20÷25	15.000	258x265x50	
KC04 6W	6	220/50-60	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	500 (2 bóng) 230 (1 bóng)	3.7V - 2200 mAh	20÷25	15.000	223x195x55	
KC03 8W	8	220/50-60	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	540 (2 bóng) 250 (1 bóng)	6V - 4.5Ah	20÷25	15.000	265x60x260	
KC02 10W	10	220/50-60	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	520 (2 bóng) 250 (1 bóng)	6V - 4.5Ah	20÷25	15.000	-	



NHÓM SẢN PHẨM
LED BULB



Chiếu sáng Indoor

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc có độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật, ánh sáng trung thực tự nhiên.
- Dải điện áp rộng 150 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Có khả năng chịu nhiệt, tản nhiệt nhanh, chịu áp suất...

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí tại các cửa hàng, nhà hàng, khu vui chơi, ...



Chiếu sáng nông nghiệp

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Phổ ánh sáng phù hợp điều khiển ra hoa cây hoa cúc/thanh long thương phẩm và nhân giống
- Chất lượng cây hoa tốt, đồng đều, giá trị kinh tế cao
- Chỉ số IP 54 (hoa cúc), IP 65 (thanh long)
- Tuổi thọ đèn cao, tiết kiệm điện năng

ỨNG DỤNG

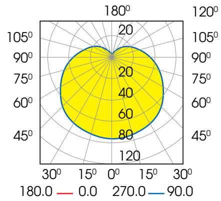
- Sử dụng chiếu sáng cây thanh long, hoa cúc, nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân.

BÓNG ĐÈN **LED BULB**

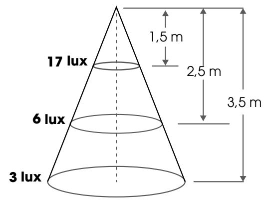


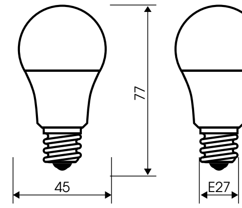
A45N1/3W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

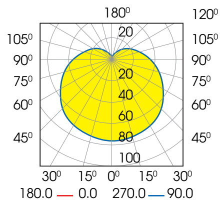




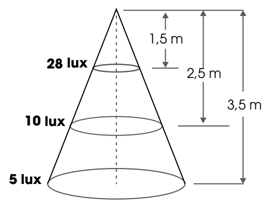


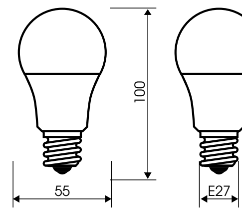
A55N4/5W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

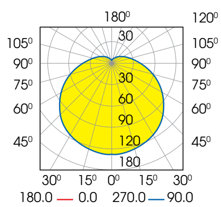




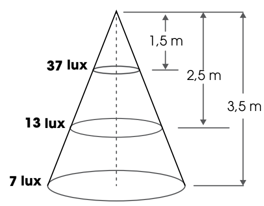


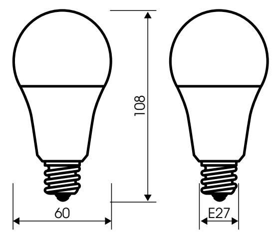
A60N3/7W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

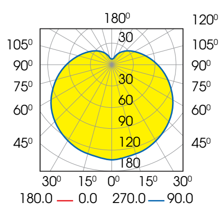




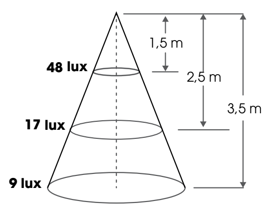


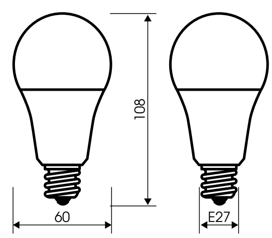
A60N1/9W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

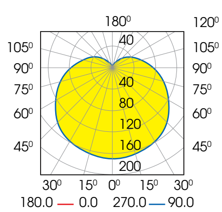




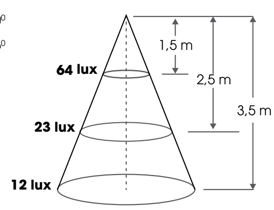


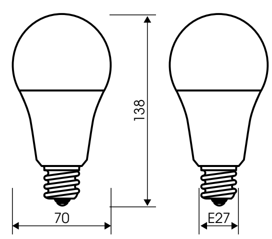
A70N1/12W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

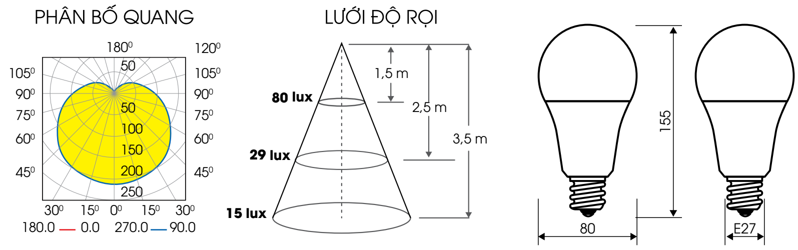




Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A45N1/3W.H	3	150÷250	0.5	90-95	270/285	3000/4000/6500	83	20.000	45x77
A55N4/5W.H	5	150÷250	0.5	90-95	450/475	3000/4000/6500	83	20.000	55x100
A60N3/7W.H	7	150÷250	0.5	80-90	560/630	3000/4000/6500	83	20.000	60x108
A60N1/9W.H	9	150÷250	0.5	80-90	720/810	3000/4000/6500	83	20.000	60x108
A70N1/12W.H	12	150÷250	0.5	85-90	1020-1080	3000/4000/6500	83	20.000	70x138

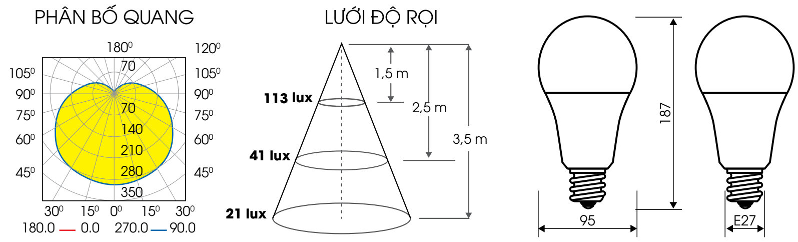


A80N1/15W.H



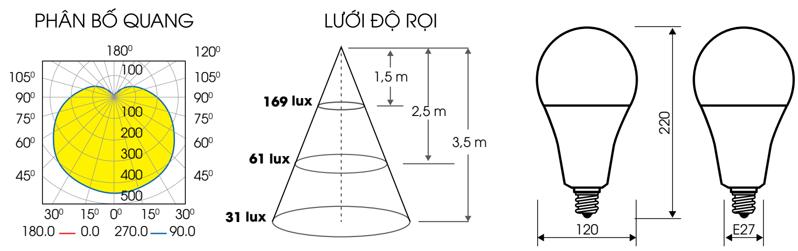


A95N1/20W.H





A120N1/30W.H

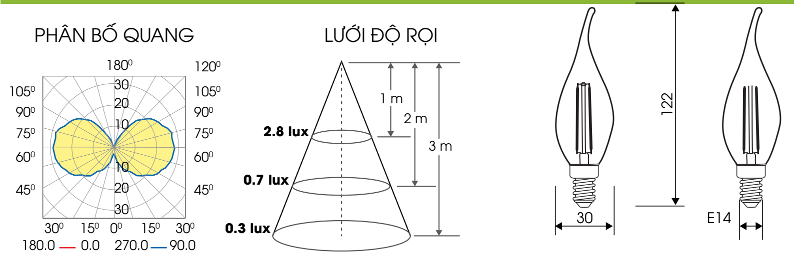


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A80N1/15W.H	15	150÷250	0.5	85-90	1270-1350	3000/4000/6500	83	20.000	80x155
A95N1/20W.H	20	150÷250	0.5	90-95	1800-1900	3000/4000/6500	83	20.000	95x187
A120N1/30W.H	30	150÷250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20.000	120x220

BÓNG ĐÈN LED **BULB NẾN DÂY TÓC**



C35/2.5W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
C35/2.5W	2.5	170÷250	0.5	112	280	2700	80	20.000	30x122

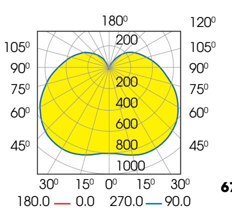


BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM ĐÚC**

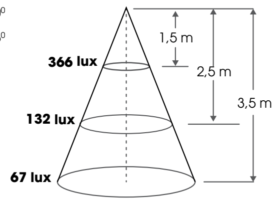


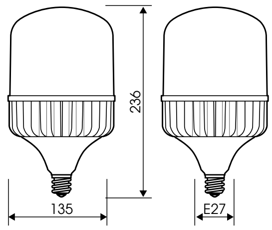
TR135NĐ1/60W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

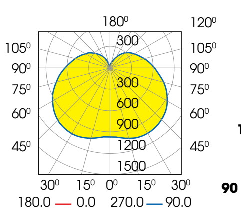




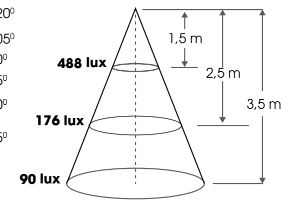


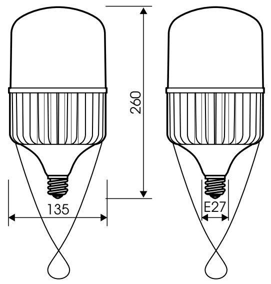
TR135NĐ/80W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR135NĐ1/60W.H	60	150÷250	0.5	85-95	4590-5130	3000/4000/6500	83	20.000	135x236
TR135NĐ/80W.H	80	150÷250	0.5	100/92	8000/7200	3000/4000/6500	83	25.000	140x250

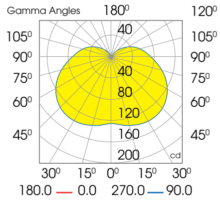


BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM NHỰA**

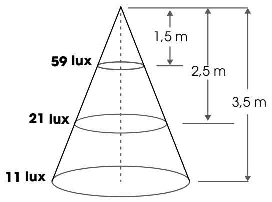


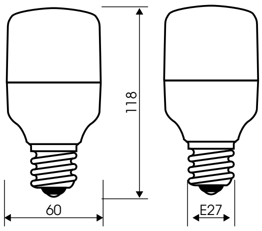
TR60N2/10W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

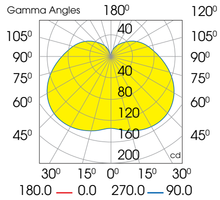




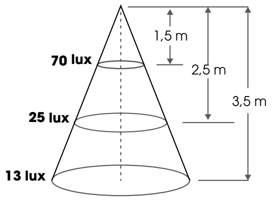


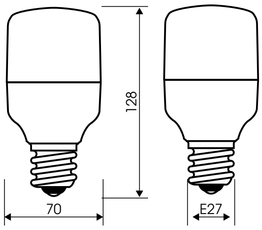
TR70N2/12W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

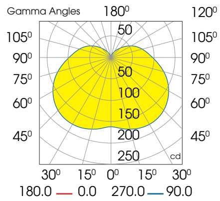




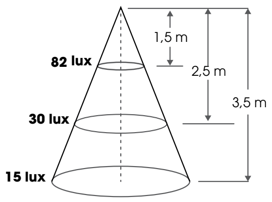


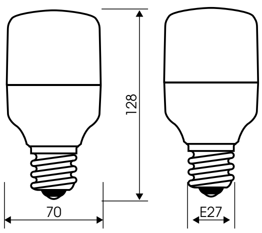
TR70N1/14W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



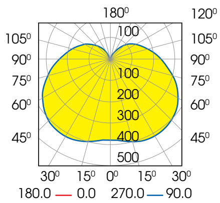


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR60N2/10W.H	10	150÷250	0.5	80-95	800-950	3000/4000/6500	83	20.000	60x118
TR70N2/12W.H	12	150÷250	0.5	90-95	1080-1140	3000/4000/6500	83	20.000	70x128
TR70N1/14W.H	14	150÷250	0.5	85-95	1190-1330	3000/4000/6500	83	20.000	70x128

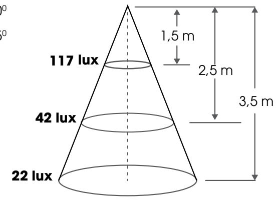
TR80N1/20W.H

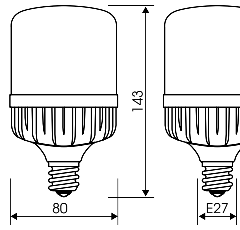


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

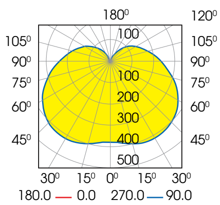




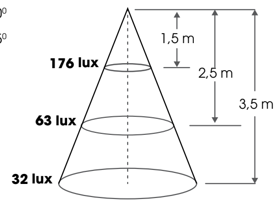
TR100N1/30W.H

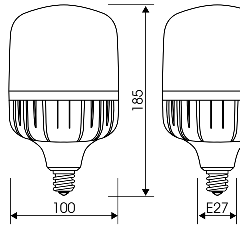


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

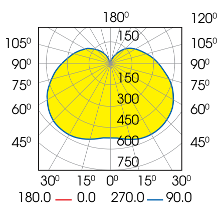




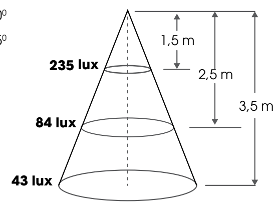
TR120N1/40W.H

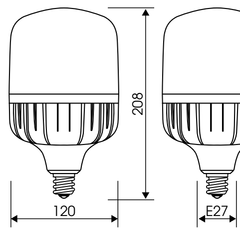


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

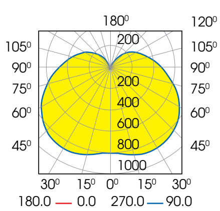




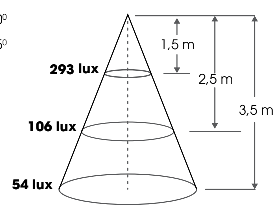
TR140N1/50W.H

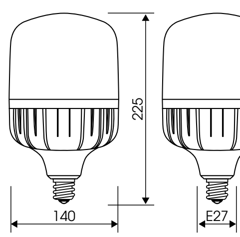


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

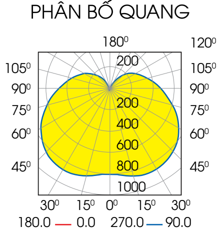




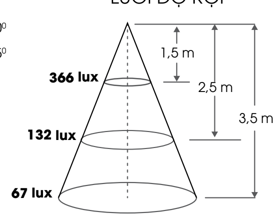
TR160N1/60W

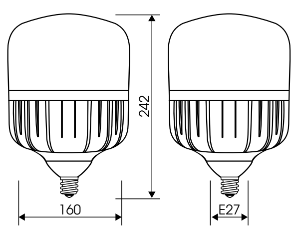


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





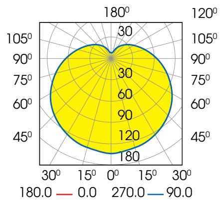
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (⌀xC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR80N1/20W.H	20	150÷250	0.5	93-95	1860-1900	3000/4000/6500	83	20.000	80x143
TR100N1/30W.H	30	150÷250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20.000	100x185
TR120N1/40W.H	40	150÷250	0.5	85-95	3400-3800	3000/4000/6500	83	20.000	120x208
TR140N1/50W.H	50	150÷250	0.5	85-95	4250-4750	3000/4000/6500	83	20.000	140x225
TR160N1/60W	60	150÷250	0.5	85-95	5100-5700	3000/6500	80	20.000	160x242

BÓNG ĐÈN **LED BULB 12-24 VDC**

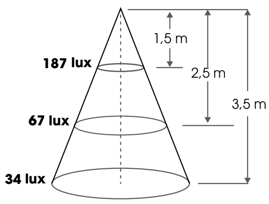


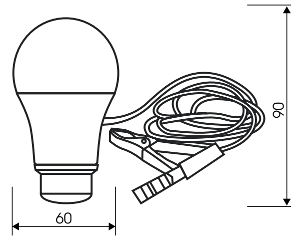
A60N1/9W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

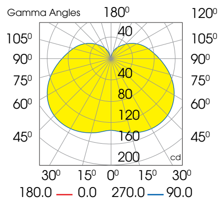




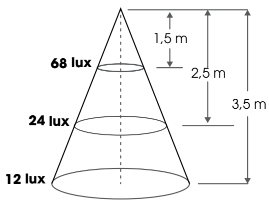


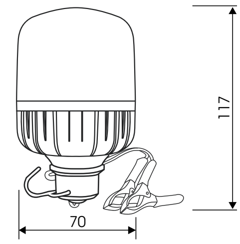
TR70N1/12W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





* Chiếu sáng sử dụng với ắc quy

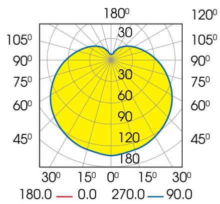
Model	Công suất	Điện áp nguồn	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W		VDC	lm/W	lm	K		Giờ	mm
A60N1/9W.DCV2	9	12	11÷12,7	80	720	3000/6500	80	15.000	60x90
TR70N1/12W.DCV2	12	12	11÷12,7	80	980	3000/6500	80	15.000	70x117

BÓNG ĐÈN **LED BULB 12-24 VDC E27**

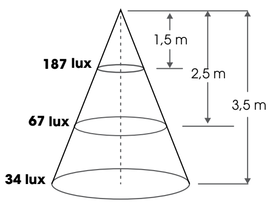


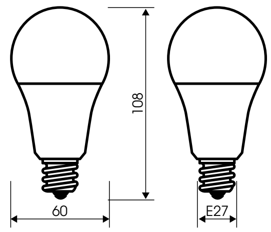
A60N1/9W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

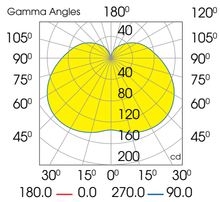




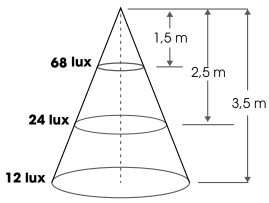


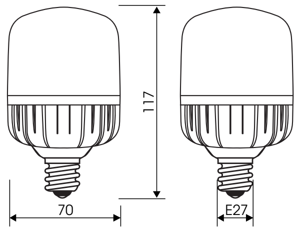
TR70N1/12W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





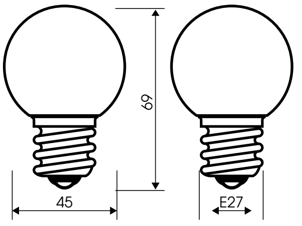
* Chiếu sáng sử dụng với ắc quy

Model	Công suất	Điện áp nguồn	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W		VDC	lm/W	lm	K		Giờ	mm
A60N1/9W.DCV2	9	12	11÷12,7	80	720	3000/6500	80	15.000	60x90
TR70N1/12W.DCV2	12	12	11÷12,7	80	980	3000/6500	80	15.000	70x117

BÓNG ĐÈN **LED BULB TRANG TRÍ**

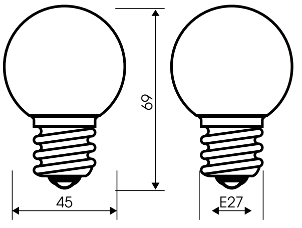


A45R/1W



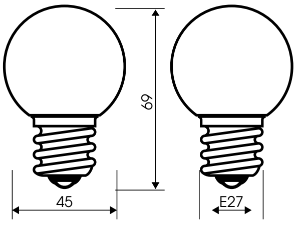


A45Y/1W



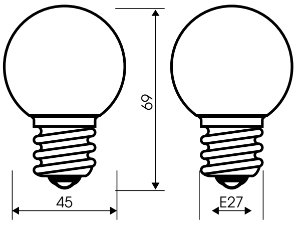


A45G/1W



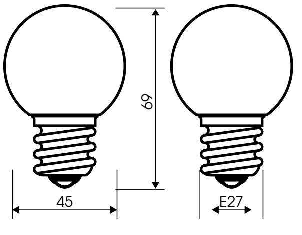


A45B/1W





A45W/1W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm		Giờ	mm
A45R/1W	1	170÷250	0,5	30	30	đỏ	15.000	45x69
A45Y/1W	1	170÷250	0,5	75	75	vàng	15.000	45x69
A45G/1W	1	170÷250	0,5	65	65	xanh lá	15.000	45x69
A45B/1W	1	170÷250	0,5	8	8	xanh lam	15.000	45x69
A45W/1W	1	170÷250	0,5	70	70	trắng	15.000	45x69



NHÓM SẢN PHẨM
BÓNG - BỘ ĐÈN LED TUBE

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 170 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác

ỨNG DỤNG

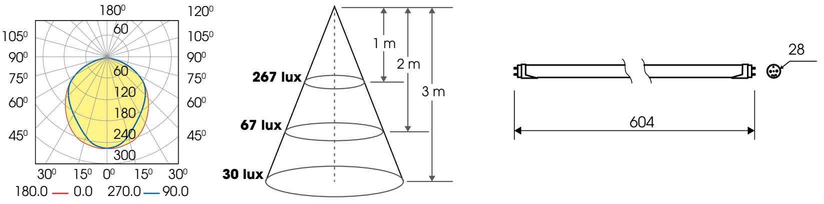
- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí: hắt khe trần, kệ trưng bày,..

BÓNG ĐÈN **LED TUBE NHÔM NHỰA**



T8 600/10W

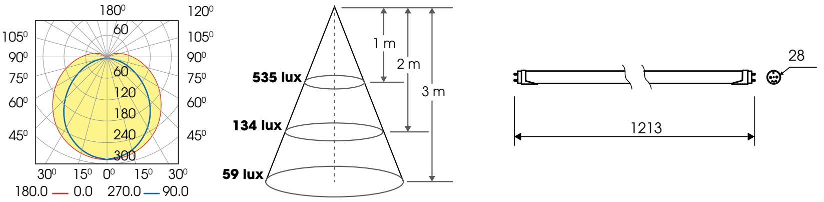
PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI





T8 1200/20W

PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI

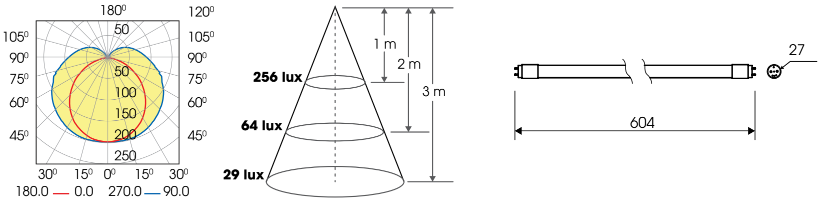


BÓNG ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH**



T8 TT01 600/10W

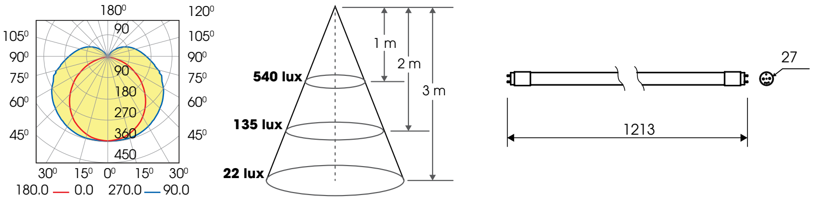
PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI

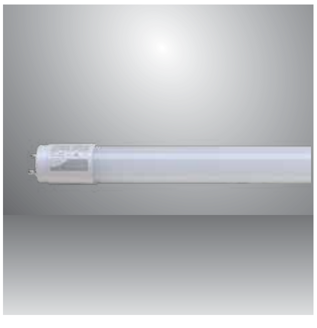




T8 TT01 1200/20W

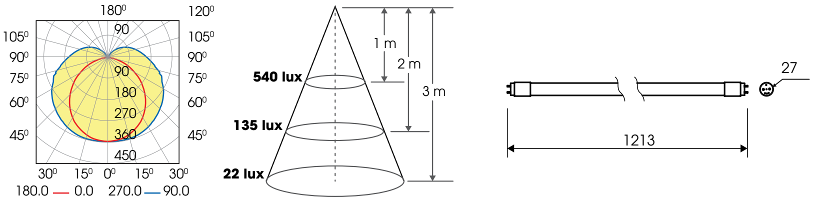
PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI





T8 TT01 1200/20W.H

PHÂN BỐ QUANG — LƯỚI ĐỘ RỌI

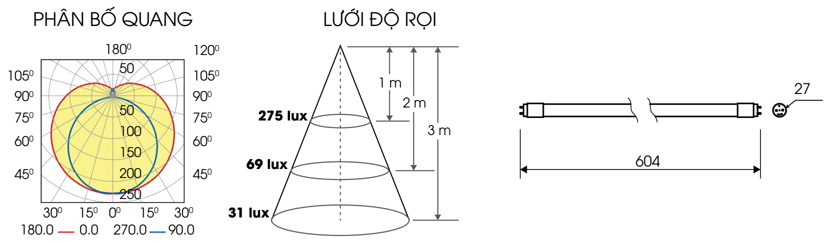


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 600/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/6500	82	30.000	28x604
T8 1200/20W	20	150÷250	0.5	115	2300	3000/6500	82	30.000	28x1213
T8 TT01 600/10W	10	150÷250	0.5	100/110	1000/1100	3000/6500	82	30.000	27x604
T8 TT01 1200/20W	20	170÷250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	30.000	27x1213
T8 TT01 1200/20W.H	20	170÷250	0.5	140/150	2800/3000	3000/6500	82	30.000	27x1213

BÓNG ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA**

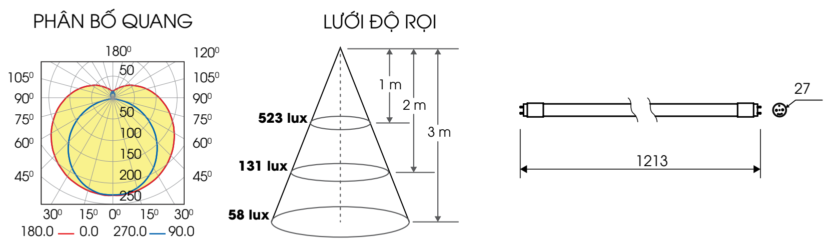


T8 N02 600/10W





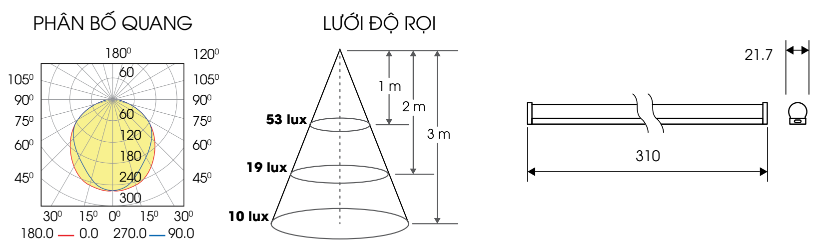
T8 N02 1200/20W



BỘ ĐÈN **LED T5 LIỀN THÂN**

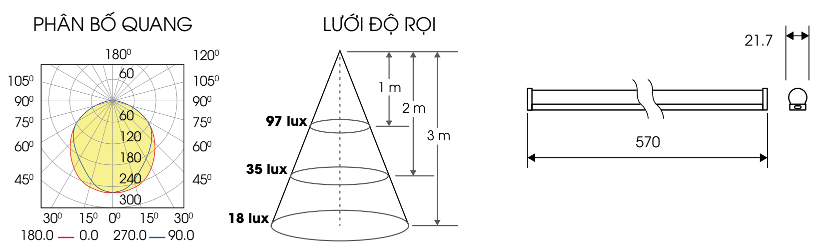


T5 LT03 300/4W



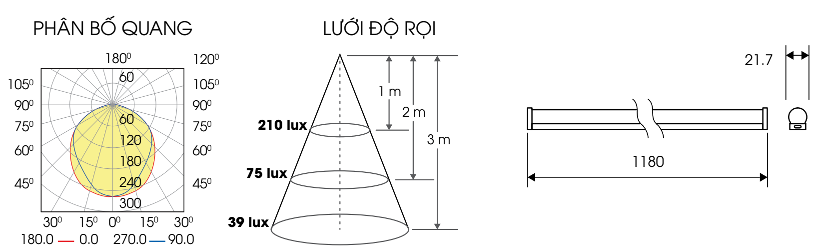


T5 LT03 600/8W





T5 LT03 1200/16W



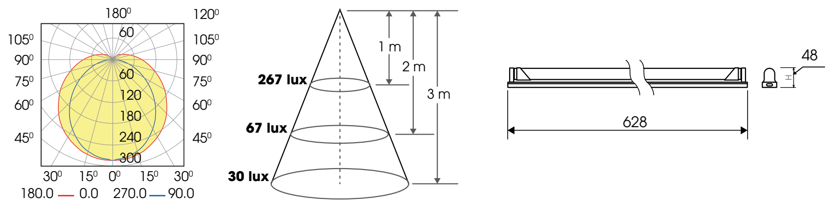
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 N02 600/10W	10	170÷250	0.5	100/110	900	3000/6500	82	20.000	27x604
T8 N02 1200/20W	20	170÷250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	20.000	27x1213
T5 LT03 300/4W	4	150÷250	0.5	90	360	3000/6500	80	15.000	21,7x310
T5 LT03 600/8W	8	150÷250	0.5	87	700	3000/6500	80	15.000	21,7x570
T5 LT03 1200/16W	16	150÷250	0.5	87	1300	3000/6500	80	15.000	21,7x1180

BỘ ĐÈN **LED TUBE NHÔM NHỰA**



T8 M11/10Wx1

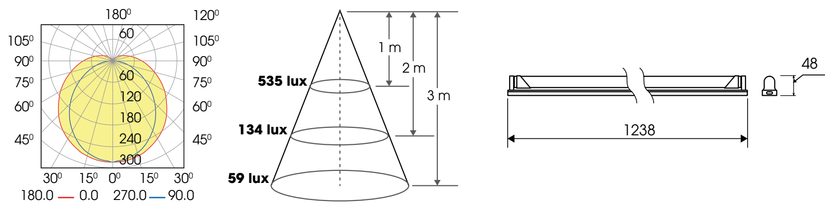
PHÂN BỐ QUANG   LƯỚI ĐỘ RỌI



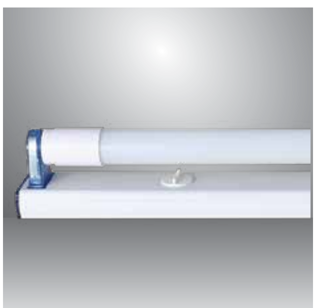


T8 M11/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG   LƯỚI ĐỘ RỌI

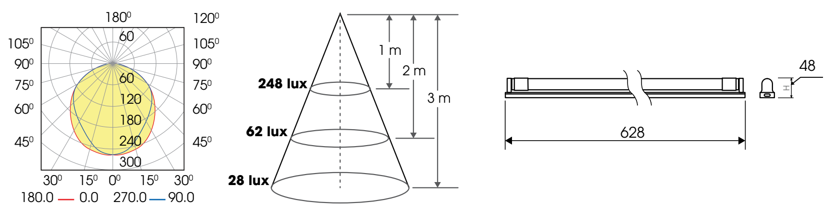


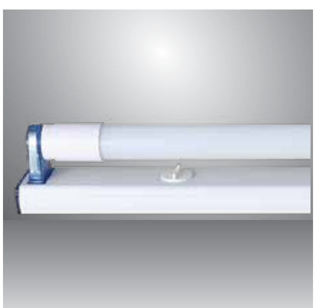
BỘ ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA**



T8 N02 M11/10Wx1

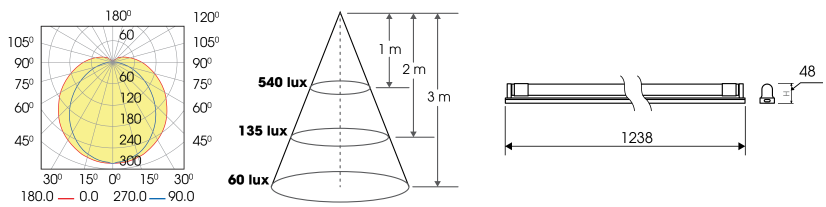
PHÂN BỐ QUANG   LƯỚI ĐỘ RỌI

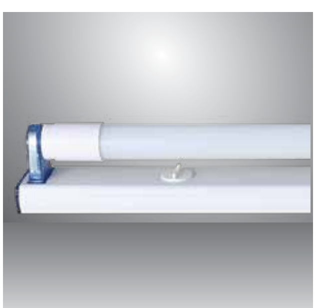




T8 N02 M11/20Wx1

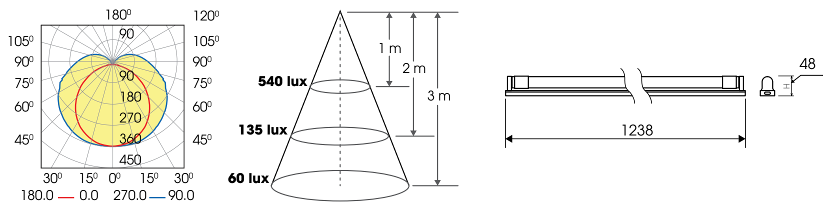
PHÂN BỐ QUANG   LƯỚI ĐỘ RỌI





T8 N02 M21.1/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG   LƯỚI ĐỘ RỌI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 M11/10Wx1	10	150÷250	0.5	85	1000	Trắng/Vàng	82	30.000	48x628
T8 M11/20Wx1	20	150÷250	0.5	100	2300	Trắng/Vàng	82	30.000	48x1238
T8 N02 M11/10Wx1	10	150÷250	0.5	110 (6500K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/6500	82	20.000	48x628
T8 N02 M11/20Wx1	20	150÷250	0.5	110	2000	3000/4000/6500	82	20.000	48x1238
T8 N02 M21.1/20Wx1	20	150÷250	0.5	110	2000	3000/4000/6500	82	20.000	48x1238

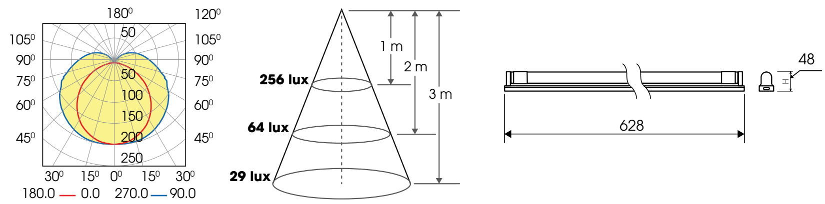


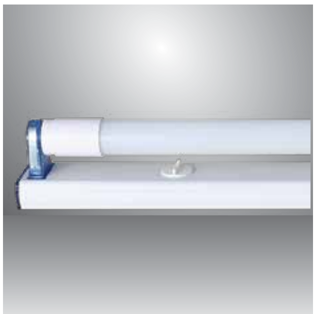
BỘ ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH**



T8 TT01 M21.1/10Wx1

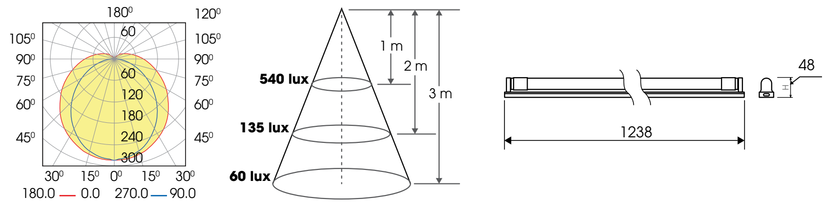
PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI





T8 TT01 M11/20Wx1

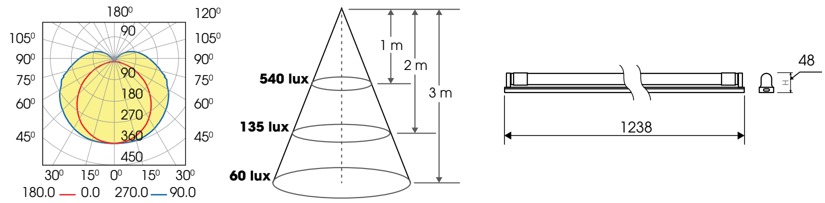
PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI





T8 TT01 M21.1/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 TT01 M21.1/10Wx1	10	170÷250	0.5	110 (6500-5000K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500-5000K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/5000/6500	82	20.000	48x628
T8 TT01 M11/20Wx1	20	170÷250	0.5	110/120	2200/2400	3000/4000/5000/6500	82	20.000	48x1238
T8 TT01 M21.1/20Wx1	20	170÷250	0.5	110/120	2400/2600	3000/4000/5000/6500	82	20.000	48x1238



NHÓM SẢN PHẨM **ĐÈN LED DOWNLIGHT**

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

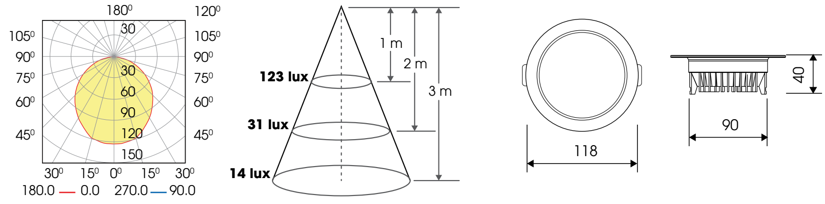


ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT04**



AT04 90/5W

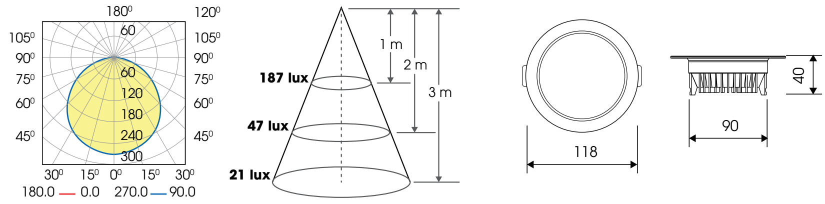
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





AT04 90/7W

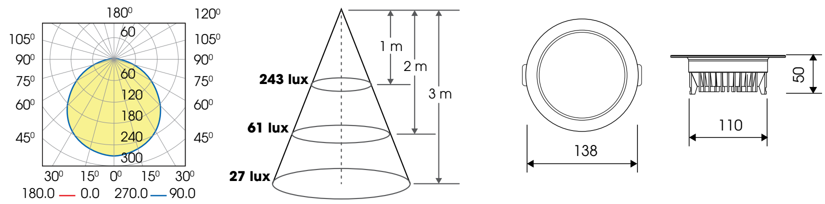
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





AT04 110/7W

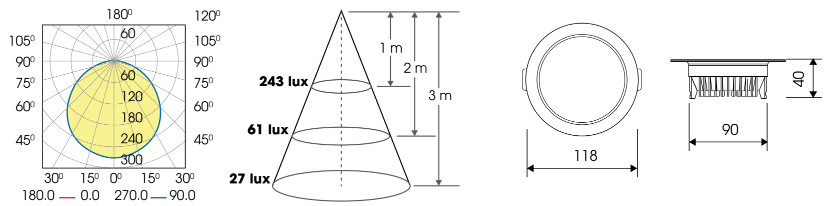
PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI





AT04 90/9W

PHÂN BỐ QUANG LƯỚI ĐỘ RỌI

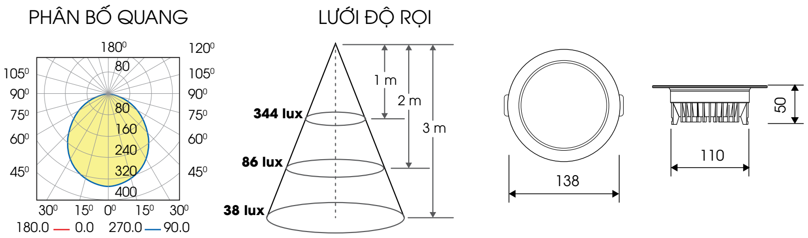


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 90/5W	5	150÷250	0.5	100	500	3000/4000/6500	80	30.000	118x40	90
AT04 90/7W	7	150÷250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	30.000	118x40	90
AT04 110/7W	7	150÷250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	30.000	138x50	110
AT04 90/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	30.000	118x40	90



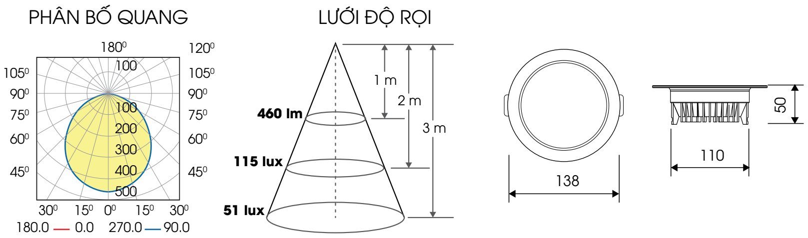


AT04 110/9W



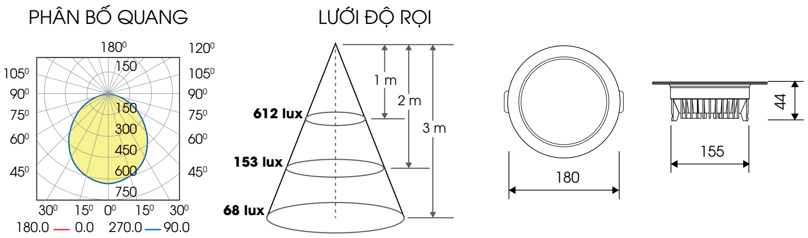


AT04 110/12W



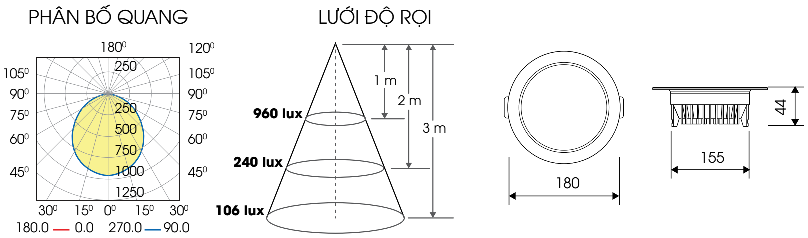


AT04 155/16W





AT04 155/25W



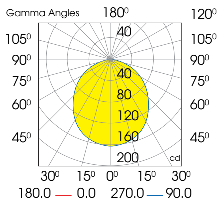
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 110/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25.000	138x50	110
AT04 110/12W	12	150÷250	0.5	100	1200	3000/4000/6500	80	25.000	138x50	110
AT04 155/16W	16	150÷250	0.5	100	1600	3000/4000/6500	80	25.000	180x44	155
AT04 155/25W	25	150÷250	0.5	100	2000	3000/4000/6500	80	25.000	180x44	155

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT06.V2**

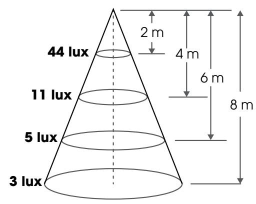


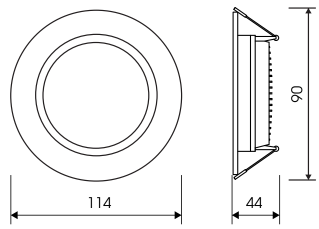
AT06.V2 90/5W

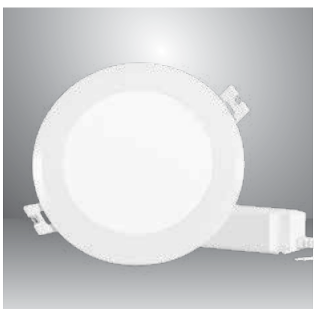
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

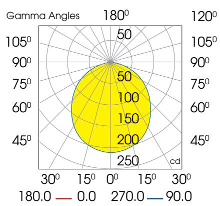




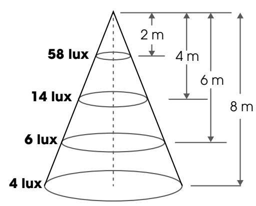


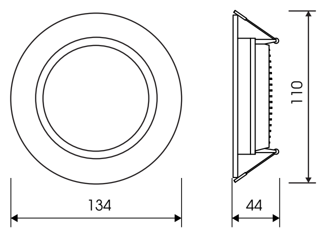
AT06.V2 90/7W

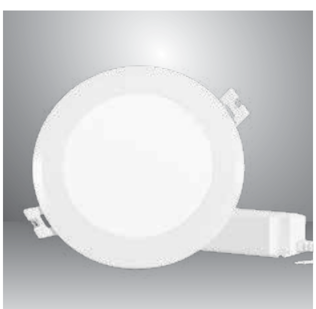
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

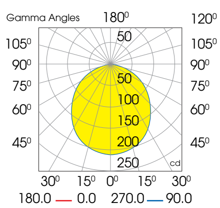




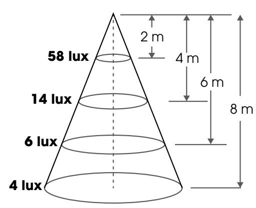


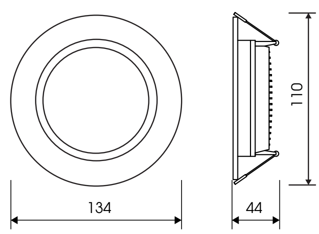
AT06.V2 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





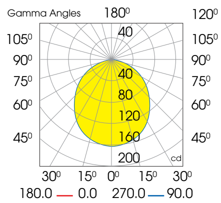
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT06.V2 90/5W	5	150÷250	0.5	100	500	3000/4000/6500	80	25.000	114x38.4	90
AT06.V2 90/7W	7	150÷250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	25.000	114x44	90
AT06.V2 110/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25.000	134x44	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT06.V3**

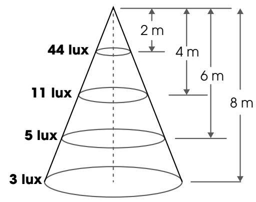


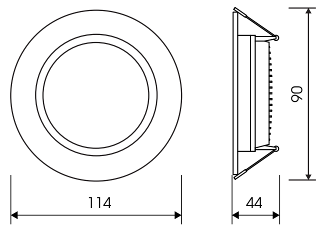
AT06.V3 90/5W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

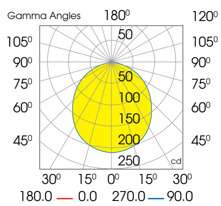




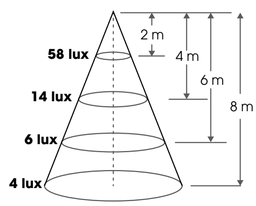


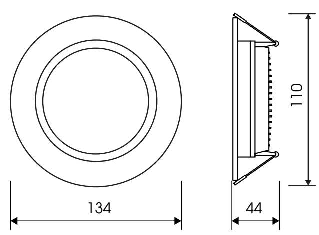
AT06.V3 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

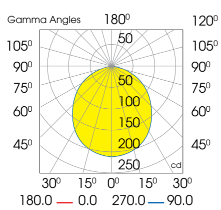




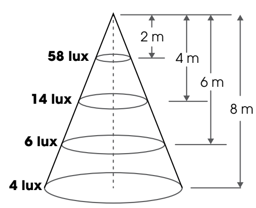


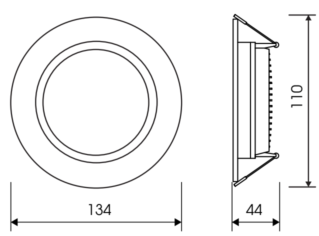
AT06.V3 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





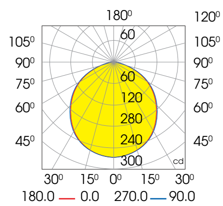
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT06.V3 90/5W	5	150÷250	0.5	100	500	3000/4000/6500	80	25.000	114x38.4	90
AT06.V3 90/7W	7	150÷250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	25.000	114x44	90
AT06.V3 110/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25.000	134x44	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT28**

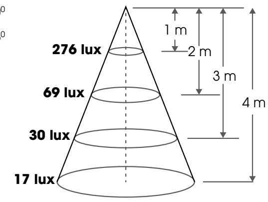


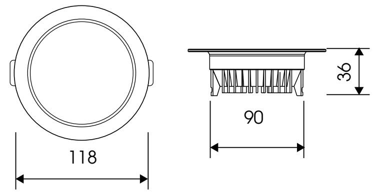
AT28 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

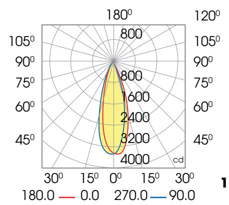




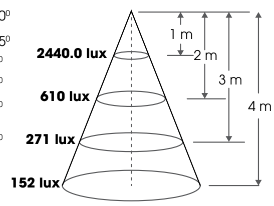


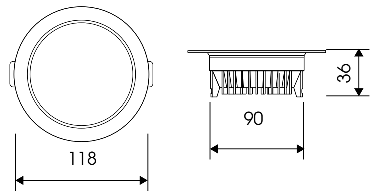
AT28 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

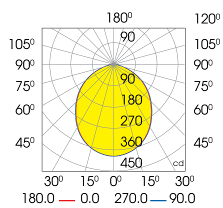




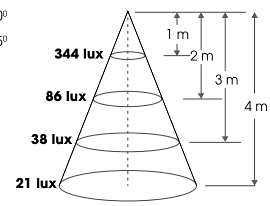


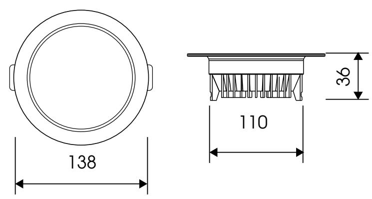
AT28 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

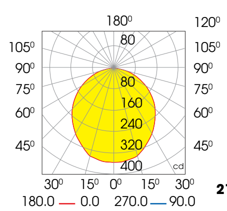




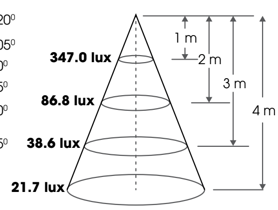


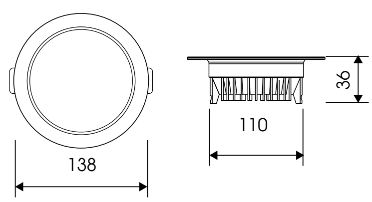
AT28 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





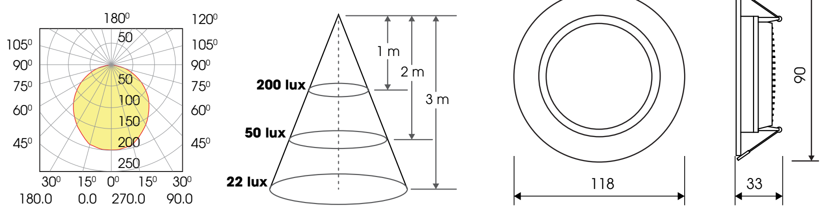
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT28 90/8W	8	150÷250	0.5	100	800	3000/4000/6500	80	30.000	118x36	90
AT28 90/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	118x36	90
AT28 110/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	138x36	110
AT28 110/12W	12	150÷250	0.5	100	1200	3000/4000/6500	80	30.000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT10**



AT10 90/7W (VIỀN VÀNG/VIỀN BẠC)

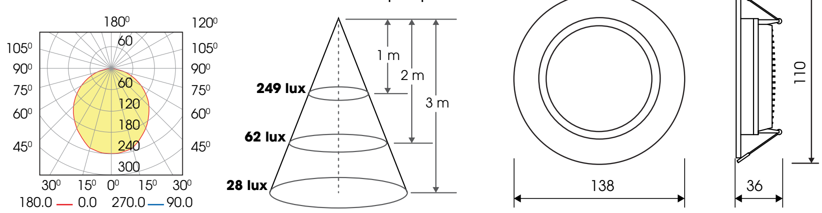
PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI





AT10 110/9W (VIỀN VÀNG/VIỀN BẠC)

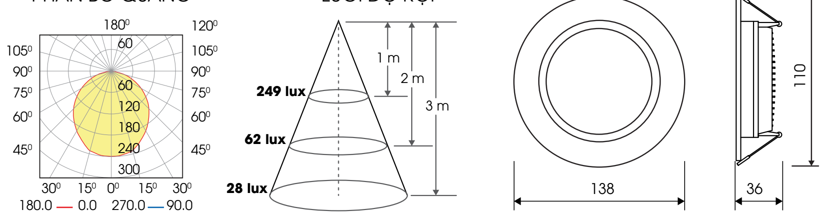
PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI





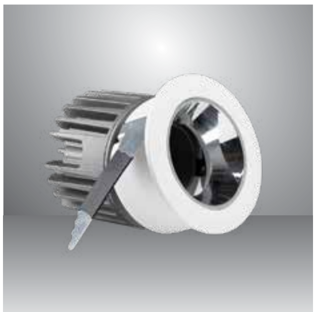
AT10 110/12W (VIỀN VÀNG/VIỀN BẠC)

PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI



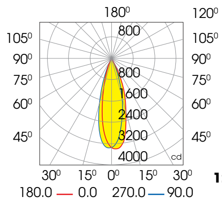
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT10 90/7W (Viền bạc/vàng)	7	150÷250	0.5	100	700	3000/4000/6500	85	30.000	118x33	90
AT10 110/9W (Viền bạc/vàng)	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	85	30.000	138x36	110
AT10 110/12W (Viền bạc/vàng)	9	150 ÷ 250	0.5	100	1200	3000/4000/6500	85	30.000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT22**

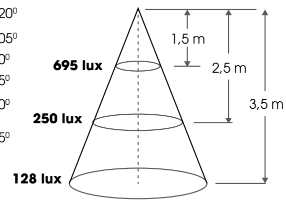


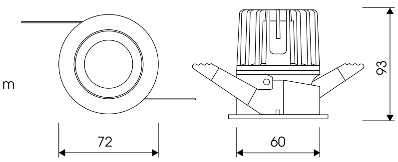
AT22 60/7W

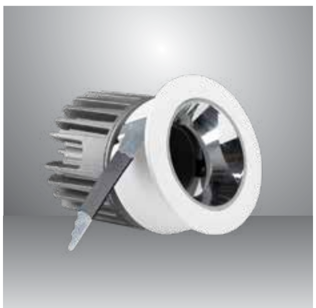
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

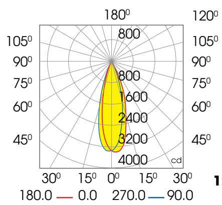




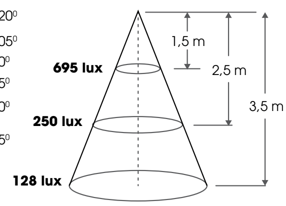


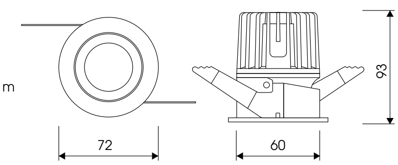
AT22 60/9W

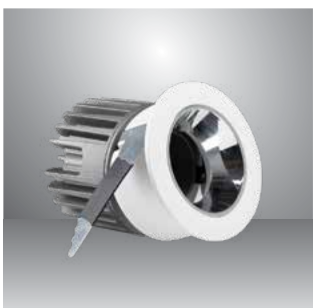
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

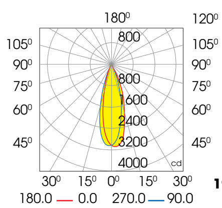




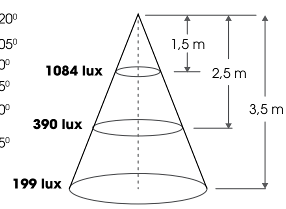


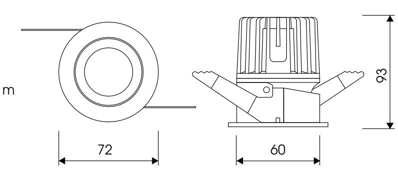
AT22 60/12W

PHÂN BỐ QUANG



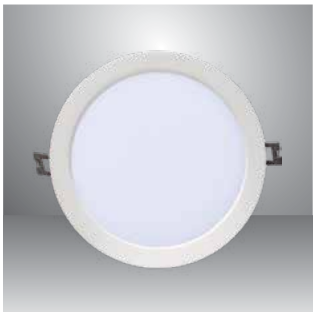
LƯỚI ĐỘ RỌI



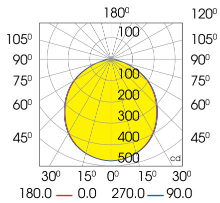


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm	mm
AT22 60/7W	7	150÷250	42/50/50	300/350/350	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	72x93	60
AT22 60/9W	9	150÷250	55/61/61	500/550/550	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	72x93	60
AT22 60/12W	12	150÷250	52/58/58	630/700/700	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	72x93	60

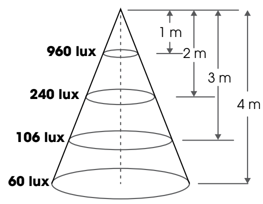
AT30 155/20W

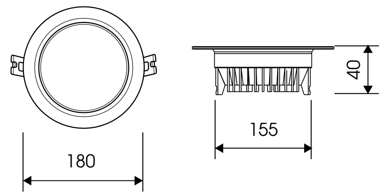


PHÂN BỐ QUANG

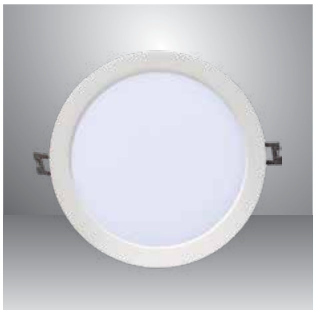


LƯỚI ĐỘ RỌI

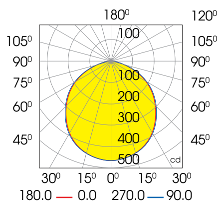




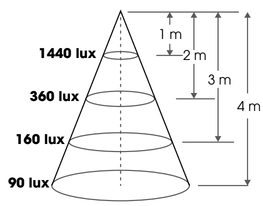
AT30 195/30W

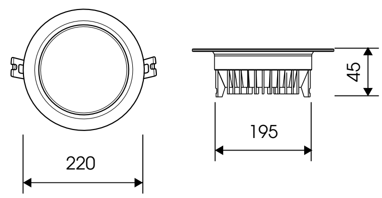


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

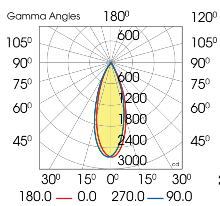




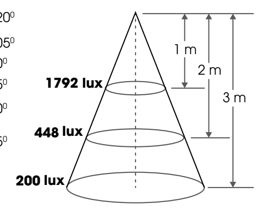
AT39 76/12W

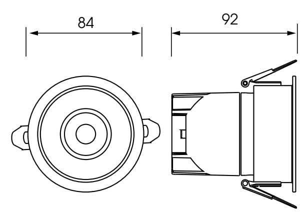


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

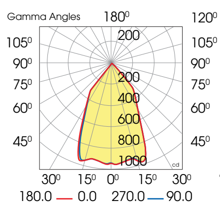




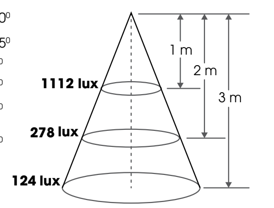
AT40 95/12W

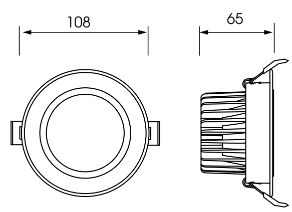


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

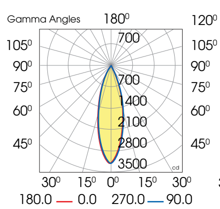




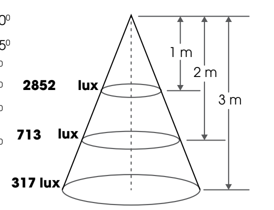
AT41 86/12W

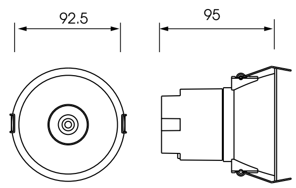


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



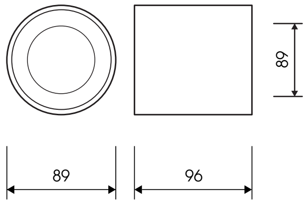


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm	mm
AT30 155/20W	20	150÷250	105	2100	3000/4000/6500			80	30.000	180x40	155
AT30 195/30W	30	150÷250	105	3150	3000/4000/6500			80	30.000	220x45	195
AT39 76/12W	12	150÷250	60	720	3000/4000/6500	24	0÷15	90	30.000	84x92	76
AT40 95/12W	12	150÷250	85	1020	3000/4000/6500	50	-20÷20	90	30.000	108x65	95
AT41 86/12W	12	150÷250	60	720	3000/4000/6500	24	-	90	30.000	92.5x95	86

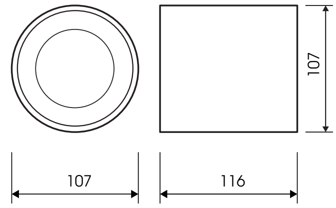
ĐÈN **LED DOWNLIGHT NỔI TRẦN**



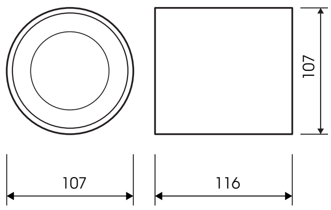
NT01 90/10W



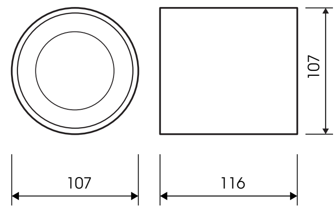
NT01 110/10W

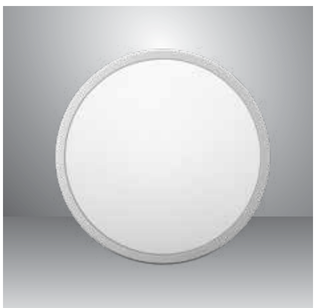


NT01 110/12W

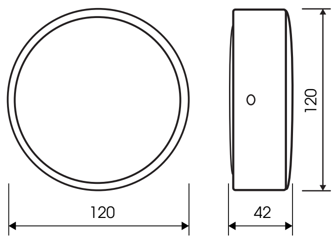


NT01 110/15W

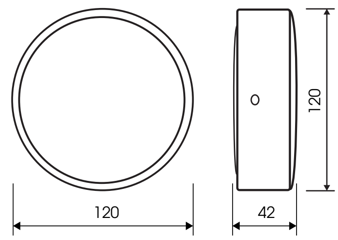




NT03 120/10W

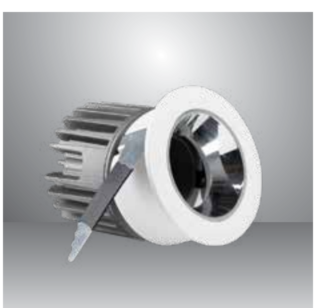


NT03 120/12W



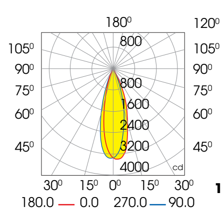
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K	°			Giờ	mm
NT01 90/10W	10	150÷250	72/80/80	720/800/800	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	89x96
NT01 110/10W	10	150÷250	72/80/80	720/800/800	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	107x116
NT01 110/12W	12	150÷250	70/78/78	840/936/936	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	107x116
NT01 110/15W	15	150÷250	63/70/70	945/1050/1050	3000/4000/6500	60	80	IP44	30.000	107x116
NT03 120/10W	10	150÷250	80/90	800/900	3000/4000/6500		80		20.000	120x42
NT03 120/12W	12	150÷250	80/90	960/1080	3000/4000/6500		80		20.000	120x42

ĐÈN DOWNLIGHT GÓC HẸP XOAY GÓC

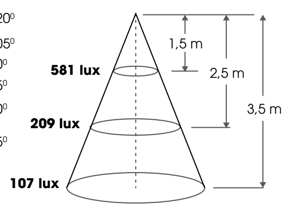


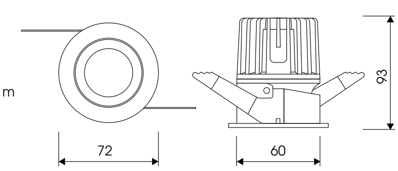
AT22 60/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm	mm
AT22 60/7W	7	150÷250	42/50/50	300/350/350	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	60	72x93



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED ỐP TRẦN

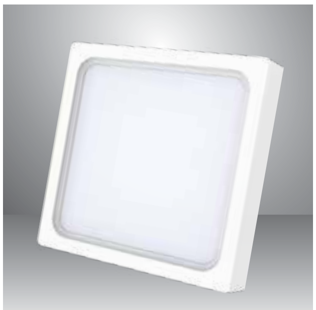
ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Độ kín khít cao, chống côn trùng xâm nhập
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ỨNG DỤNG

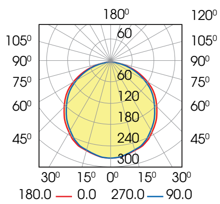
- Chiếu sáng indoor - Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ, tòa nhà: Hành lang, ban công, gara oto, phòng khách, phòng bếp, phòng wc…

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN08**

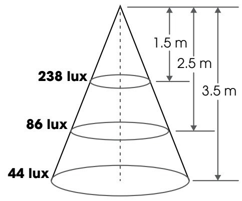


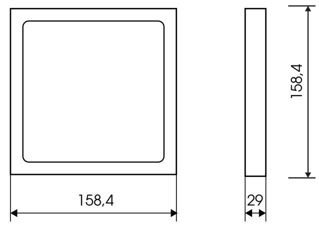
LN08 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

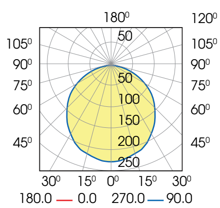




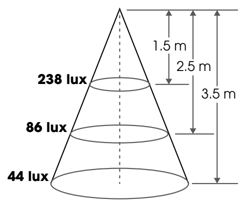


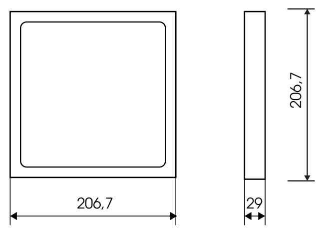
LN08 220x220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

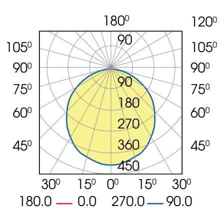




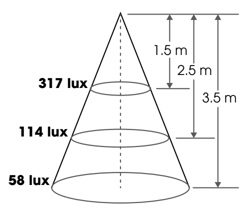


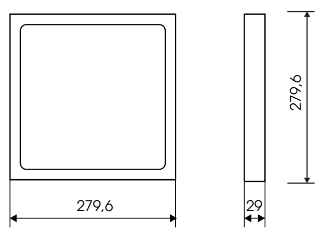
LN08 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





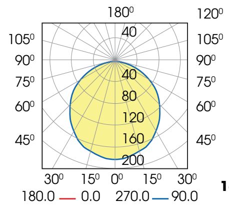
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN08 170x170/15W	15	150÷250	0.5	85/95/95/95	1275/1425 1425/1425	3000/4000 5000/6500	80	20.000	158.4x158.4x29
LN08 220x220/22W	22	150÷250	0.5	85/95 95/95	1870/2090 2090/2090	3000/4000 5000/6500	80	20.000	206.7x206.7x29
LN08 300x300/30W	30	150÷250	0.5	85/95 95/95	2550/2850 2850/2850	3000/4000 5000/6500	80	20.000	279.6x279.6x29

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN09**

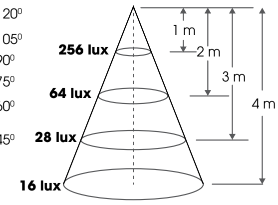


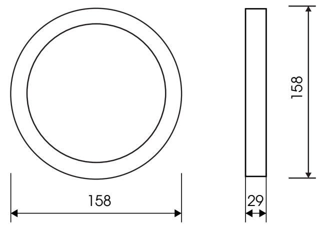
LN09 170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

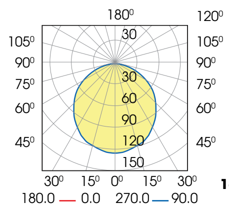




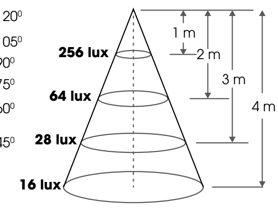


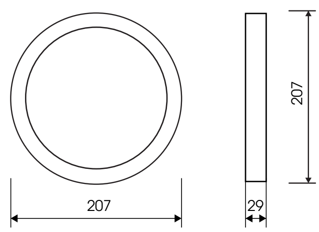
LN09 220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

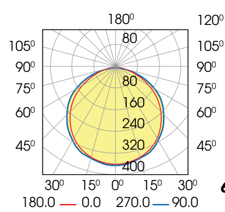




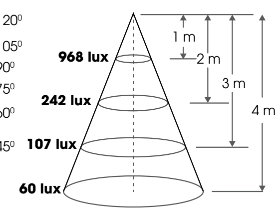


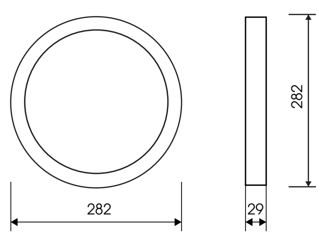
LN09 300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





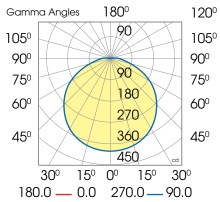
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN09 170/15W	15	150÷250	0.5	85/95 95/95	1275/1425 1425/1425	3000/4000 5000/6500	80		158x29
LN09 220/22W	22	150÷250	0.5	85/95/95/95	1870/2090/ 2090/ 2090	3000/4000/5000/6500	80		207x29
LN09 300/30W	30	150÷250	0.5	85/95/95/95	2550/2850/2850/2850	3000/4000/5000/6500	80		282x29

ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA LN12N**

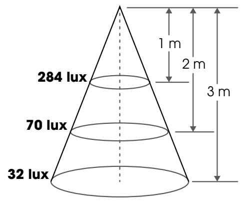
LN12N 220/18W

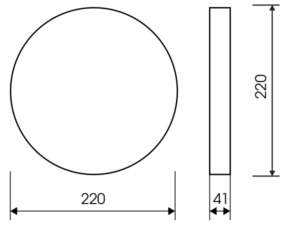


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

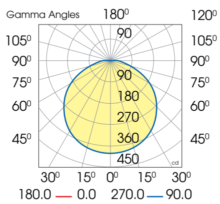




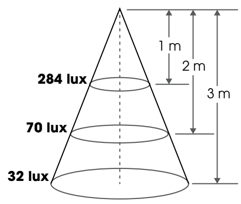
LN12N 220x220/18W

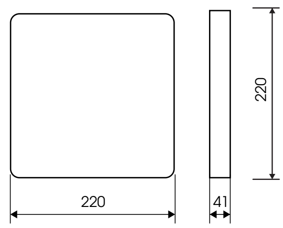


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

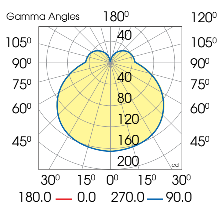




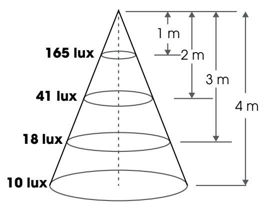
LN12N 170/12W

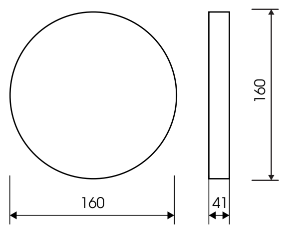


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

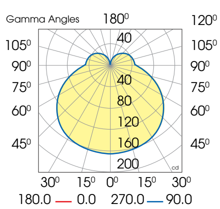




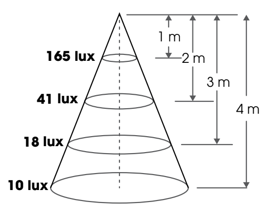
LN12N 170x170/12W

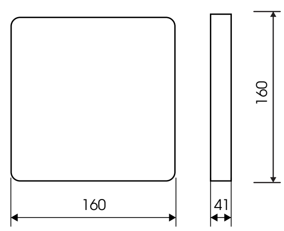


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

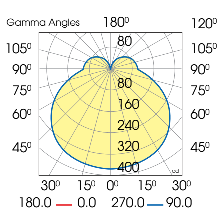




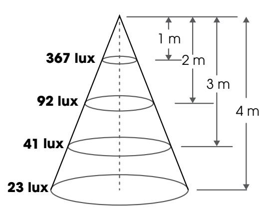
LN12N 300/24W

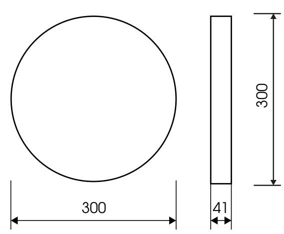


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



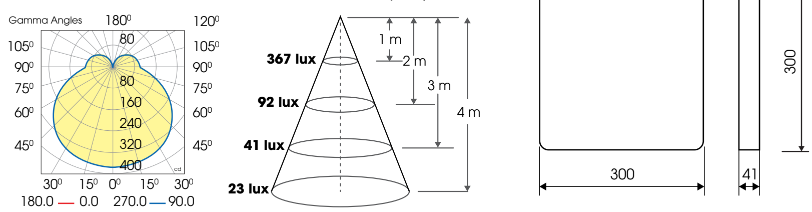


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12N 220/18W	18	170÷250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20.000	220x41
LN12N 220x220/18W	18	170÷250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20.000	220x220x41
LN12N 170/12W	12	150÷250	0.5	75/68	810/900	3000/6500	80	25.000	160x41
LN12N 170x170/12W	12	150÷250	0.5	75/68	900/810	3000/6500	80	25.000	160x160x41
LN12N 300/24W	24	150÷250	0.5	83/75	2000/1800	3000/6500	80	25.000	300x41



LN12N 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI

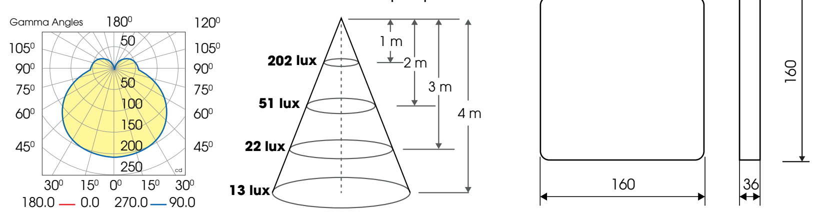


ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM LN12**



LN12 170x170/15W

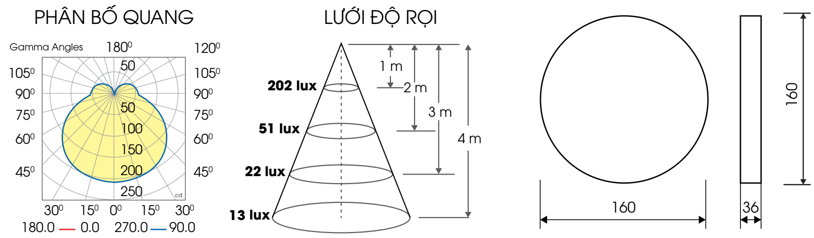
PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI





LN12 170/15W

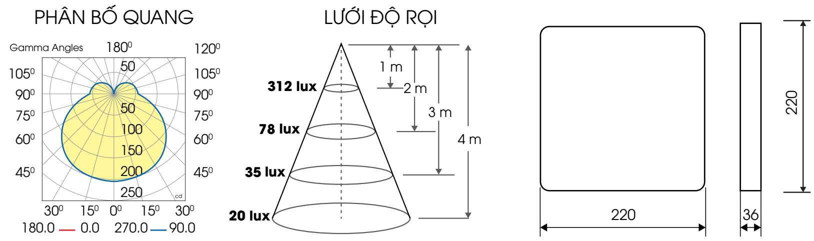
PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI





LN12 220x220/22W

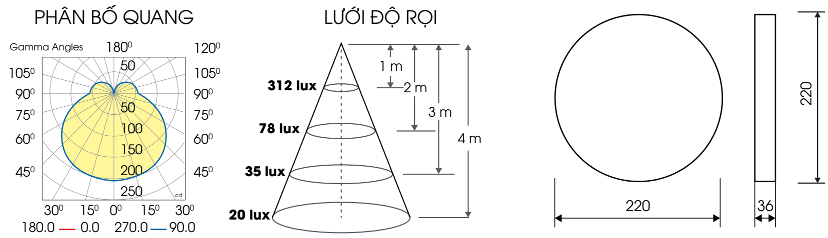
PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI





LN12 220/22W

PHÂN BỐ QUANG | LƯỚI ĐỘ RỌI

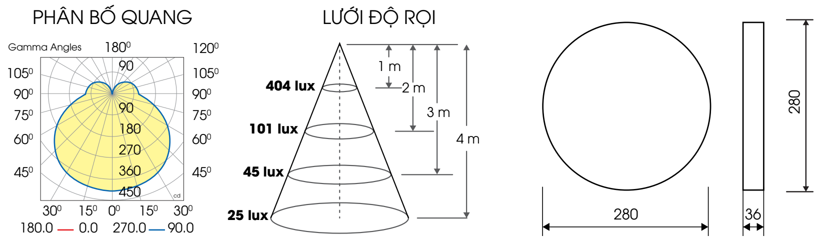


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12N 300x300/24W	24	150÷250	0.5	83/75	1800/2000	3000/6500	80	25.000	300x300x41
LN12 170x170/15W	15	150÷250	0.5	74/66	990/1100	3000/6500	80	30.000	160x160x36
LN12 170/15W	15	150÷250	0.5	74/66	990/1100	3000/6500	80	30.000	160x36
LN12 220x220/22W	22	150÷250	0.5	78/70	1530/1700	3000/6500	80	30.000	220x220x36
LN12 220/22W	22	150÷250	0.5	78/70	1530/1700	6500K/3000K	80	30.000	220x36



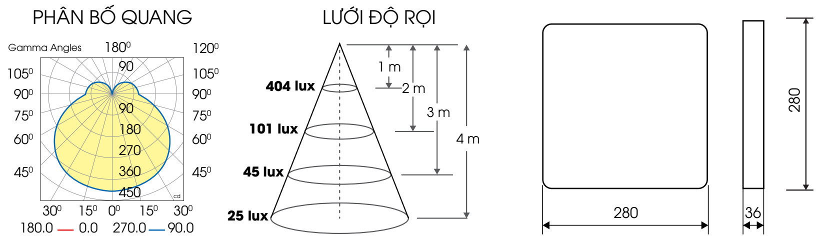


LN12 300/30W





LN12 300x300/30W

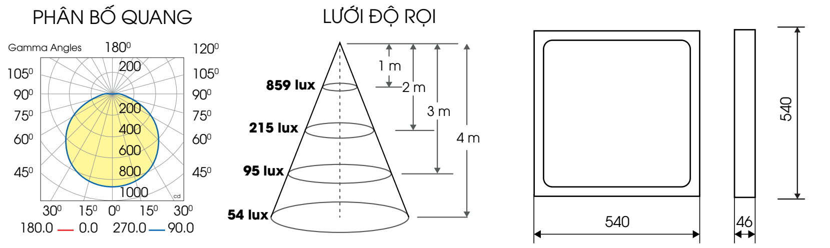


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12 300/30W	30	150÷250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30.000	280x36
LN12 300x300/30W	30	150÷250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30.000	280x280x36

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN16**



LN16 540x540/40W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN16 540x540/40W	40	150÷250	0.5	100/90	4000/3600	6500K/3000K	80	25.000	540x540x46



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED PANEL

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao.
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI>= 80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên.
- Tương thích điện từ trường EMC/EMI.
- Tối ưu mặt thiết kế chiếu sáng để đáp ứng tiêu chí chiếu sáng công trình xanh.
- Độ kín khít cao, chống côn trùng xâm nhập.
- Đa dạng công suất, chủng loại, kiểu dáng (vuông/tròn/chữ nhật) đáp ứng nhu cầu khách hàng.

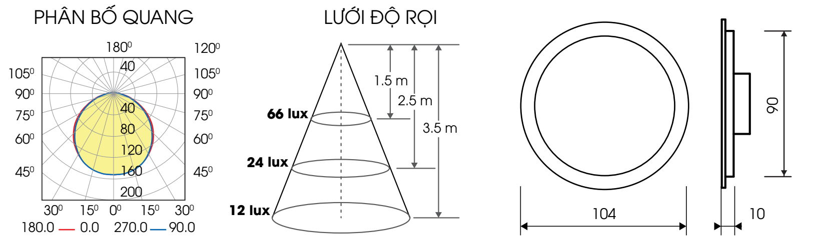
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: Phòng khách, phòng bếp.
- Chiếu sáng văn phòng tòa nhà, bênh viện, trung tâm thương mại...: Phòng làm việc, phòng họp, tiền sảnh.
- Lắp đặt âm trần.

ĐÈN **LED PANEL TRÒN PT04.V2**

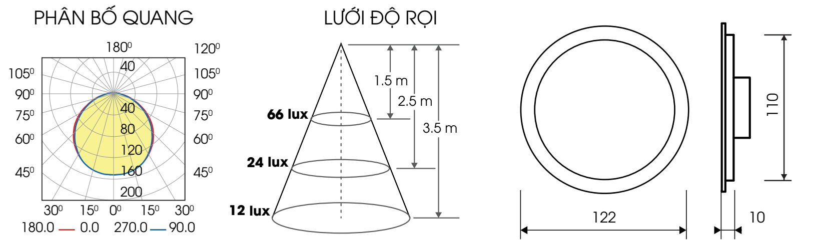


PT04.V2 90/7W



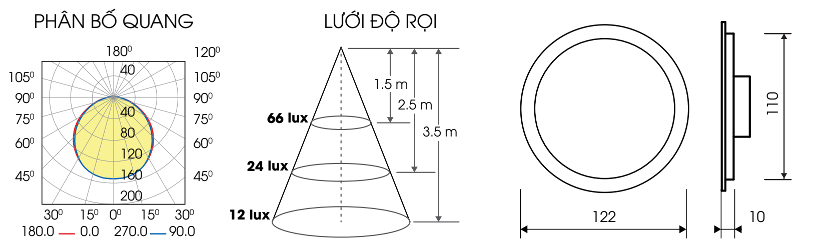


PT04.V2 110/7W



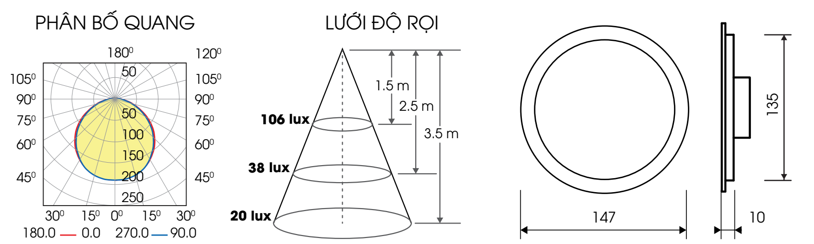


PT04.V2 110/9W



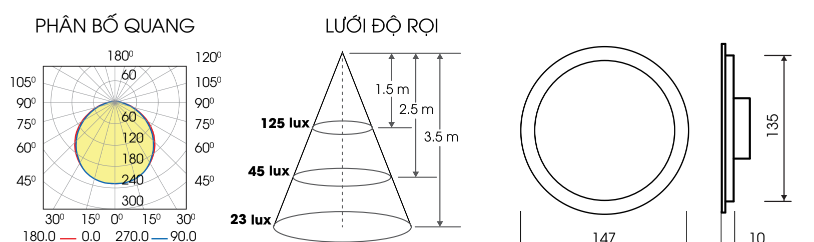


PT04.V2 135/9W





PT04.V2 135/12W



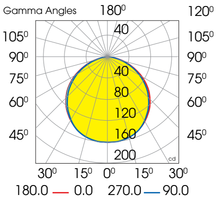
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT04.V2 90/7W	7	150÷250	0.5	64/71/71	450/500/500	3000/4000/6500	80	25.000	90	104x10
PT04.V2 110/7W	7	150÷250	0.5	70/78/78	495/550/550	3000/4000/6500	80	25.000	110	122x10
PT04.V2 110/9W	9	150÷250	0.5	70/77/77	630/700/700	3000/4000/6500	80	25.000	110	122x10
PT04.V2 135/9W	9	150÷250	0.5	80/88/88	720/800/800	3000/4000/6500	80	25.000	135	147x10
PT04.V2 135/12W	12	150÷250	0.5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25.000	135	147x10

ĐÈN **LED PANEL TRÒN PT05**

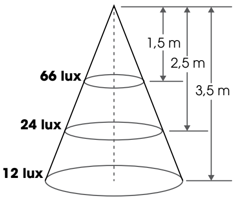


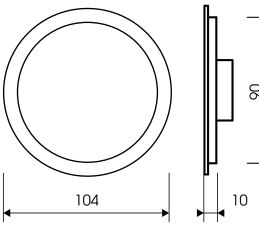
PT05 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

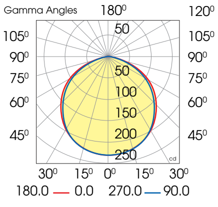




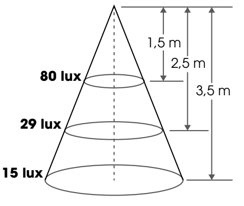


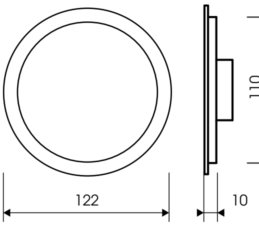
PT05 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

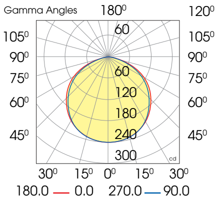




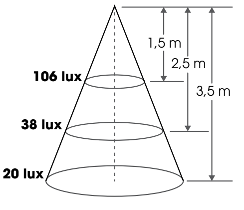


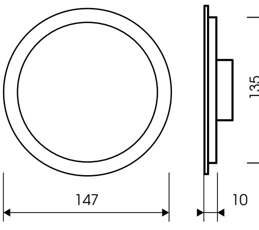
PT05 135/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

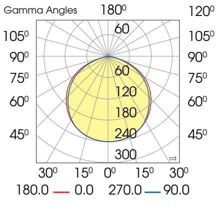




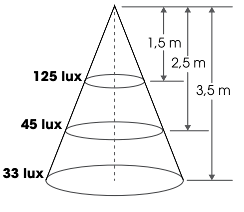


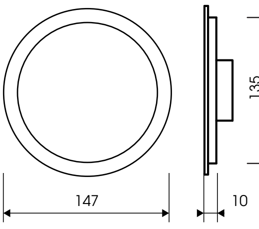
PT05 135/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





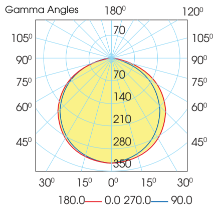
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT05 90/7W	7	150÷250	0,5	64/71/71	450/500/500	3000/4000/6500	80	25.000	90	104x10
PT05 110/9W	9	150÷250	0,5	70/77/77	630/700/700	3000/4000/6500	80	25.000	110	122x10
PT05 135/9W	9	150÷250	0,5	80/88/88	720/800/800	3000/4000/6500	80	25.000	135	147x10
PT05 135/12W	12	150÷250	0,5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25.000	135	147x10

ĐÈN **LED PANEL P06**

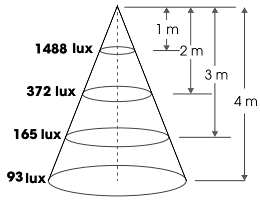


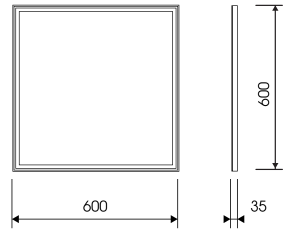
P06 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

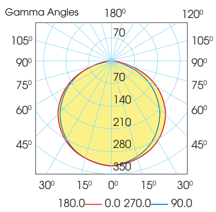




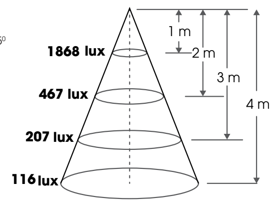


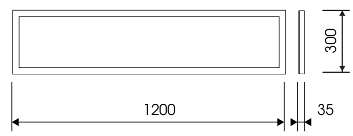
P06 300x1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

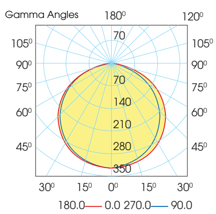




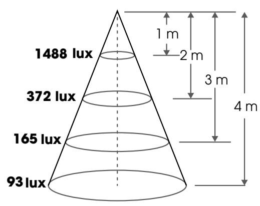


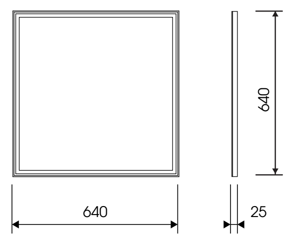
P06 640x640/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

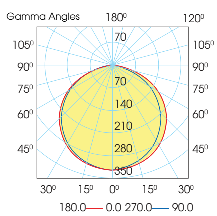




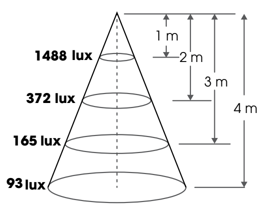


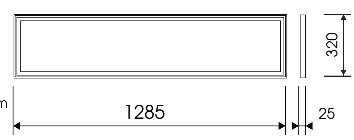
P06 320x1280/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





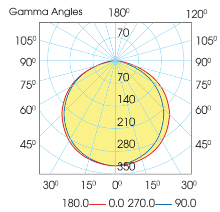
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06 600x600/50W	50	150÷250	0.5	110/118/118	5500/5900/5900	3000/4000/6500	80	30.000	600x600x35
P06 300x1200/50W	50	150÷250	0.5	110/118/118	5500/5900/5900	3000/4000/6500	80	30.000	1200x300x35
P06 640x640/50W	50	150÷250	0.9	102/110/110	5100/5500/5500	3000/4000/6500	80	30.000	640x640x25
P06 320x1280/50W	50	150÷250	0.9	102/110/110	5100/5500/5500	3000/4000/6500	80	30.000	1285x320x22

ĐÈN **LED PANEL CHỐNG CHÓI**

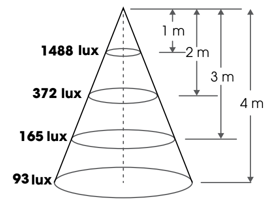


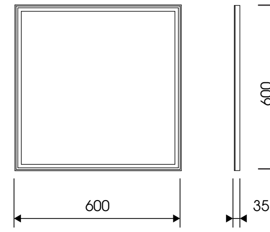
P06.UGR19.V 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

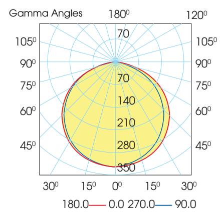




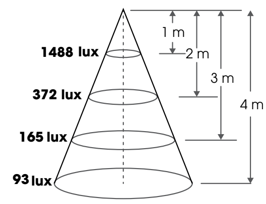


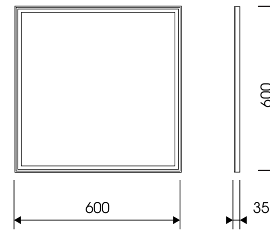
P06.UGR19.T 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



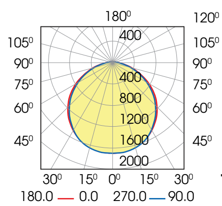


ĐÈN **LED PANEL CHIẾU CẠNH P08**

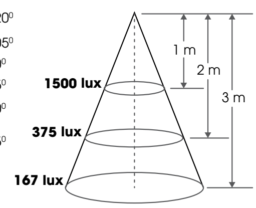


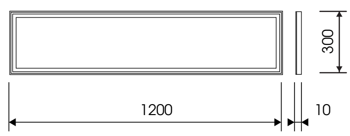
P08 300x1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

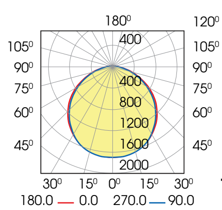




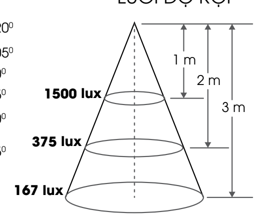


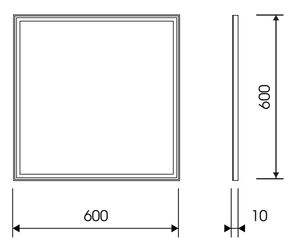
P08 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

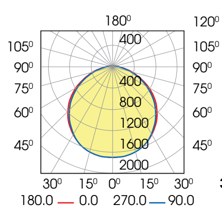




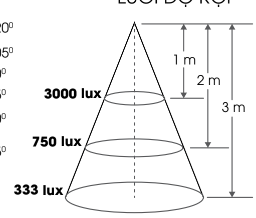


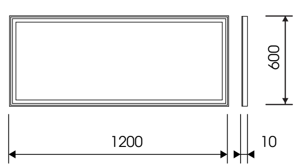
P08 600x1200/100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

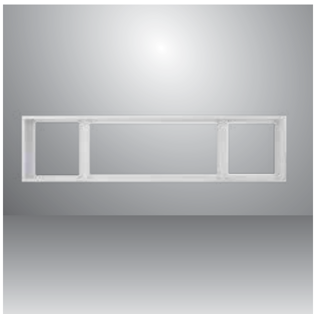




Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06.UGR19.V 600x600/50W	50	150÷250	0.5	100/110/110	5000/5500/5500	3000/4000/6500	80	30.000	600x600x35
P06.UGR19.T 600x600/50W	50	150÷250	0.5	100/110/110	5000/5500/5500	3000/4000/6500	80	30.000	600x600x35
P08 300x1200/50W	50	150÷250	0.5	100/105/105	5000/5250/5250	3000/4000/6500	80	25.000	1200x300x10
P08 600x600/50W	50	150÷250	0.5	100/105/105	5000/5250/5250	3000/4000/6500	80	25.000	600x600x10
P08 600x1200/100W	100	150÷250	0.9	110/115/115	11000/11500/11500	3000/4000/6500	≥80	25.000	1200x600x10



GIÁ TREO ĐÈN LED PANEL



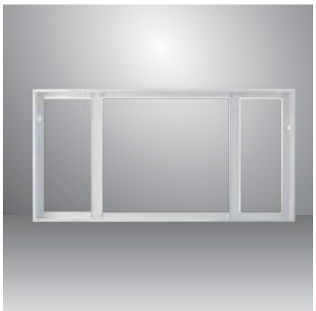
GTP 300x1200

Kích thước:	(300x1200x60) mm



GTP 600x600

Kích thước:	(600x600x60) mm



GTP 600x1200

Kích thước:	(600x1200x60) mm



NHÓM SẢN PHẨM **ĐÈN LED DÂY**

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Cấu tạo vỏ nhựa PVC có độ bền cao, dễ dàng uốn cong và khả năng chống nước tốt (IP65)

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng trong nhà: trang trí hắt trần thạch cao, hắt tường, tạo điểm nhấn cho phòng khách, phòng ngủ; chiếu sáng bổ sung cho kệ, tủ bếp,…
- Chiếu sáng ngoài trời: sân vườn, cây cối, tòa nhà,…

ĐÈN LED DÂY **CHIẾU SÁNG**

LD02 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	11x5
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD02 1000/9W



Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	700
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	11x5
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD03 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD03 1000/9W



Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	700
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	18x9
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

ĐÈN LED DÂY **TRANG TRÍ**

LD01.V2.B 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Blue
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD01.V2.R 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Red
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD01 1000/12W (12VDC)



Công suất (W):	12
Điện áp hoạt động (VDC):	12
Quang thông (lm):	1300
Nhiệt độ màu:	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Chiều dài nhỏ nhất có thể cắt (m):	0.025
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

LD01.B 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Blue
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

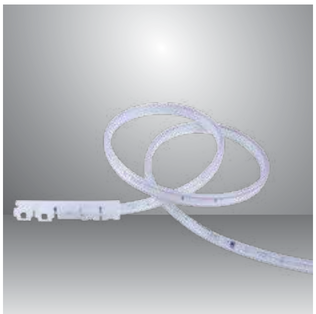
LD01.R 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Red
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

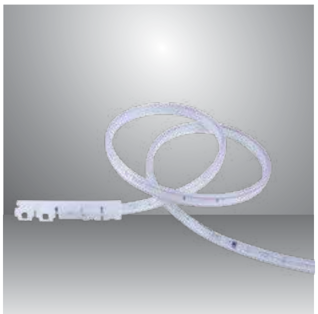
BỘ PHỤ KIỆN **LED DÂY**

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/7W



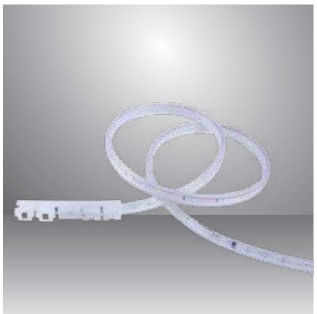
Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/9W



Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 ĐM 1000/9W



Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

BỘ DRIVER **LED DÂY**

DR-LD01 1000/7W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150÷250
Điện áp ra (VDC):	150÷250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 1000/9W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150÷250
Điện áp ra (VDC):	150÷250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 ĐM 1000/9W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150÷250
Điện áp ra (VDC):	150÷250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65
Lưu ý:	1 Bộ Driver chỉ sử dụng cho tối đa 25m



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED GẮN TƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Kiểu dáng thiết kế độc đáo, hiện đại, tạo điểm nhấn cho không gian ngôi nhà
- Phân bố ánh sáng bán trực tiếp: phù hợp chiếu sáng nội thất
- Chỉ số hoàn màu cao (Ra=80) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gắn tường sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15.000÷30.000 giờ (L_{70}), cao gấp 3 lần đèn sợi đốt; 3÷6 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng tạo điểm nhấn cho các không gian phòng khách, phòng ngủ, hành lang, cầu thang, văn phòng,....

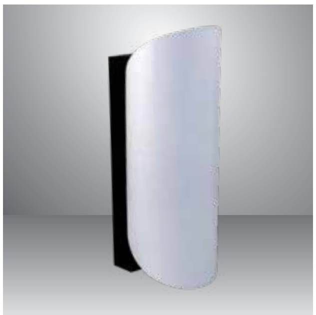
ĐÈN **LED GẮN TƯỜNG**

GT05 T/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20.000
Kích thước (RxC) (mm):	213x93x128

GT06 CD/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20.000
Kích thước (RxC) (mm):	265x95x115

GT08/2,5W



Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20.000
Kích thước (RxC) (mm):	135x95x183

GT18.3M 6W



Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400/440/440
Hiệu suất sáng (lm/W):	66/73/73
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30.000
Kích thước (DxRxC) (mm):	168x42x80

GT18.4M 8W



Công suất (W):	8
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	520/580/580
Hiệu suất sáng (lm/W):	65/73/73
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30.000
Kích thước (DxRxC) (mm):	220x44x80

GT19 5W



Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400/450/450
Hiệu suất sáng (lm/W):	80/90/90
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30.000
Kích thước (DxRxC) (mm):	123x102x98

ĐÈN **LED ỐP TƯỜNG**

LN12 70x160/5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	450/500/500
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	160x70
Cấp bảo vệ:	IP54

LN12 90x195/10W



Công suất (W):	10
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	900/1000/1000
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	195x90
Cấp bảo vệ:	IP54



NHÓM SẢN PHẨM
BỘ ĐÈN LED

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

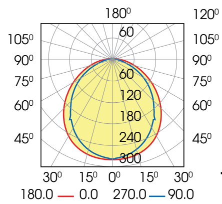
- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Phân bố quang đồng đều, hạn chế chói lóa, góc mở rộng, tạo cảm giác thân thiện và thoải mái cho người dùng
- Thiết kế kiểu dáng sang trọng, ấn tượng, khác biệt phù hợp lắp đặt nhiều không gian
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

BỘ ĐÈN **LED M15**

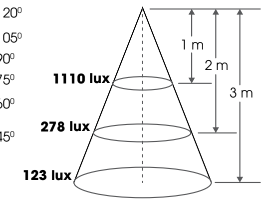


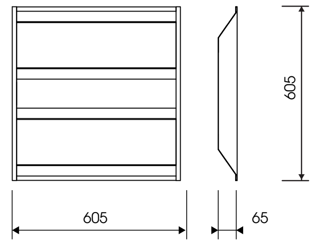
M15 600x600/36W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

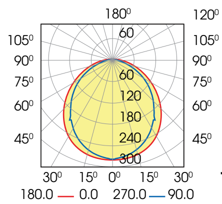




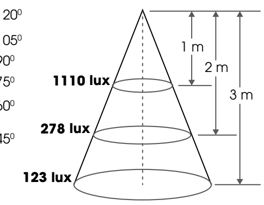


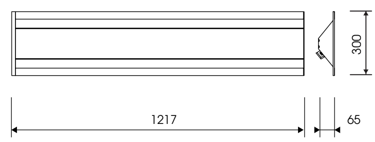
M15 300x1200/36W

PHÂN BỐ QUANG

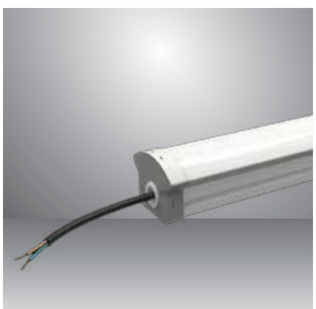


LƯỚI ĐỘ RỌI



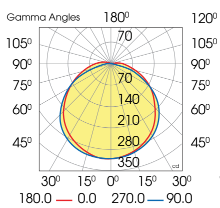


BỘ ĐÈN **LED M28**

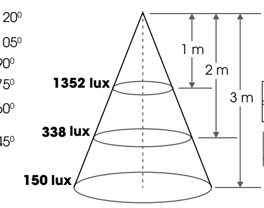


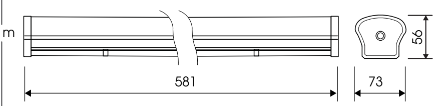
M28.V2 600/20W

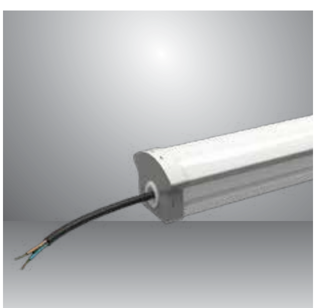
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

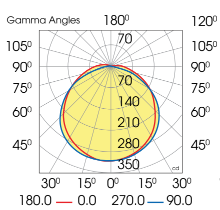




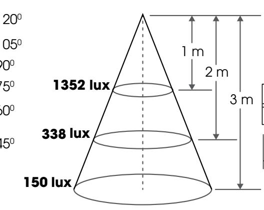


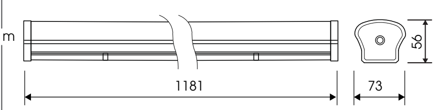
M28.V2 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





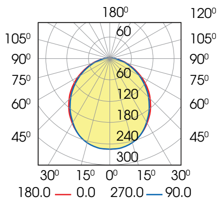
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
M15 600x600/36W	36	150÷250	0.9	82/86/86	2950/3100/3100	3000/4000/6500	80	25.000	605x605x65
M15 300x1200/36W	36	150÷250	0.9	82/86/86	2950/3100/3100	3000/4000/6500	80	25.000	1217x300x65
M28.V2 600/20W	20	150÷250	0.5	100/110/110	2000/2200/2200	3000/4000/65000	80	25.000	581x73x56
M28.V2 1200/40W	40	150÷250	0.5	100/110/110	4000/4400/4400	3000/4000/65000	80	25.000	1181x73x56

BỘ ĐÈN **LED M26**

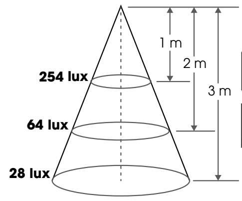


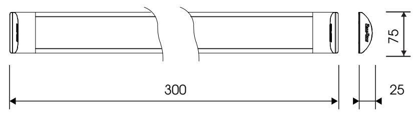
M26 300/9W

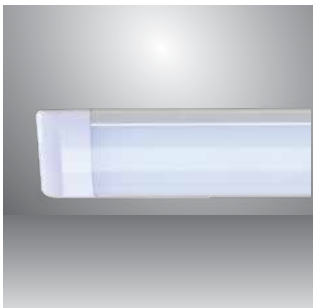
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

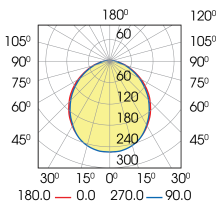




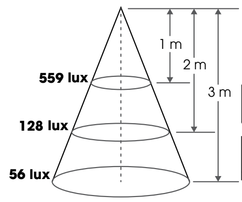


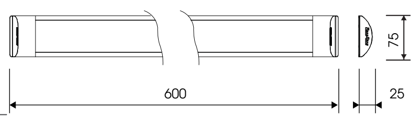
M26 600/25W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

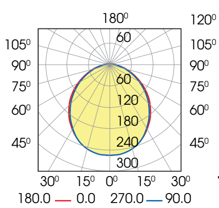




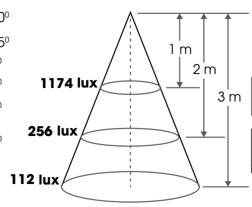


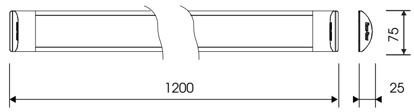
M26 1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





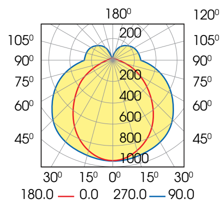
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M26 300/9W	9	150÷250	0.5	77/83/83	700/750/750	3000/4000/6500	80	25.000	300x75x25
M26 600/25W	25	150÷250	0.5	105/115/115	2625/2875/2875	3000/4000/6500	80	35 000	600x75x25
M26 1200/50W	50	150÷250	0.5	105/115/115	5250/5750/5750	3000/4000/6500	80	35 000	1200x75x25

BỘ ĐÈN **LED M36**

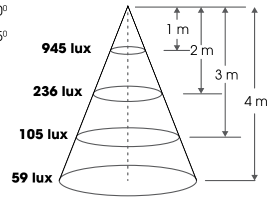


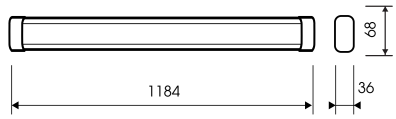
M36 1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

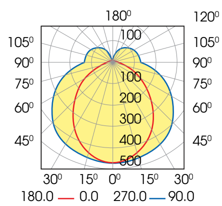




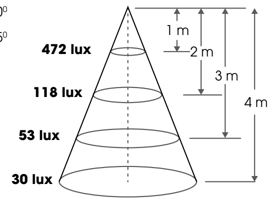


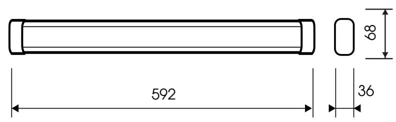
M36 600/25W

PHÂN BỐ QUANG

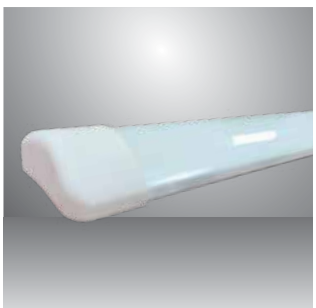


LƯỚI ĐỘ RỌI



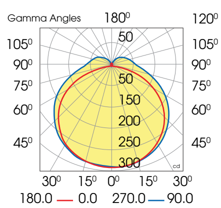


BỘ ĐÈN **LED M56**

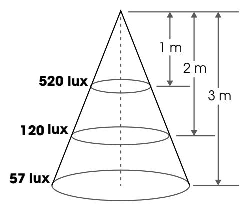


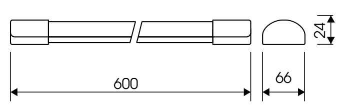
M56 600/20W

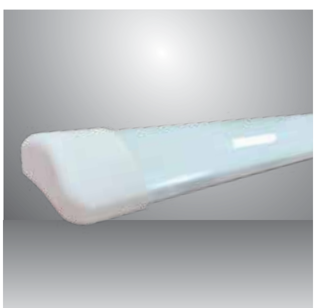
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

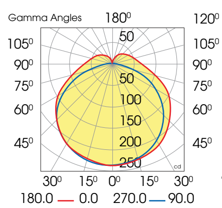




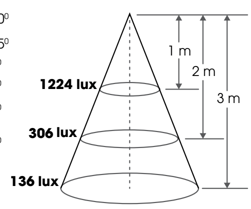


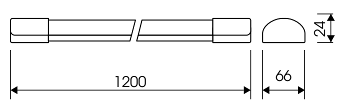
M56 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



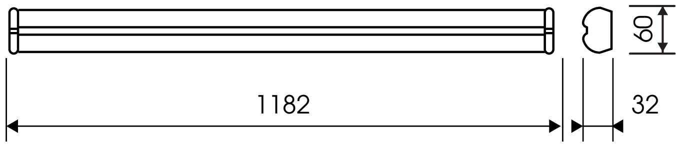


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M36 1200/50W	50	150÷250	0.5	105/115/115	5250/5750/5750	3000/4000/6500	80	35.000	1184x68x36
M36 600/25W	25	150÷250	0.5	105/115/115	2625/2875/2875	3000/4000/6500	80	35.000	592x68x36
M56 600/20W	20	170÷250	0.5	100/110/110	4000/4400/4400	3000/4000/65000	80	25.000	600x66x24
M56 1200/40W	40	170÷250	0.5	100/110/110	2000/2200/2200	3000/4000/65000	80	25.000	1200x66x24

BỘ ĐÈN **LED M38**

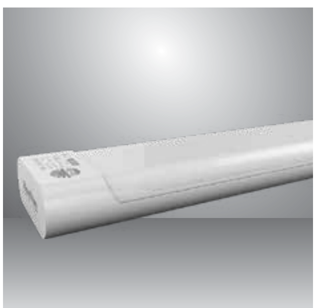


M38 1200/40W



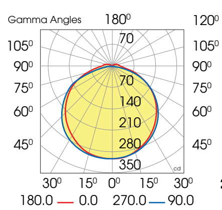
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M38 1200/40W	40	150÷250	0.5	130	5200	3000/4000/6500	80	25.000	1182x60x32

BỘ ĐÈN **LED M66**

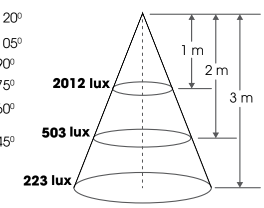


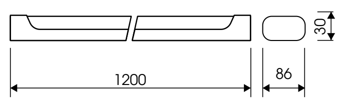
M66 1200/60W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
M66 1200/60W	60	150÷250	0.5	100/110/110	6000/6600/6600	3000/4000/6500	80	30.000	1200x86x30

BỘ XOAY GÓC
ĐÈN **LED M36**



Phù hợp lắp bộ đèn:	M36
Khả năng chịu tải tối đa (kg):	01
Số lượng đèn (bộ gá):	01

BỘ GÁ TREO ĐA NĂNG
ĐÈN **LED M36**



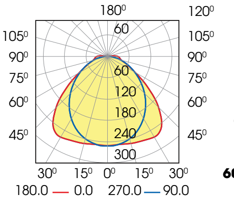
Phù hợp lắp bộ đèn:	M16-M26-M36
Số lượng đèn/01 (bộ gá):	01/02/03
Kích thước (mm):	200x50x30

BỘ ĐÈN **LED TUBE CHỐNG ẨM**

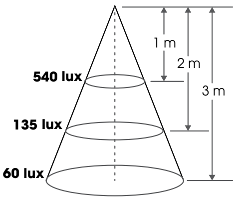


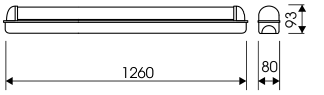
T8 CA01 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

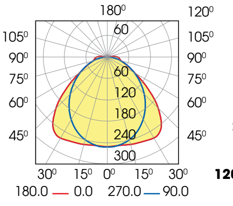




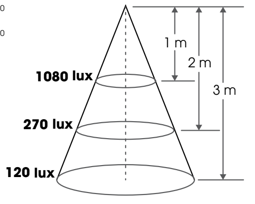


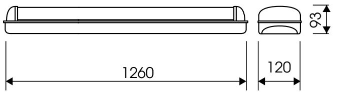
T8 CA01 20Wx2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

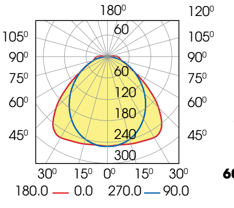




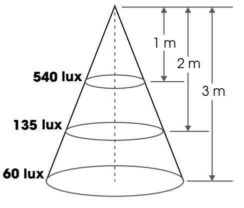


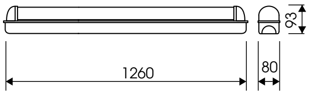
T8 TT01 CA01 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

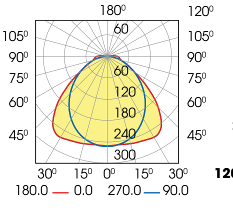




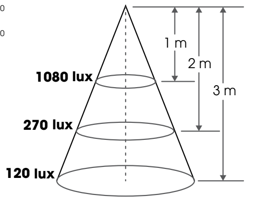


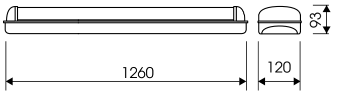
T8 TT01 CA01 20Wx2

PHÂN BỐ QUANG

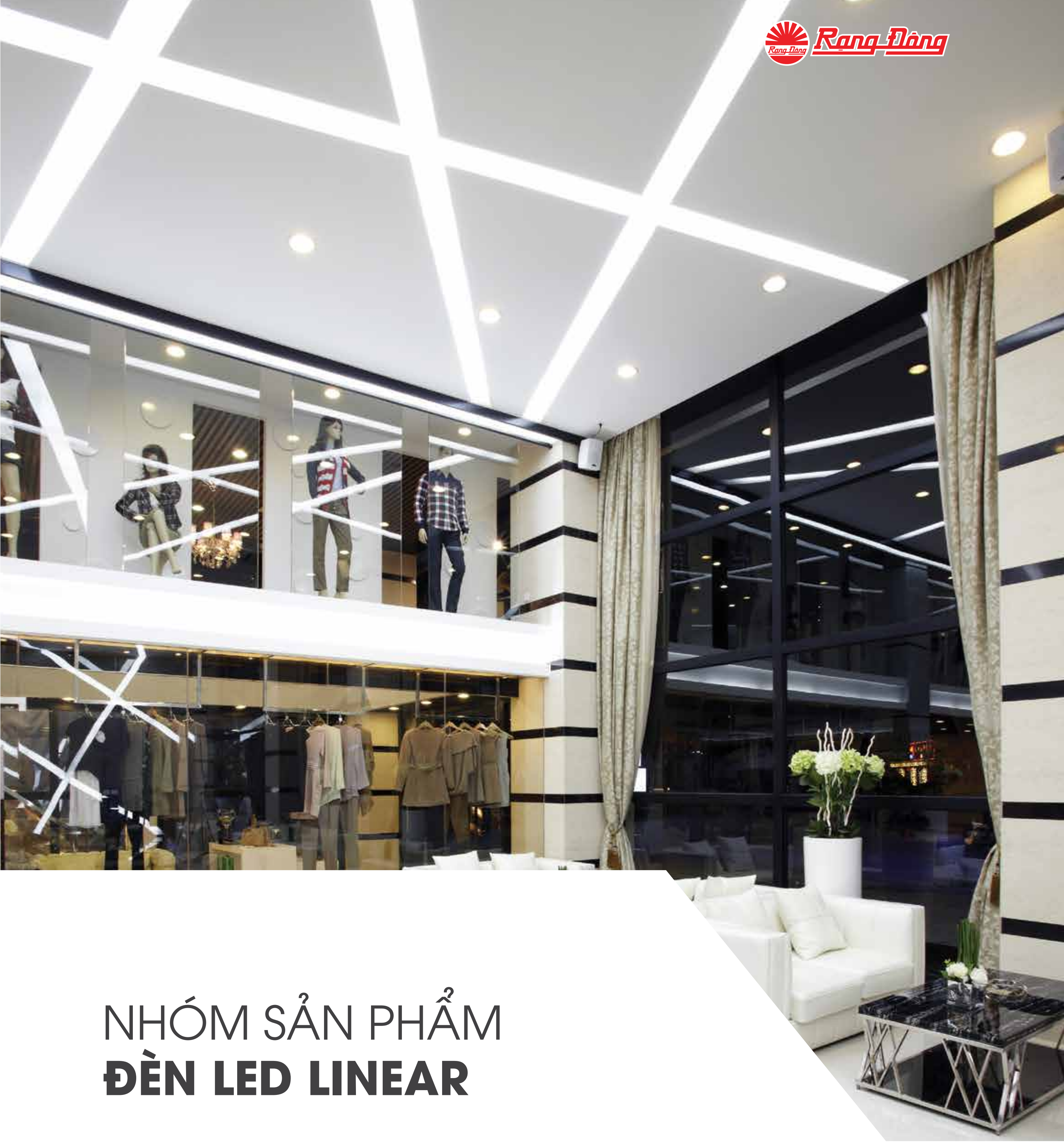


LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K			Giờ	mm
T8 CA01 20Wx1	20	150÷250	0.5	110	2200	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/F50)	1260x80x93
T8 CA01 20Wx2	40	150÷250	0.5	110	4400	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/F50)	1260x120x93
T8 TT01 CA01 20Wx1	20	150÷250	0.5	115	2300	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/F50)	1260x80x93
T8 TT01 CA01 20Wx2	40	150÷250	0.5	115	4600	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L70/F50)	1260x120x93



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED LINEAR

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Chỉ số hoàn màu cao (Ra=80) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Thiết kế linh hoạt theo yêu cầu, đa dạng cách lắp đặt (âm trần, thả trần, nổi trần)
- Cấu tạo đơn giản, dễ dàng lắp đặt.

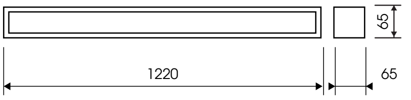
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng nhà ở: phòng khách, phòng ngủ,….
- Chiếu sáng văn phòng công sở
- Chiếu sáng trung tâm thương mại

BỘ ĐÈN **LED LINEAR**

LR01 1000/20W





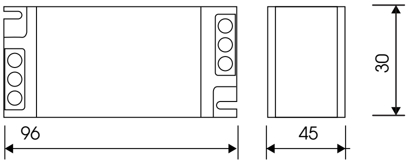
* Sản phẩm lắp âm trần.
* Sản phẩm đặt hàng theo yêu cầu của khách hàng.
* Chiều dài cắt là bội số của 100 mm. và kích thước cắt tối thiểu là 100 mm.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	V		lm	K		Giờ	mm
LR01 1000/20W	20	150÷250	0.5	1300	3000/6500	80	25.000	65x32

BỘ DRIVER **LED LINEAR**

DR-LR01 50W (24VDC)





Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào Max	Dòng điện đầu ra Max	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	VDC	A		A	A	Giờ	mm
DR-LR01 50W (24VDC)	50	150÷250	50/60	0,5	0.6	1.85	30.000	(96x45x30)±5

BỘ PHỤ KIỆN **LED LINEAR**

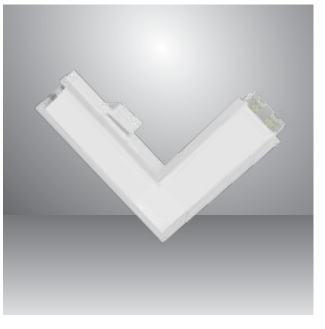
PK T-LR01 300x100/8W



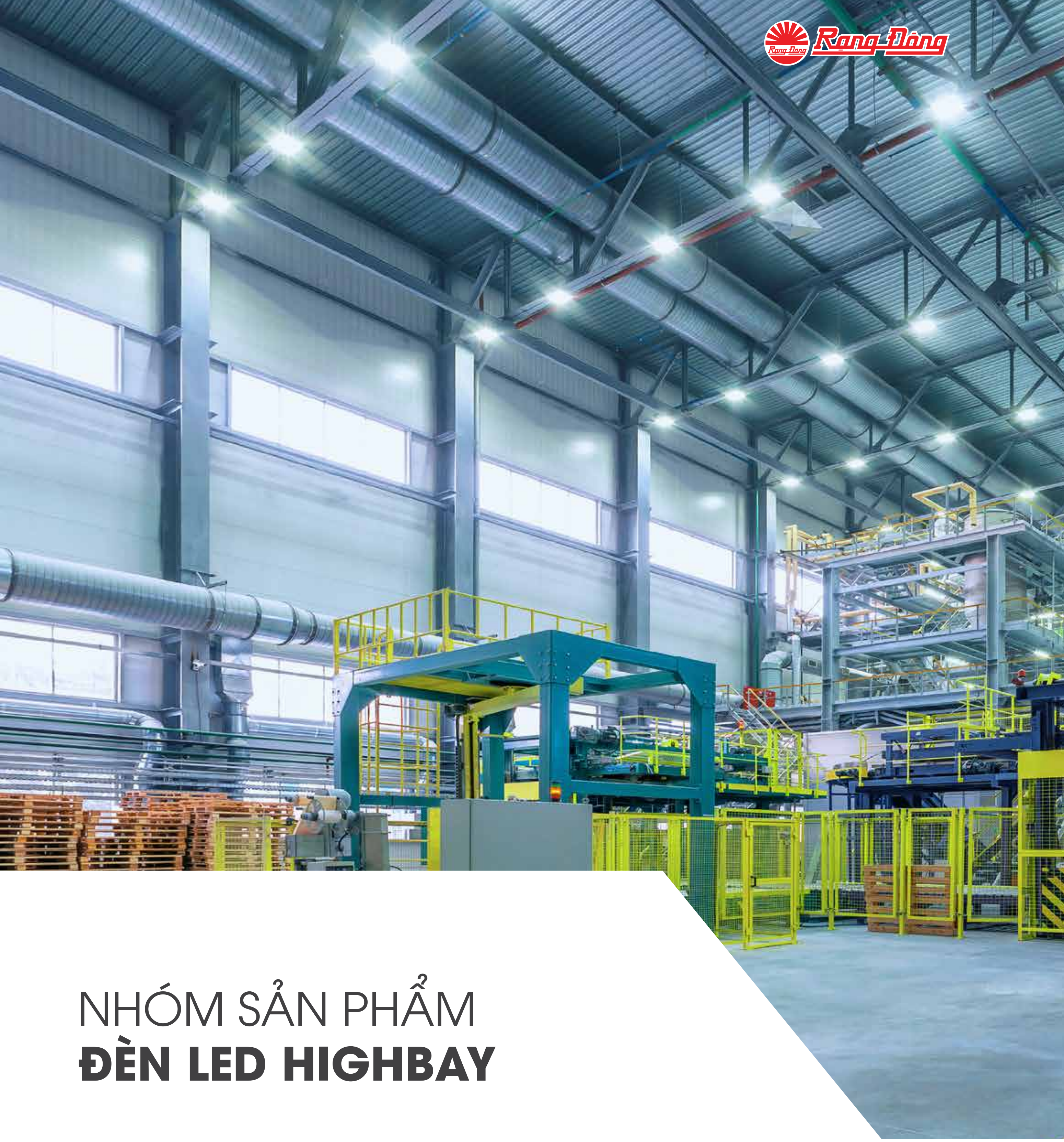
PK L-LR01 220x220/8W



PK V-LR01 210x210/8W



Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)	Chiều rộng khoét trần
	W	VDC	A	lm	K		Giờ	mm	mm
PK T-LR01 300x100/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25.000	64x32	56±2
PK L-LR01 220x220/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25.000	64x32	56±2
PK V-LR01 210x210/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25.000	64x32	56±2



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED HIGHBAY

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

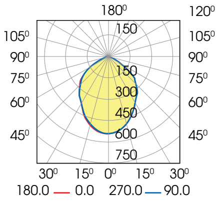
- Sử dụng chip LED Samsung hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm được anot hóa: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ .
- Chao đèn làm bằng nhôm đúc, bề mặt chao được tráng bạc: vành khung có tính chịu nhiệt cao, tán xạ nhiệt tốt.
- Hệ số công suất cao ≥ 0.9: giúp nhà máy không phải mua công suất phản kháng.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra ≥70): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR15:2009)

ĐÈN **LED HIGHBAY**

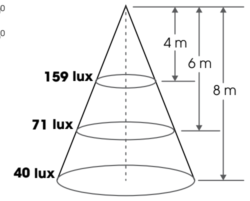


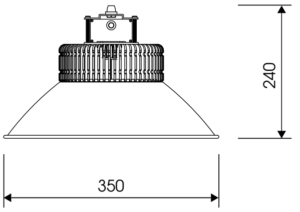
HB02 350/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

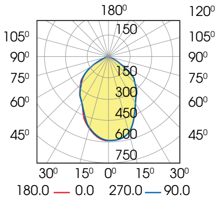




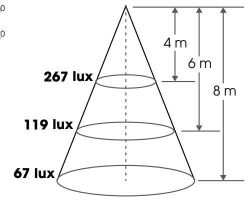


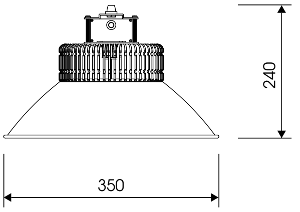
HB02 350/70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

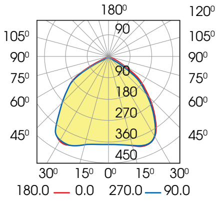




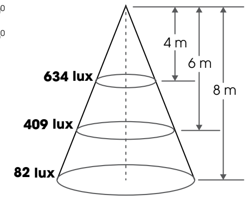


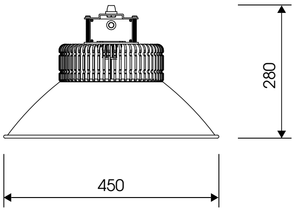
HB02 430/100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

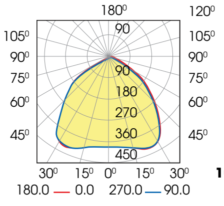




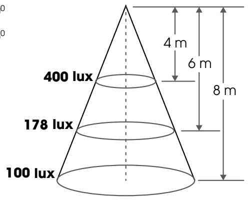


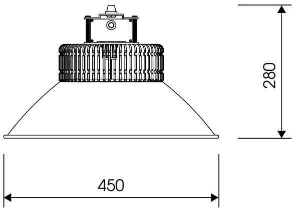
HB02 430/120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

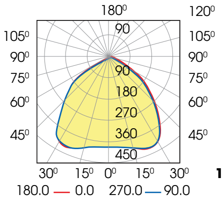




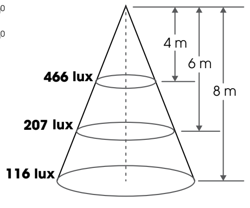


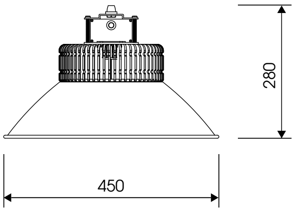
HB02 430/150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





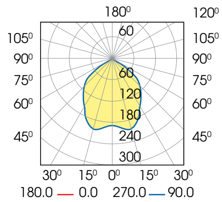
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 350/50W	50	150÷250	0.5	100/100/95	5000/5000/4750	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	350x240
HB02 350/70W	70	150÷250	0.9	95/95/90	6650/6650/6300	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	350x240
HB02 430/100W	100	150÷250	0.9	100/100/95	10000/10000/9500	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	450x280
HB02 430/120W	120	150÷250	0.9	100/100/95	12000/12000/11400	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	450x280
HB02 430/150W	150	150÷250	0.9	100/100/95		6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	450x280

ĐÈN **LED HIGHBAY**

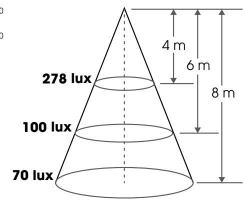


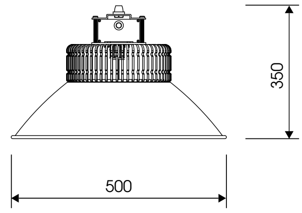
HB02 500/200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

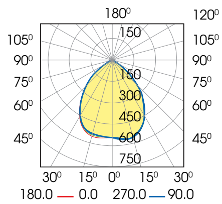




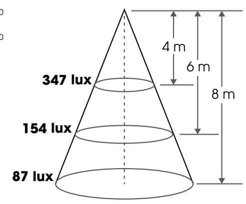


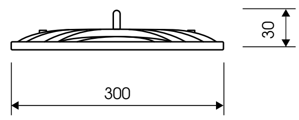
HB04 300/100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

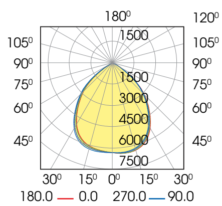




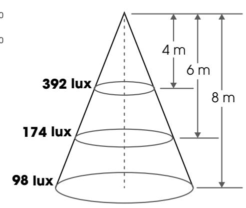


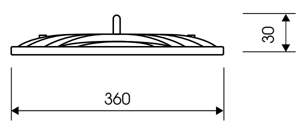
HB04 360/120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

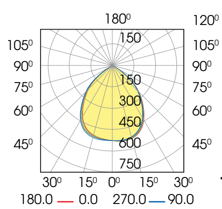




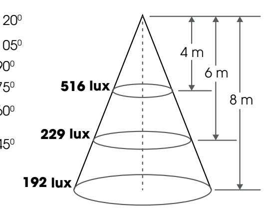


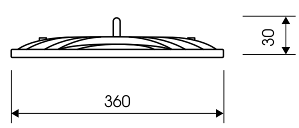
HB04 360/150W

PHÂN BỐ QUANG



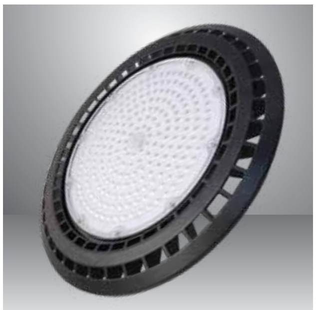
LƯỚI ĐỘ RỌI





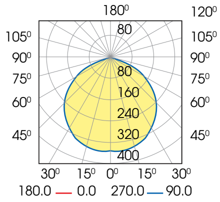
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 500/200W	200	150÷250	0.9	105/105/95	21000/21000/19000	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	490x350
HB04 300/100W	100	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	9500/10000/10000	6500/4000/3000	≥80	25.000 (L_{70}/F_{50})	300x30
HB04 360/120W	120	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	11400/12000/12000	6500/4000/3000	≥80	25.000 (L_{70}/F_{50})	360x30
HB04 360/150W	150	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	14250/15000/15000	6500/4000/3000	≥80	25.000 (L_{70}/F_{50})	360x30

ĐÈN **LED HIGHBAY UFO**

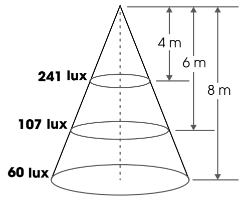


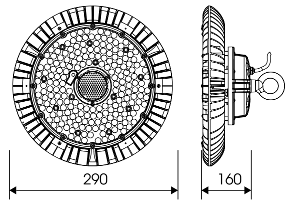
HB03 290/100W

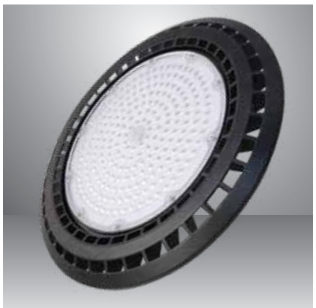
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

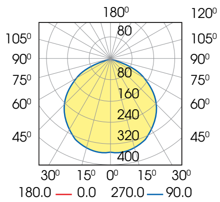




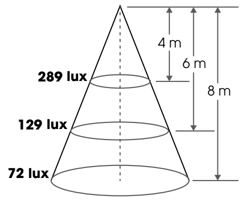


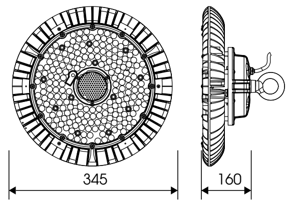
HB03 350/120W

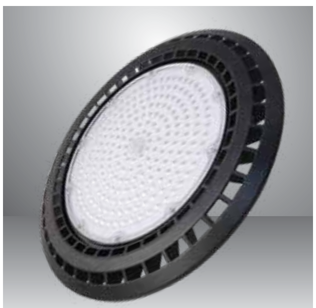
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

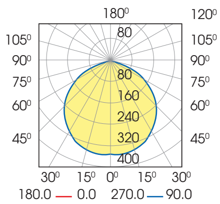




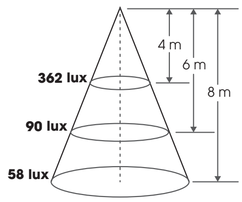


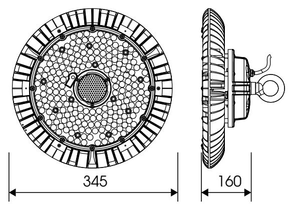
HB03 350/150W

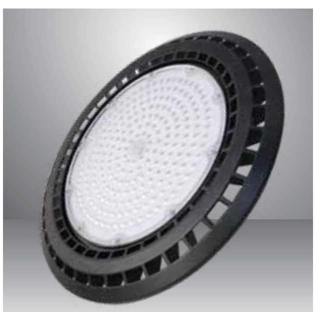
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

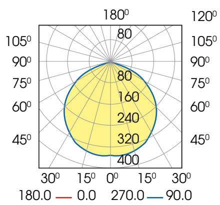




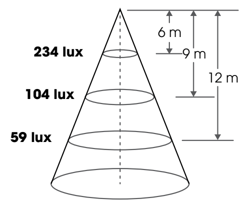


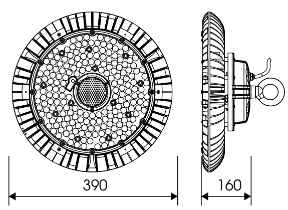
HB03 390/200W

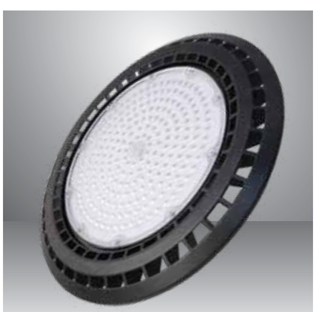
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

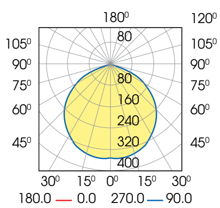




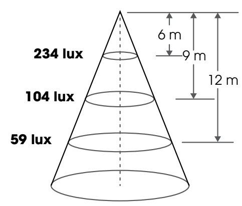


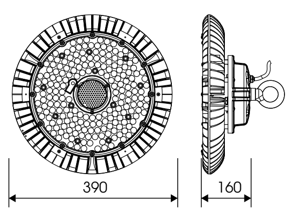
HB03 390/250W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB03 290/100W	100	150÷250	0.9	120/130/130	12000/13000/13000	3000/4000/6500	80	30.000	290x160
HB03 350/120W	120	150÷250	0.9	120/130/130	14400/15600/15600	3000/4000/6500	80	30.000	345x160
HB03 350/150W	150	150÷250	0.9	120/130/130	18000/19500/19500	3000/4000/6500	80	30.000	345x160
HB03 390/200W	200	150÷250	0.9	120/130/130	24000/26000/26000	3000/4000/6500	80	30.000	390x160
HB03 390/250W	250	150÷250	0.95	120/130/130/130	30000/32500/32500/32500	3000/4000/5000/6500	80	30.000	395x160

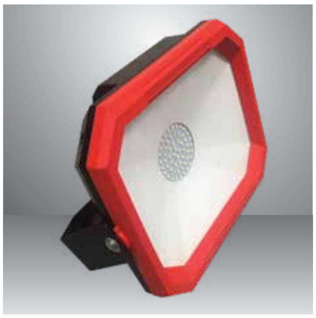


NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED CHIẾU PHA

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

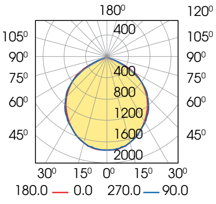
- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Kính làm bằng thủy tinh: Có khả năng chịu lực và nhiệt độ cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chịu xung sét lên tới 10kV: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng-10°C÷45°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại,không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66, IK08: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 08**

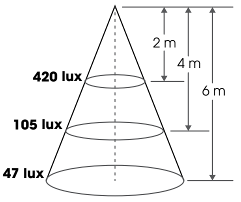


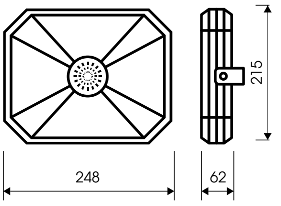
CP08 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





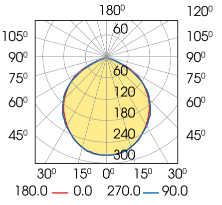
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP08 50W	50	150÷250	0.5	100/110/110	5000/5500/5500	3000/5000/6500	2	80	25.000	IP65	248x215x62

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 06**

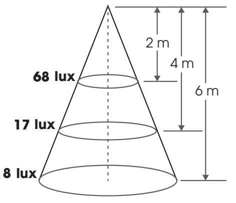


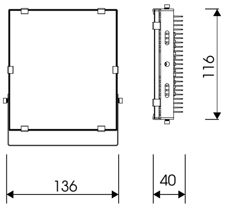
CP06 10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

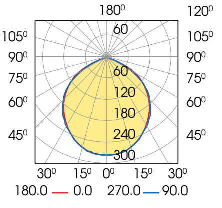




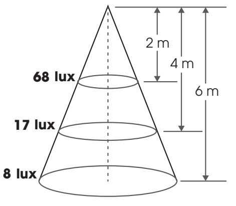


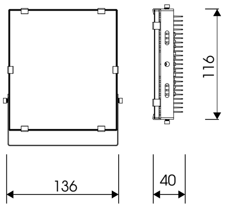
CP06 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

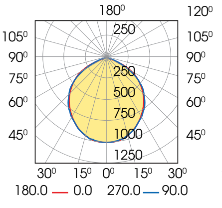




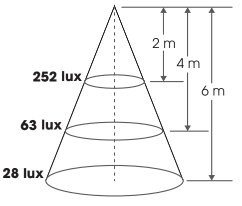


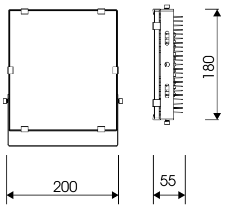
CP06 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





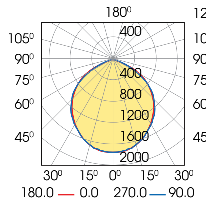
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP06 10W	10	150÷250	0.5	85	850	3000/4000/6500	1	80	20.000	IP66	136x116x40
CP06 20W	20	150÷250	0.5	78	1550	3000/4000/6500	1	80	20.000	IP66	136x116x40
CP06 30W	30	150÷250	0.5	77	2300	3000/4000/6500	1	80	20.000	IP66	200x180x55

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 06**

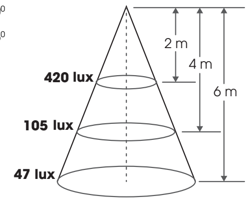


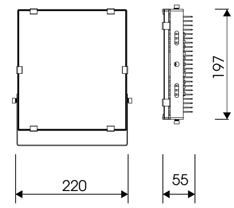
CP06 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

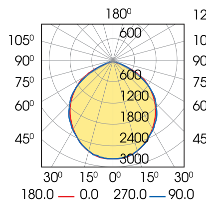




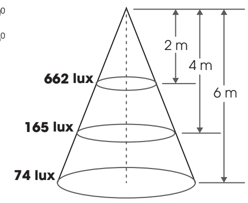


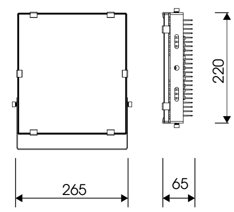
CP06 70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

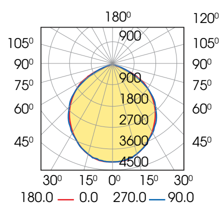




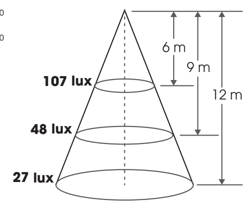


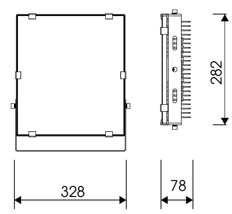
CP06 100W

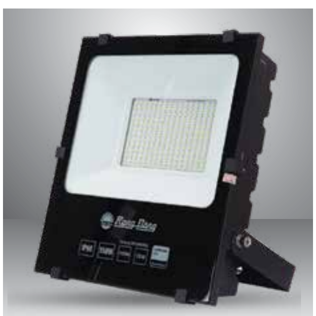
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

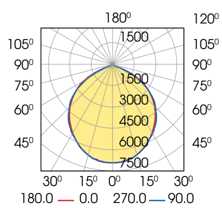




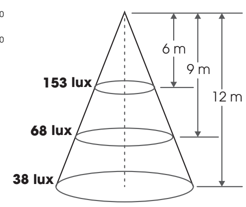


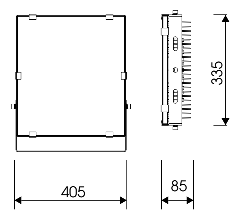
CP06 150 W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

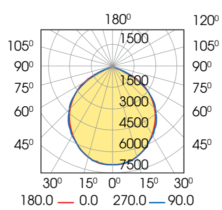




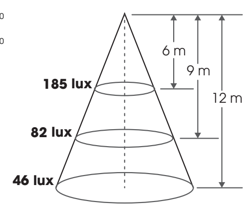


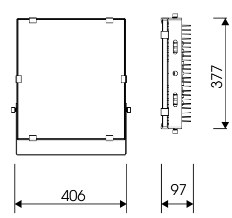
CP06 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





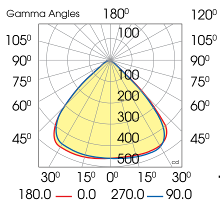
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP06 50W	50	150÷250	0.5	83	4150	3000/4000/6500	1	80	20.000	IP66	220x197x55
CP06 70W	70	150÷250	0.9	90	6300	3000/5000/6500	6	80	20.000	IP66	265x220x65
CP06 100W	100	150÷250	0.9	95	9500	3000/5000/6500	6	80	20.000	IP66	328x282x78
CP06 150W	150	150÷250	0.9	90	13500	3000/5000/6500	6	80	20.000	IP66	405x335x85
CP06 200W	200	150÷250	0.9	100	20.000	3000/5000/6500	6	80	20.000	IP66	406x377x97

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 07**

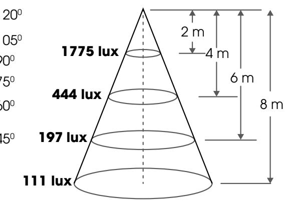


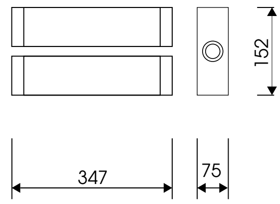
CP07 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

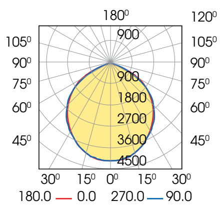




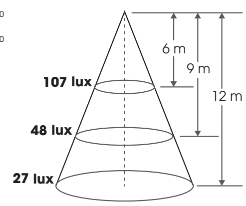


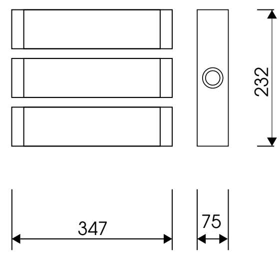
CP07 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

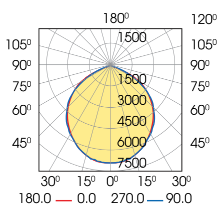




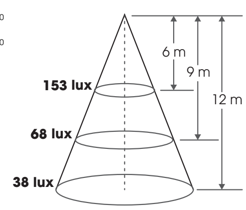


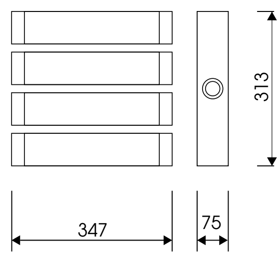
CP07 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

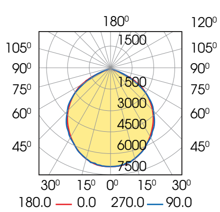




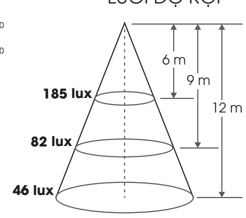


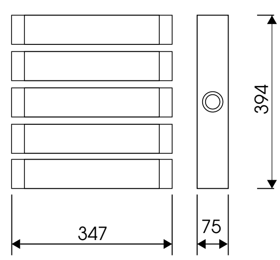
CP07 250W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

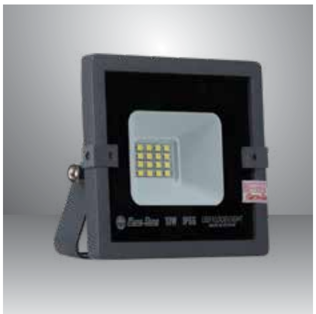




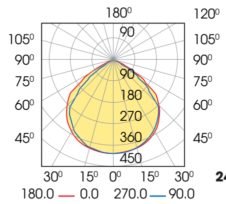
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP07 100W	100	100÷277	0,95	135	13 500	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x152x75
CP07 150W	150	100÷277	0,95	135	20 250	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x232x75
CP07 200W	200	100÷277	0,95	135	27 000	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x313x75
CP07 250W	250	100÷277	0,95	135	33 750	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x394x75

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 10**

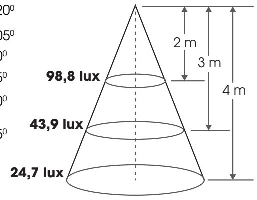
CP10 10W

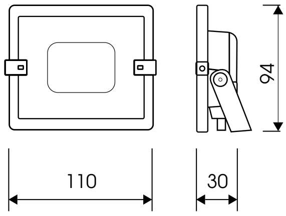


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

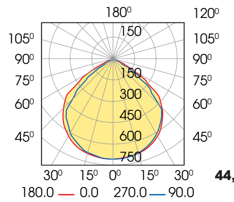




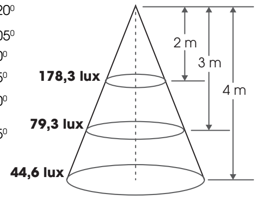
CP10 20W

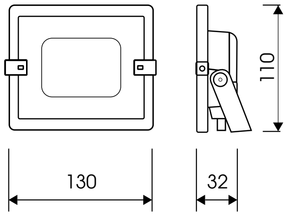


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

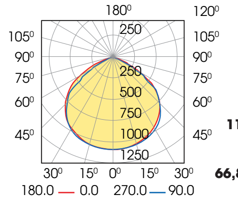




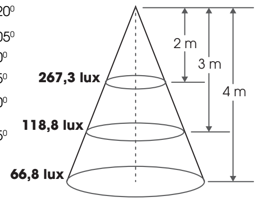
CP10 30W

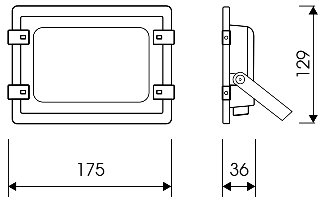


PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



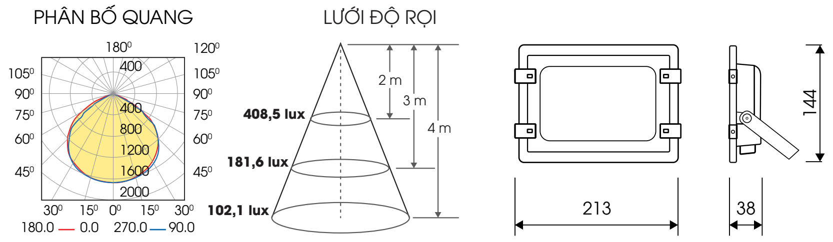


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP10 10W	10	180 ÷ 240	0.5	95	950	3000/4000/6500	2	80	25.000	IP66	110x94x30
CP10 20W	20	180 ÷ 240	0.5	95	1900	3000/4000/6500	2	80	25.000	IP66	130x110x32
CP10 30W	30	170÷250	0.5	95	2850	3000/4000/6500	2	80	25.000	IP66	175x129x36

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 10**

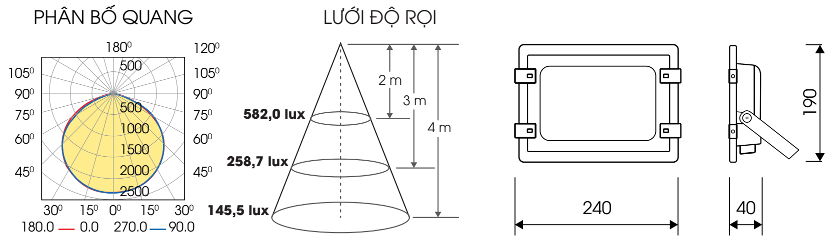


CP10 50W



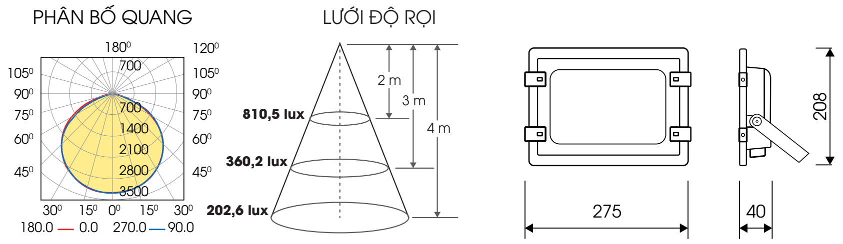


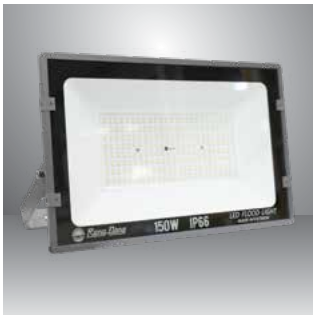
CP10 70W



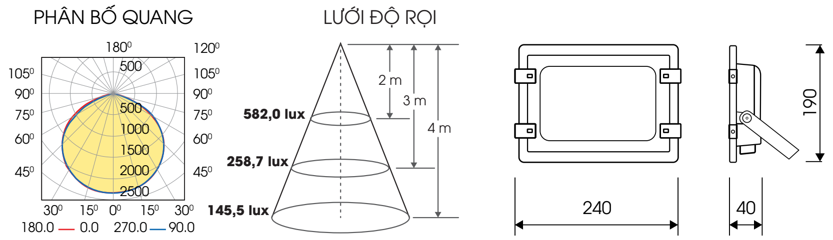


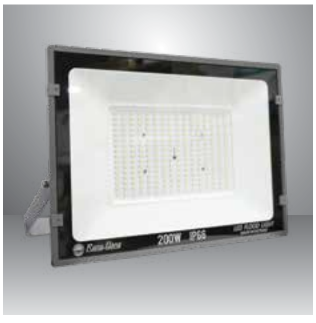
CP10 100W



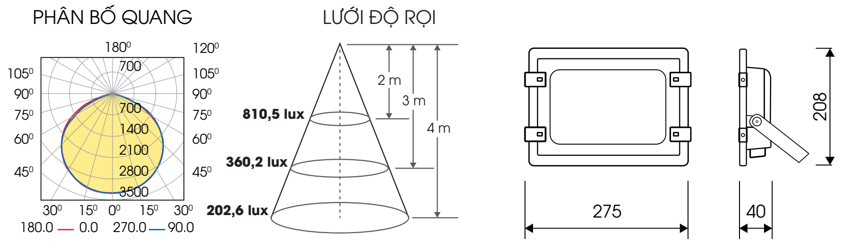


CP10 150W





CP10 200W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP10 50W	50	170÷250	0.5	90	4500	3000/4000/6500	2	80	25.000	IP66	213x144x38
CP10 70W	70	170÷250	0.5	95	6650	3000/4000/6500	4	80	25.000	IP66	240x190x40
CP10 100W	100	170÷250	0.5	95	9500	3000/4000/6500	4	80	25.000	IP66	275x208x40
CP10 150W	150	180÷240	0.5	125	18750	3000/4000/6500	10	80	25.000	IP66	360x230x50
CP10 200W	200	180÷240	0.5	125	25000	3000/4000/6500	10	80	25.000	IP66	405x288x50



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED TRACKLIGHT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, độ tin cậy, tuổi thọ cao giúp tần suất và chi phí thay thế, bảo dưỡng
- Thân đèn làm bằng nhôm đúc, chống ăn mòn, chống oxy hóa
- Sử dụng thấu kính quang học để tạo hiệu quả cao nhất trong chiếu sáng
- Dễ dàng thay đổi góc chiếu sáng, góc mở đèn 24 độ, phù hợp không gian chiếu sáng Indoor trang trí tạo điểm nhấn
- Kết cấu linh hoạt, phù hợp chiếu sáng điểm
- Ít phát nhiệt, không làm nóng bề mặt đèn và môi trường xung quanh
- Chất lượng ánh sáng trung thực, tự nhiên, chỉ số hoàn màu (Ra ≥80). (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).

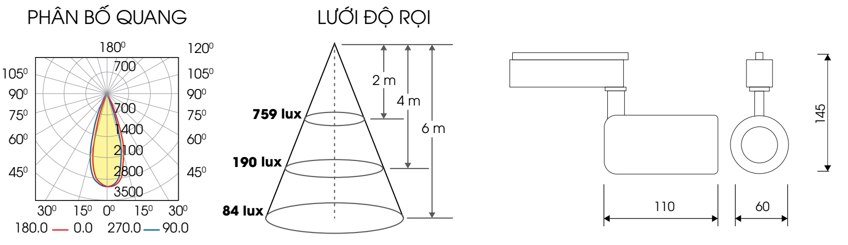
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng điểm, rọi trong các cửa hàng thời trang, siêu thị, trung tâm thương mại, phòng triển lãm, bảo tàng,…

ĐÈN **LED TRACKLIGHT 05**

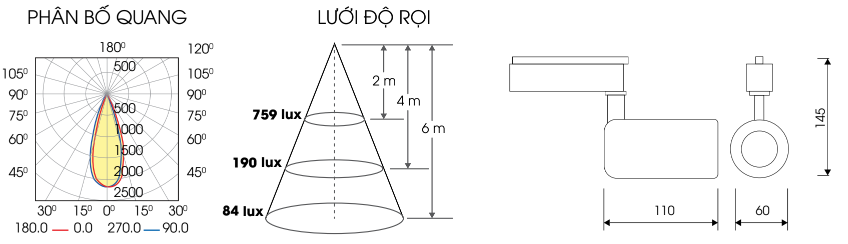


TRL05 10W



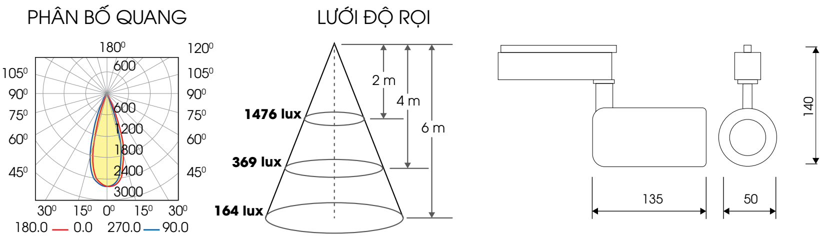


TRL05 15W



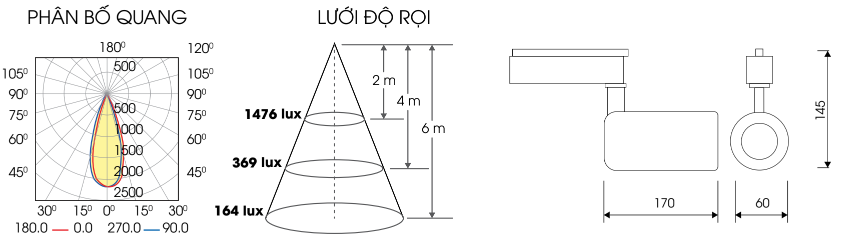


TRL05 20W





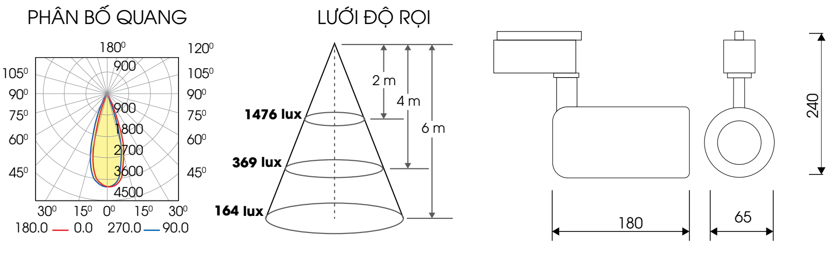
TRL05 30W



ĐÈN **LED TRACKLIGHT 06**



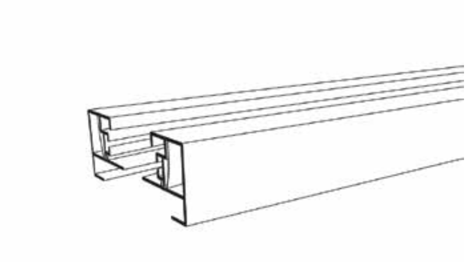
TRL06 20W



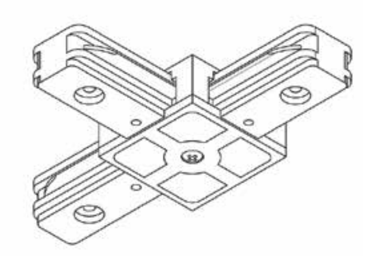
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	độ		Giờ	mm
TRL05 10W	10	150÷250	0.5	81/90/90/90	810/900/900/900/900	3000/4000/5000/6500	24	80	25.000	60x110x145
TRL05 15W	15	150÷250	0.5	100/110/110/110	1500/1650/1650/1650	3000/4000/5000/6500	24	80	25.000	60x110x145
TRL05 20W	20	150÷250	0.5	83/90/90/90	1660/1800/1800/1800	3000/4000/5000/6500	24	80	25.000	50x135x140
TRL05 30W	30	150÷250	0.5	81/90/90/90	2430/2700/2700/2700	3000/4000/5000/6500	24	90	25.000	60x170x145
TRL06 20W	20	150÷250	0.5	68/75/75/75	1350/1500/1500/1500	3000/4000/5000/6500	15÷36	80	25.000	65x180x240

PHỤ KIỆN ĐÈN TRACKLIGHT

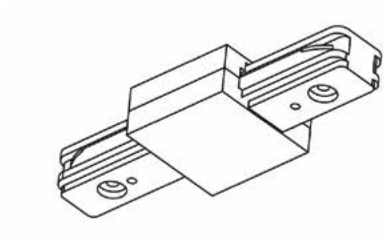
RAY TRL01/1000 (1M)



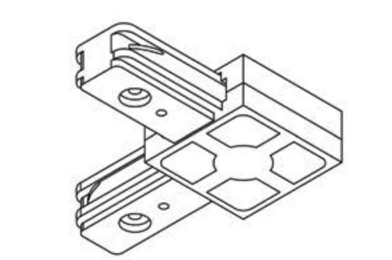
RAY TRL01/NCT



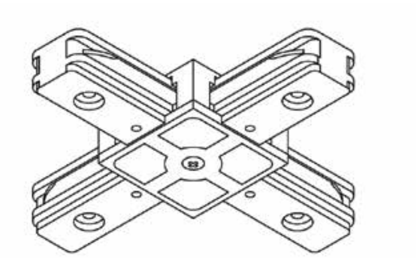
RAY TRL01/NT



RAY TRL01/NG



RAY TRL01/NC+

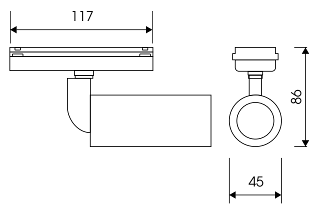


Model	Dòng điện max	Công suất max	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Điện trở cách điện	Kích thước
	A	W	V/Hz	V	MΩ	mm
Ray TRL01/1000 (1m)	16	4000	220/50	150÷250	5	1000x35x20
RAY TRL01/NCT	16	4000	220/50	150÷250	5	102x70x16
RAY TRL01/NT	16	4000	220/50	150÷250	5	95x35x16
RAY TRL01/NG	16	4000	220/50	150÷250	5	68x68x16
RAY TRL01/NC+	16	4000	220/50	150÷250	5	102x102x16

ĐÈN **LED RAY TRACKLIGHT**

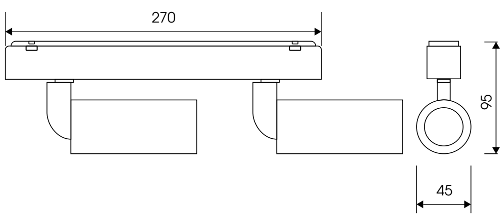


TRL08 10W





TRL08 20W

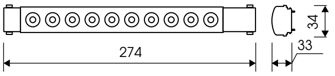


Model	Công suất	Điện áp nguồn	Nhiệt độ màu	Quang thông	Chỉ số hoàn màu	Góc chiếu	Góc xoay	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	VDC	K	lm	K	độ	độ	Giờ	mm
TRL08 10W	10	48	2700/4000/6000	600/620/640	90	24	90/360	50 000	117x45x86
TRL08 20W	20	48	2700/4000/6000	1280/1400/1500	90	24	90/360	50 000	270x45x95

ĐÈN **RAY LED THANH**

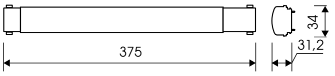
RLT01 330/10W





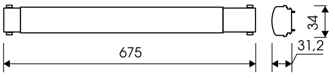
RLT02 370/10W





RLT02 670/20W

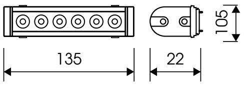




ĐÈN **RAY LED THANH XOAY GÓC**

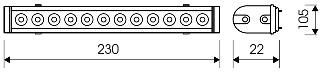
RLT03 130/6W





RLT03 240/12W





Model	Công suất	Điện áp nguồn	Nhiệt độ màu	Quang thông	Chỉ số hoàn màu	Góc chiếu	Góc xoay	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	VDC	K	lm	K	độ	độ	Giờ	mm
RLT01 330/10W	10	48	2700/4000/5700	552/696/720	90	24		50 000	274x34x33
RLT02 370/10W	10	48	3000/4000/6500	650/730/750	90			50 000	375x34x31,2
RLT02 670/20W	20	48	3000/4000/6500	1105/1241/1278	90			50 000	675x34x31,2
RLT03 130/6W	6	48	2700/4000/5700	324/408/409	90	24	180	50 000	135x22x105
RLT03 240/12W	12	48	2700/4000/5700	580/700/720	90	24	180	50 000	230x22x105

PHỤ KIỆN ĐÈN RAY LED THANH

DR- RAY LED.48V 200W



RAY LED.48V (1m)



RAY LED.48V/HN



RAY LED.48V/DH-HN



RAY LED.48V/NXG



RAY LED.48V/NG



RAY LED.48V/NT





NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED
CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED chất lượng cao, hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷270)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại
- Khả năng lập trình Dimming 3-5 cấp công suất
- Khả năng chịu xung sét ≥10Kv: bảo vệ đèn khỏi các loại xung sét, nâng cao tuổi thọ đèn (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷45°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66/IK08, IP65/IK09: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng
- Tiêu chuẩn chung áp dụng:TCVN 7722-1/IEC60598-1.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 55% điện năng thay thế bộ đèn chiếu sáng đường Metal Halide, Cao áp Natri. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 30 000 giờ - 50 000 giờ, cao gấp 5 lần bóng Metal Halide, gấp 2-3 lần đèn cao áp Natri, không hạn chế số lần bật tắt.

ỨNG DỤNG

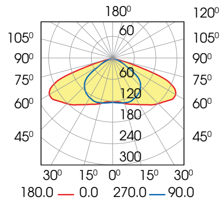
- Chiếu sáng đường phố chính, đường khu đô thị, đường gom, khu công nghiệp

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02**

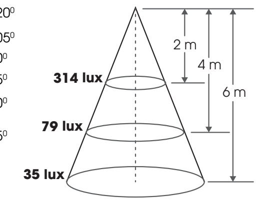


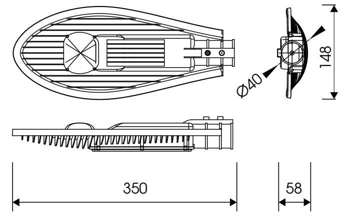
CSD02 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

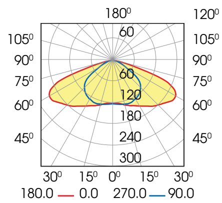




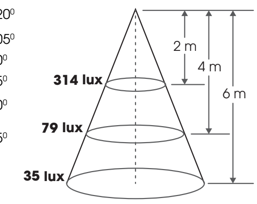


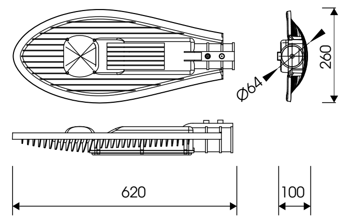
CSD02 40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

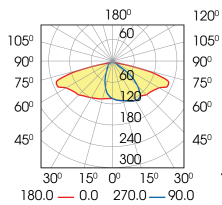




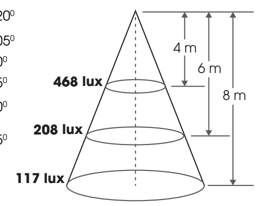


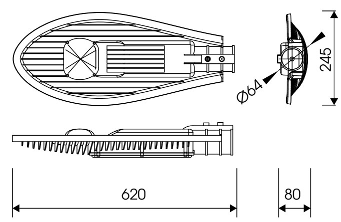
CSD02 60W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

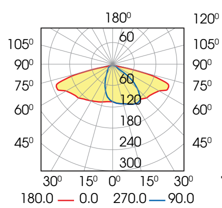




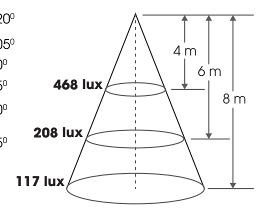


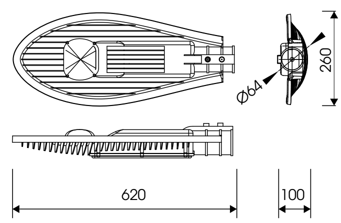
CSD02 70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

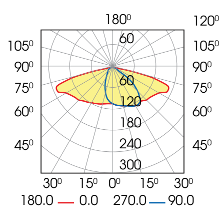




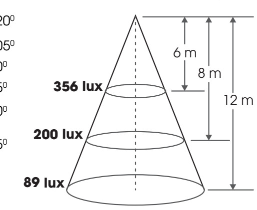


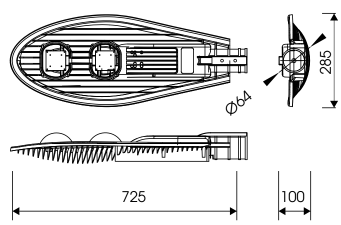
CSD02 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 30W	30	150÷270	0.5	116	3500	4000/5000	10	≥70	30.000	IP66,IK08	Ø40	350x148x58
CSD02 40W	40	100÷277	0.95	120	4400	5000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	620x260x100
CSD02 60W	60	150÷270	0.95	110	6600	4000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	620x245x80
CSD02 70W	70	100÷277	0.95	105	7350	5000/6500	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	620x260x100
CSD02 100W	100	150÷270	0.95	125	12500	4000	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100

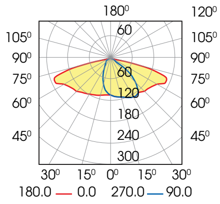


ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02**

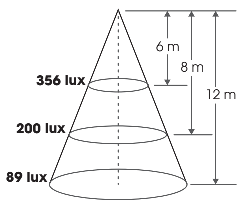


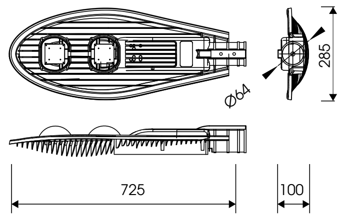
CSD02 120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

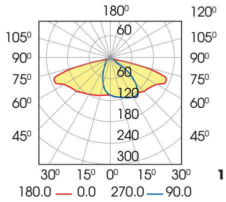




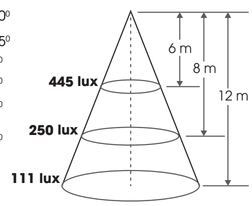


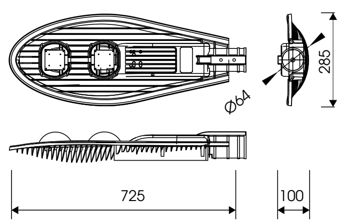
CSD02 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

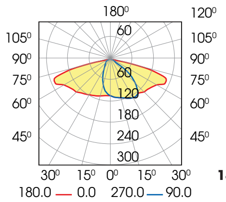




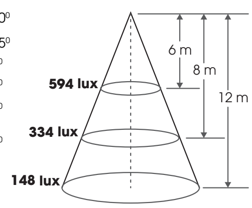


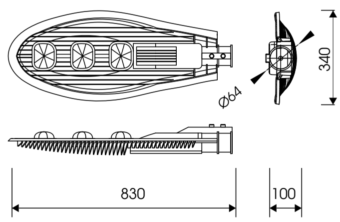
CSD02 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





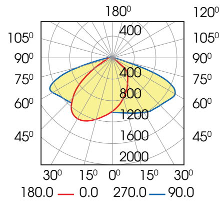
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 120W	120	100÷277	0.95	135	16200	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100
CSD02 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100
CSD02 200W	200	100÷277	0.95	115	23000	5000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	830x340x100

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 03**

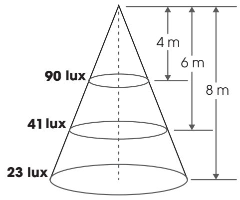


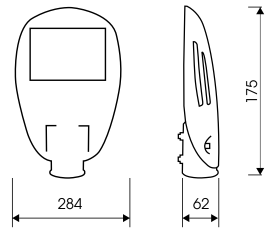
CSD03 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

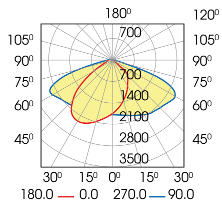




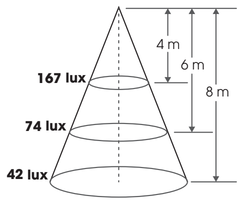


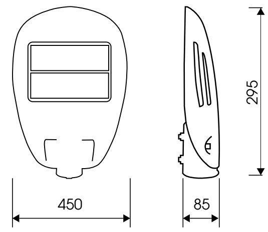
CSD03 60W

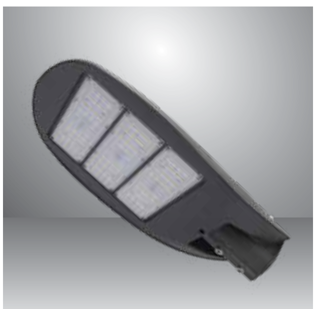
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

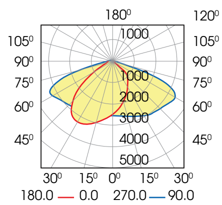




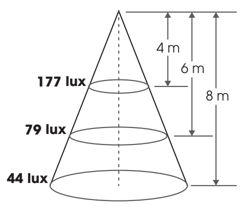


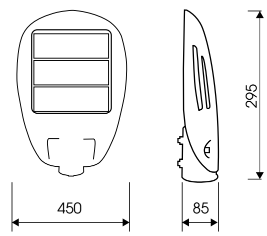
CSD03 70W

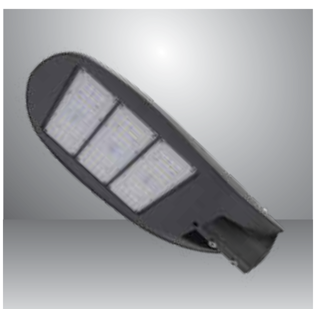
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

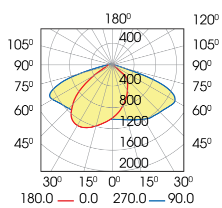




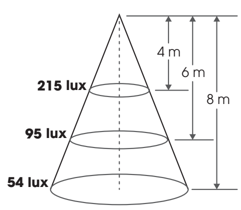


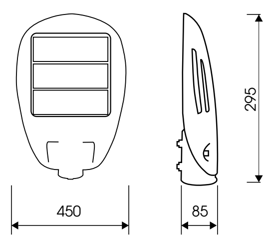
CSD03 80W

PHÂN BỐ QUANG

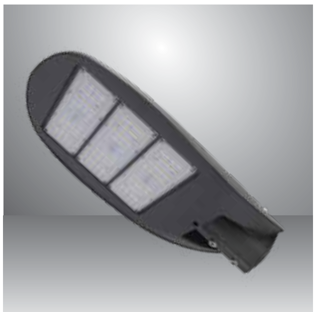


LƯỚI ĐỘ RỌI



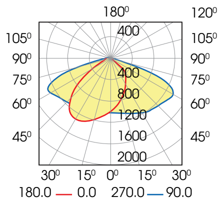


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD03 30W	30	100÷277	0.9	120	3600	5000	10	≥70	35000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	284x175x62
CSD03 60W	60	100÷277	0.9	120	7200	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 70W	70	100÷277	0.9	130	9100	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 80W	80	100÷277	0.9	125	10000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85

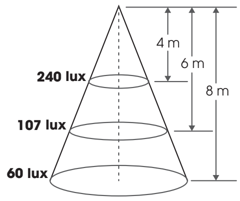


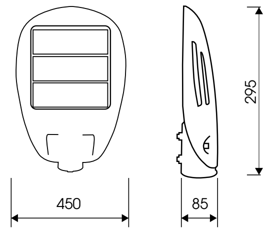
CSD03 90W

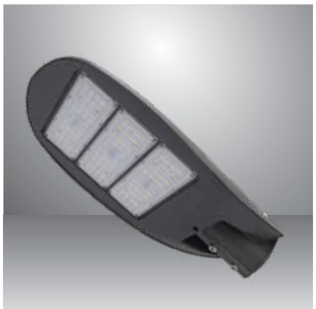
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

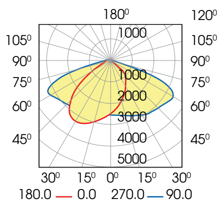




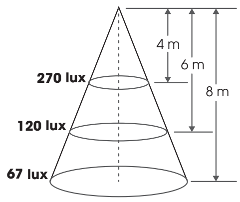


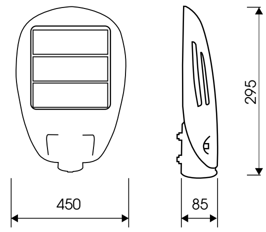
CSD03 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





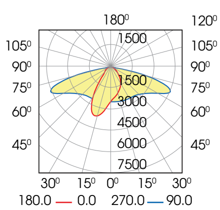
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD03 90W	90	100÷277	0.9	120	10800	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 100W	100	90÷305	0.9	120	12000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 04**

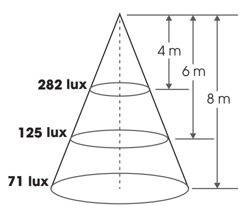


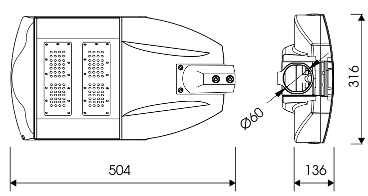
CSD04 80W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

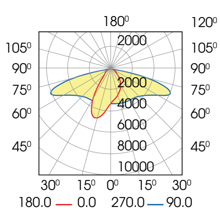




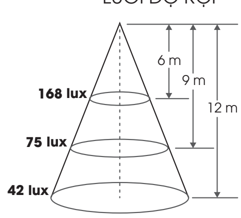


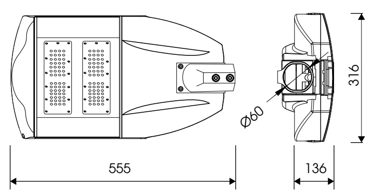
CSD04 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





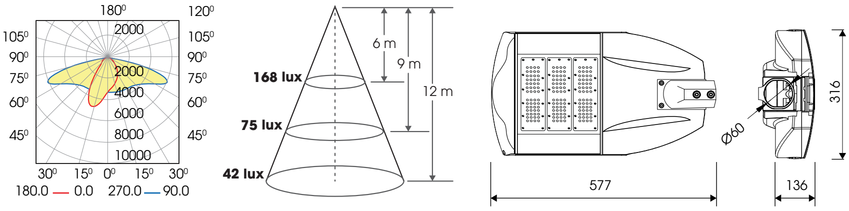
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD04 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	504x316x136
CSD04 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	555x316x136

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 04**



CSD04 120W

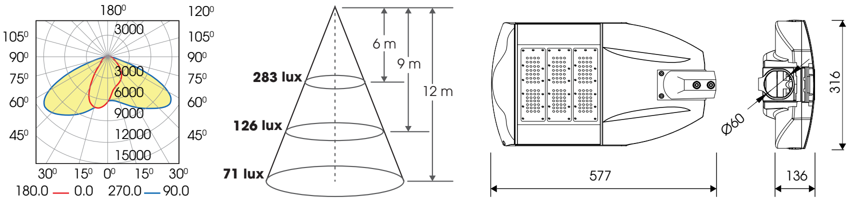
PHÂN BỐ QUANG　　LƯỚI ĐỘ RỌI





CSD04 150W

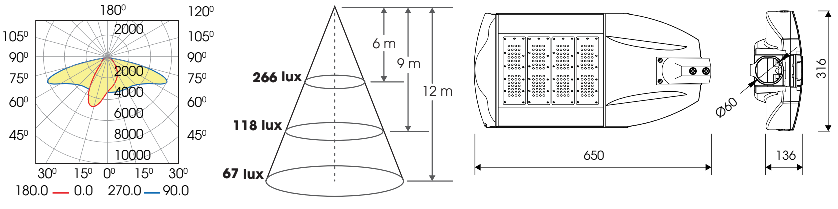
PHÂN BỐ QUANG　　LƯỚI ĐỘ RỌI





CSD04 180W

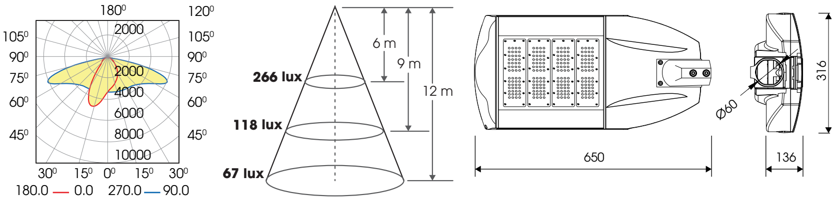
PHÂN BỐ QUANG　　LƯỚI ĐỘ RỌI





CSD04 200W

PHÂN BỐ QUANG　　LƯỚI ĐỘ RỌI



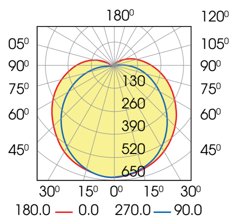
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD04 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	577x316x136
CSD04 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	577x316x136
CSD04 180W	180	100÷277	0.95	130	23400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	650x316x136
CSD04 200W	200	100÷277	0,95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	650x316x136

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 05**

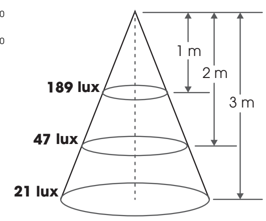


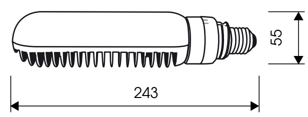
CSD05 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

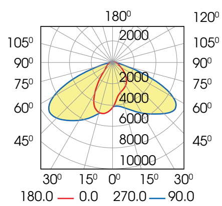




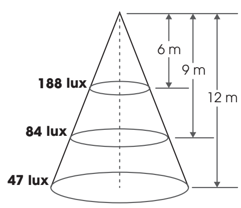


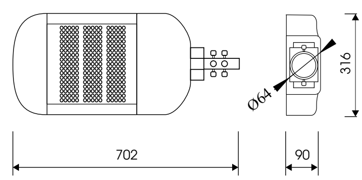
CSD05 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

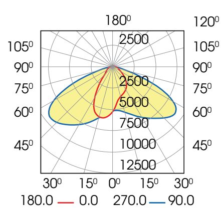




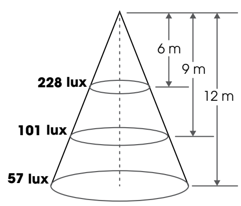


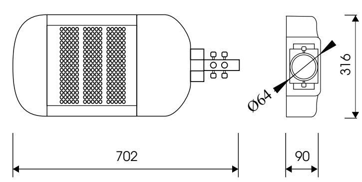
CSD05 120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

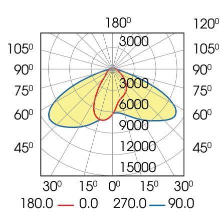




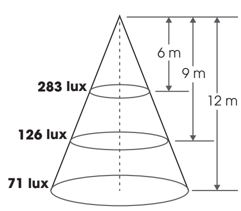


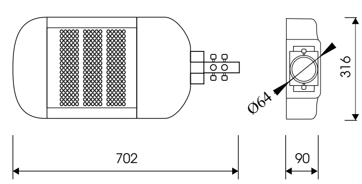
CSD05 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





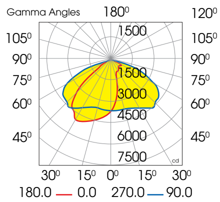
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD05 30W	30	150÷250	0.5	100	3000	5000	-	83	20.000	IP40	-	55x243
CSD05 100W	100	100÷277	0.95	150	15.000	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90
CSD05 120W	120	100÷277	0.95	145	17400	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90
CSD05 150W	150	100÷277	0.95	135	20250	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 06**

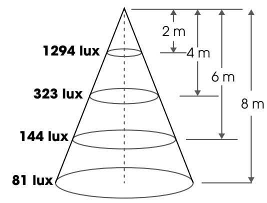


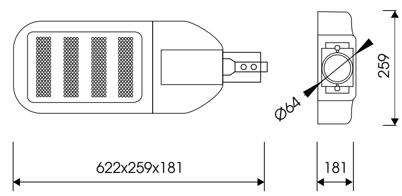
CSD06 80W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

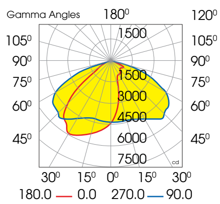




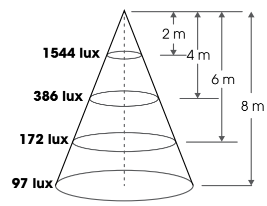


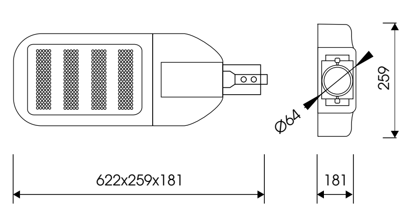
CSD06 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

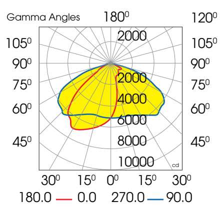




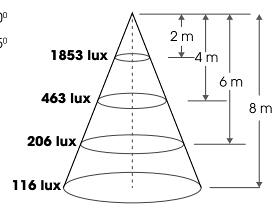


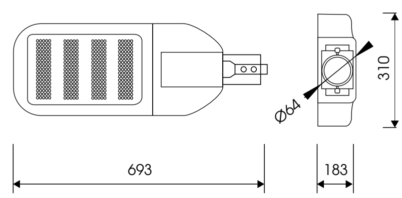
CSD06 120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

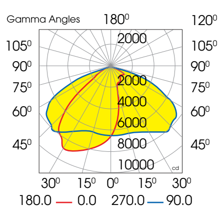




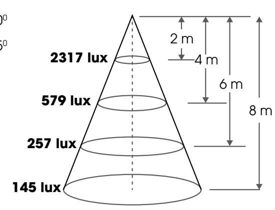


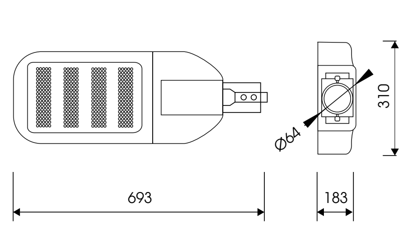
CSD06 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





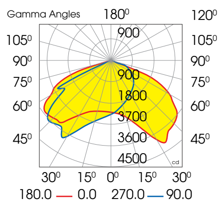
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD06 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	622x259x181
CSD06 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	622x259x181
CSD06 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	693x310x183
CSD06 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	693x310x183

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 08**

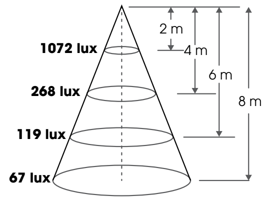


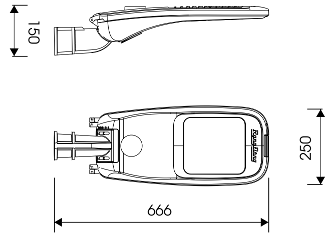
CSD08 80W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

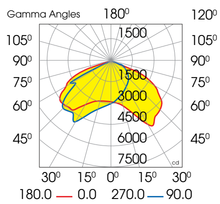




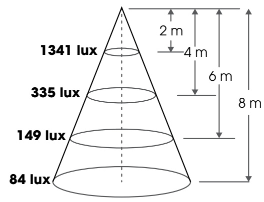


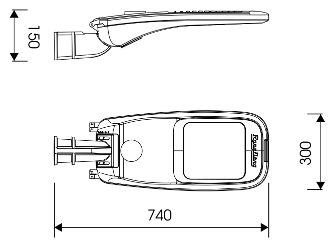
CSD08 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

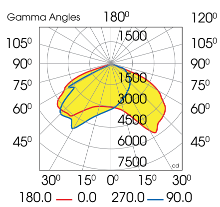




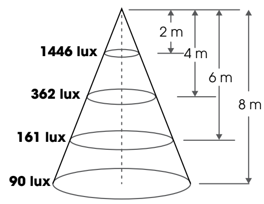


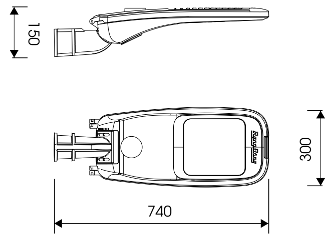
CSD08 120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

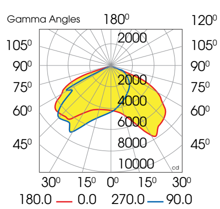




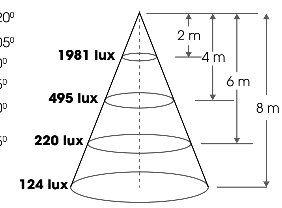


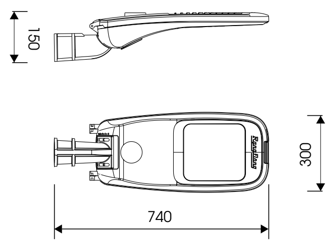
CSD08 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

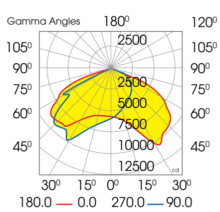




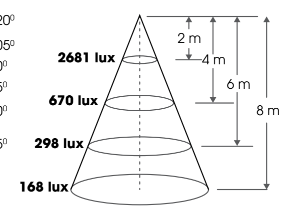


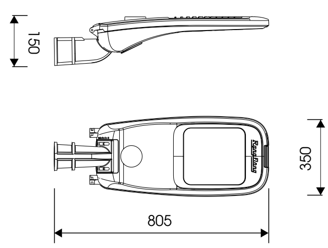
CSD08 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ (giờ)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ		mm	
CSD08 80W	80	100÷277	0.9	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	666x250x150
CSD08 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	805x350x150

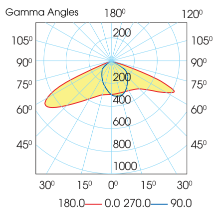


ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 09**

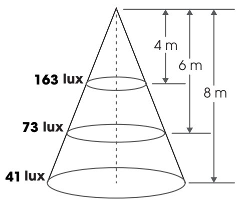


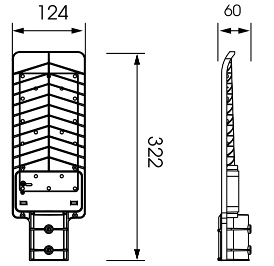
CDC09 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

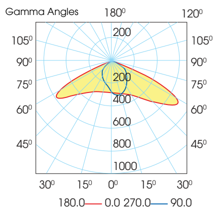




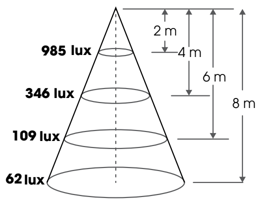


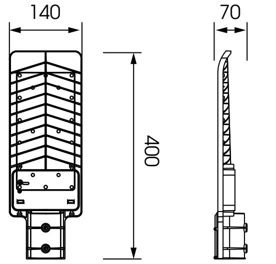
CDC09 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





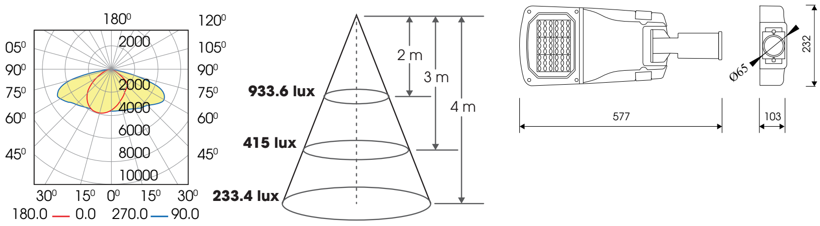
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Tuổi thọ (giờ)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV	giờ		mm	
CSD09 30W	30	150÷270	0.5	110	33000	4000/5000	6	50000	IP66	40	322x124x60
CSD09 50W	50	150÷270	0.5	110	55000	4000/5000	6	50000	IP66	50	400x140x70

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 10**



CSD10 100W

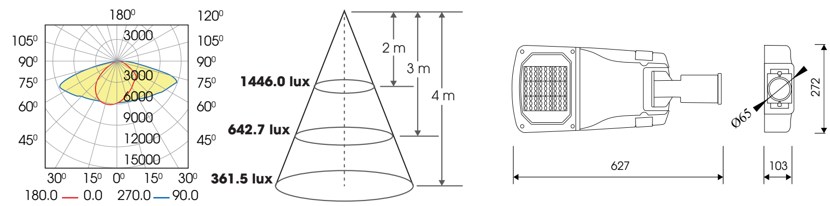
PHÂN BỐ QUANG · LƯỚI ĐỘ RỌI





CSD10 150W

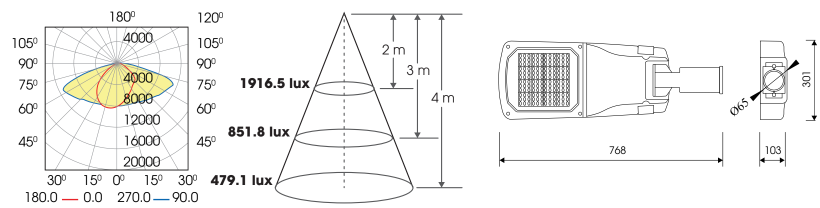
PHÂN BỐ QUANG · LƯỚI ĐỘ RỌI





CSD10 200W

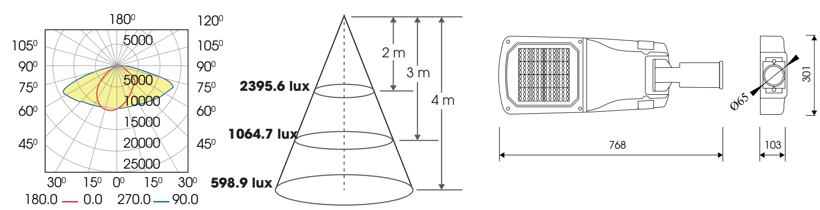
PHÂN BỐ QUANG · LƯỚI ĐỘ RỌI





CSD10 250W

PHÂN BỐ QUANG · LƯỚI ĐỘ RỌI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD10 100W	100	100 ÷ 277	0.95	140	14000	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/ IK09	65	577x232x103
CSD10 150W	150	100 ÷ 277	0.95	150	22500	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/ IK09	65	627x272x103
CSD10 200W	200	100 ÷ 277	0.95	150	30000	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/ IK09	65	768x301x103
CSD10 250W	250	100 ÷ 277	0.95	150	37500	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/ IK09	65	768x301x103

ĐÈN PIN **ĐỘI ĐẦU**

PDD01 1W



Công suất (W):	1
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD02 3W



Công suất (W):	3
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD03 5W



Công suất (W):	5
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

ĐÈN **BẮT MUỖI**

DBM01 5W



Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Bước sóng LED UV (nm):	365
Kích thước (DxRxC) (mm)	200x238

DBM02 400x250/4W



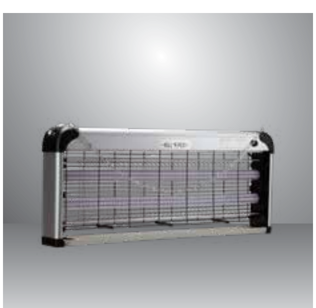
Công suất (W):	4
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Điện áp đầu ra (kV):	≥1,15
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Kích thước (DxRxC) (mm)	395x57x246

DBM02 500x250/4W



Công suất (W):	4
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Điện áp đầu ra (kV):	≥1,15
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Kích thước (DxRxC) (mm)	500x57x24

DCT01 8W



Công suất (W):	8
Chiều dài dây cắm điện (m):	1
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷40
Công suất quang: (mW):	246
Góc chùm tia (°):	120
Công suất quang: (mW):	246
Tuổi thọ (h, L70):	15.000
Kích thước (DxRxC) (mm)	640x75x255

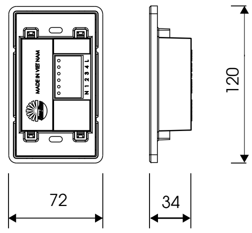
THIẾT BỊ ĐIỆN AN TOÀN



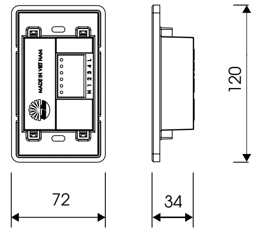


CÔNG TẮC **CẢM ỨNG**

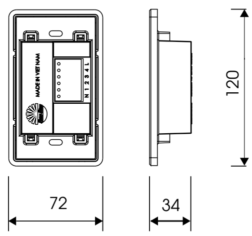
RD-CT.01

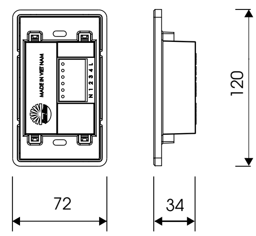
RD-CT.01.NL

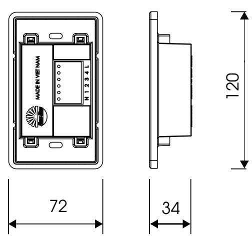
RD-CT.02

RD-CT.03

RD-CT.04

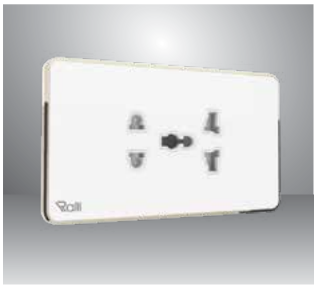



- Mặt kính cường lực, chống xước, chống vân tay.
- Bảo vệ chống bụi, chống nước IP44.
- Dễ dàng lắp đặt, sử dụng thay thế công tắc cơ truyền thống.

Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V / Hz	V	°C	lần	K	mm
RD-CT.01	300	220 / 50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.01.NL	2500	220 / 50-60	150÷250	-10÷40	100000	IP44	120x72x34
RD-CT.02	300 / nút	220 / 50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.03	300 / nút	220 / 50-60	150÷250	-10÷40	100000	IP44	120x72x34
RD-CT.04	300 / nút	220 / 50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34

Ổ CẮM **ÂM TƯỜNG CAO CẤP**

OCAT04K 2C/16A



Công suất (W):	3500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x29
Dòng điện Max (A):	16

Ổ CẮM **ÂM TƯỜNG CHỐNG GIẬT**

OCAT01 1C/16A



Công suất (W):	3000
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x32
Dòng điện Max (A):	16

Tính năng:
Tự động ngắt điện khi phát hiện dòng rò ≥ 30mA.

OCAT05K 2C/16A



Công suất (W):	3500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	86x86x31
Dòng điện Max (A):	16

OCAT06K 2C/16A



Công suất (W):	3500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	70x120x31
Dòng điện Max (A):	16

Ổ CẮM **MÁY BƠM AN TOÀN**

OC03.MB 16A



Công suất (W):	≤1500 (Công suất máy bơm)
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x32
Dòng điện Max (mA):	16

Tính năng:
Sử dụng nguồn cách ly điện áp thấp 5V đến phao điện tại bể, an toàn cho người sử dụng

Ổ CẮM ĐA NĂNG **CHỐNG GIẬT**

OC04 4C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

Tính năng:
Tự động ngắt điện khi phát hiện dòng rò ≥ 30mA.

OC04.USB 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

Ổ CẮM **KÉO DÀI**

OC02 4C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC02.USB 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC05 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	170x50x36
Dòng điện Max (A):	10

OC05.V2 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	170x50x36
Dòng điện Max (A):	10

OC06 6C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	205x100x36
Dòng điện Max (A):	10

OC06.V2 6C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	205x100x36
Dòng điện Max (A):	10

MẶT CÔNG TẮC Ổ CẮM

MOC01 80x120x9/1H



Số vị trí lắp đặt	1
Khoảng cách 2 lỗ vít lắp đặt (mm)	83
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x80x9

MOC01 80x120x9/2H



Số vị trí lắp đặt	2
Khoảng cách 2 lỗ vít lắp đặt (mm)	83
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x80x9

MOC01 80x120x9/3H



Số vị trí lắp đặt	3
Khoảng cách 2 lỗ vít lắp đặt (mm)	83
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x80x9

HẠT CHIẾT ÁP

HCA Q01/200W



Công suất max (W)	200
Dải điện áp hoạt động (VAC)	150÷250
Kích thước (DxRxC) (mm)	47x24x36

HCA D01/300W



Công suất max (W)	300
Dải điện áp hoạt động (VAC)	150÷250
Kích thước (DxRxC) (mm)	47x24x36

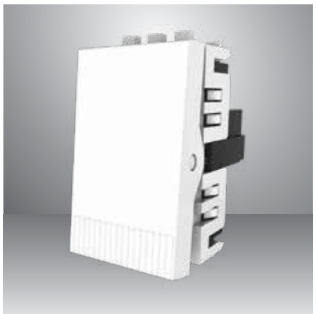
HẠT CÔNG TẮC

HCT01 1C/10A



Công suất max (W)	2500
Dòng điện max (A)	10
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x36

HCT01 2C/10A



Công suất max (W)	2500
Dòng điện max (A)	10
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x36

HẠT Ổ CẮM

HOC01 1C/16A



Công suất max (W)	3500
Dòng điện max (A)	16
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x35

HOC02 2C/16A



Công suất max (W)	3500
Dòng điện max (A)	16
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	72x46x30

HOC.ĐT01



Loại giắc kết nối	RJ11
Kiểu kết nối Internet	2 dây 4 dây
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x39

HOC.LAN01



Loại giắc kết nối	RJ11
Kiểu kết nối Internet	2 dây 4 dây
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x39

HOC.ANTEN01



Kết nối đầu vào	Giắc đực kiểu F 9.5mm
Kết nối đầu ra	Giắc đực kiểu F 9.5mm
Loại cáp	Cáp đồng trục
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x22

HOC.ANTEN02



Kết nối đầu vào	Cáp đồng trục
Kết nối đầu ra	Giắc Belling - Lee đực
Loại cáp	Cáp đồng trục
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x39









NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn LED hiệu suất cao, chất lượng cao, tuổi thọ cao.
- Hệ số trả màu cao (Ra ≥80): Cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker Free): Không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): Giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/ CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: Bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5:2009/ IEC6100-4-5:2005)



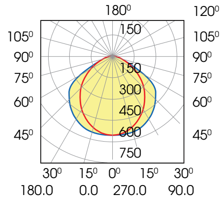


BỘ ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC**

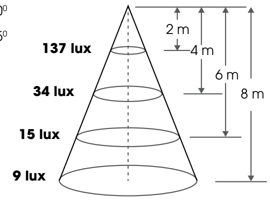


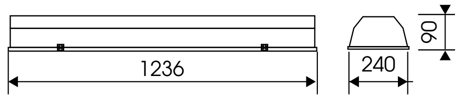
T8 TT01 CSLH /20Wx2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

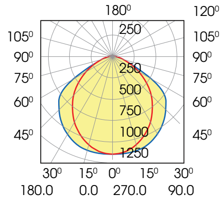




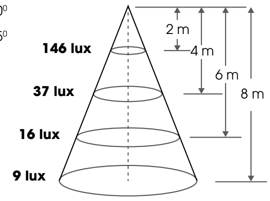


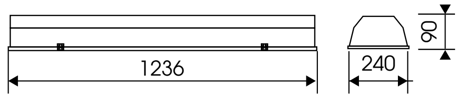
T8 CSLH/20Wx2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

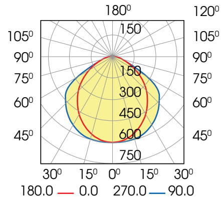




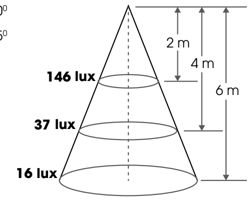


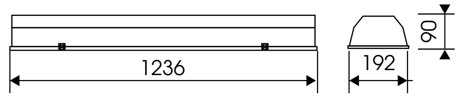
T8 TT01 CSLH/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





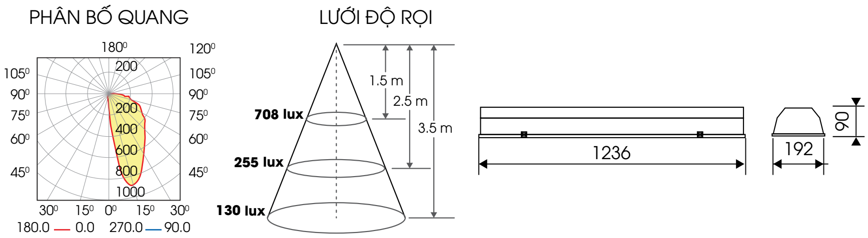
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 CSLH / 20Wx2	20x2	170÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	20.000	1236x240x90
T8 CSLH/20Wx2	20x2	150÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	30.000	1236x240x90
T8 TT01 CSLH/20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20.000	1236x192x90



BỘ ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG BẢNG**

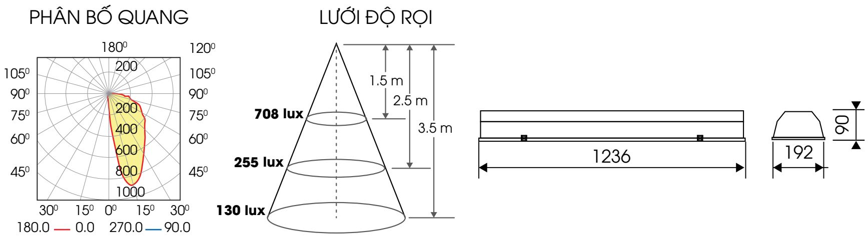


T8 TT01 CSBA/20Wx1



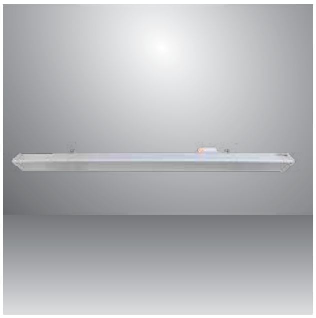


T8 CSBA/20Wx1



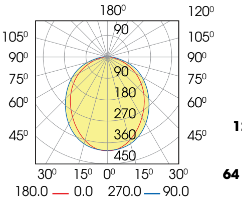
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 CSBA/20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20.000	1236x192x90
T8 CSBA/20Wx1	20	150÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	30.000	1236x192x90

BỘ ĐÈN **LED TUBE HỌC ĐƯỜNG**

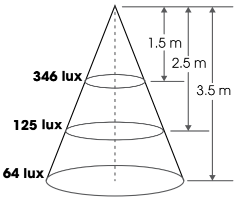


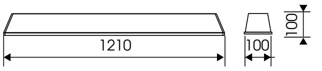
CSLH 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

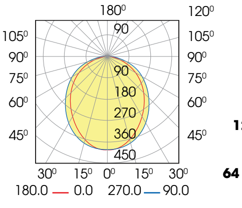




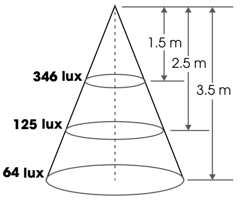


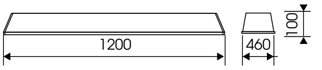
CSBA 1200/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

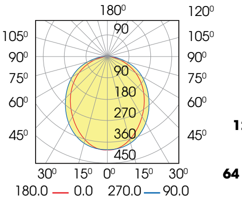




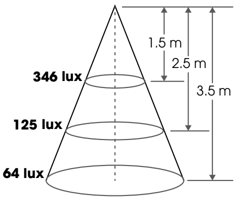


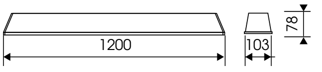
CSLH 1200/36W

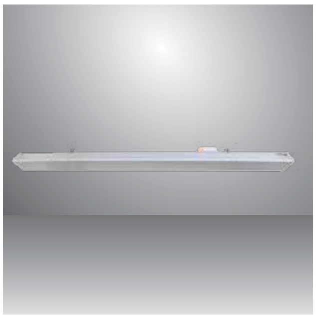
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

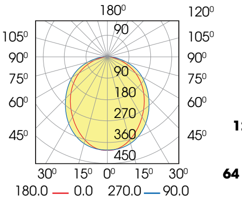




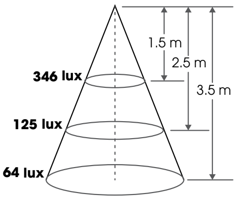


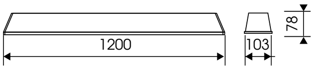
CSLH.LS 1200/36W

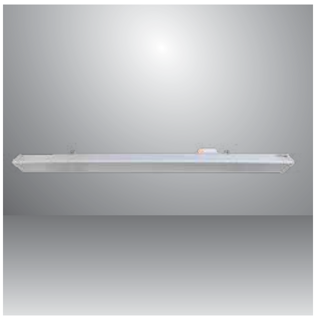
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

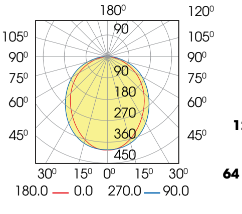




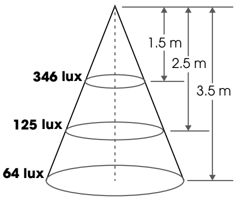


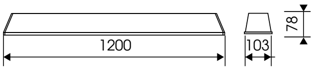
CSLH.LS 1200/36W.HCL

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
CSLH 20Wx1	20	150÷250	0.9	100	2000	5000/6500	80	30.000	1210x100x100
CSBA 1200/18W	18	170÷250	0.9	94	1700	5000/6500	80	30.000	1200x460x100
CSLH 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	5000/6500	85	30.000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30.000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W.HCL	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30.000	1200x103x78





Chiếu sáng danh lam thắng cảnh



Chiếu sáng biển quảng cáo



Chiếu sáng công viên

NHÓM SẢN PHẨM

ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED SMD/LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao 50000 giờ, giảm chi phí thay thế và bảo trì
- Sử dụng Pin lưu điện công nghệ Lithium LiFePO4 an toàn độ tin cậy cao, tuổi thọ dài và tấm Pin năng lượng mặt trời hiệu suất cao, cho phép thu năng lượng trong điều kiện ánh sáng yếu, kích thước nhỏ gọn, dễ lắp đặt, thi công
- Điều khiển tắt bật đèn theo cảm biến ánh sáng môi trường hoặc bằng Remote.
- Đèn hoạt động độc lập, không phụ thuộc đường dây điện nên dễ dàng lắp đặt ở những điểm đường xa, đèo dốc, hải đảo,... những nơi khó kéo điện lưới hoặc điện lưới không ổn định
- Không cần thi công lắp đặt dây điện giúp bảo tồn cảnh quan; an toàn, không bị điện giật
- Bảo vệ môi trường khi sử dụng năng lượng tái tạo, làm giảm khí thải và ô nhiễm không khí,...
- Thích nghi với điều kiện môi trường với chỉ số bảo vệ IP65, IK08 chống sự xâm nhập của nước và bụi hay thời tiết nắng mưa thất thường.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm điện năng, giảm chi phí vận hành và không mất chi phí tiền điện.

ỨNG DỤNG

- Đèn đường chiếu sáng cho các tuyến đường đô thị, đường giao thông chính, đường cao tốc, đường chính huyện, đường liên tỉnh, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng, khu vực thiếu hoặc không có điện lưới,..
- Đèn chiếu pha chiếu sáng công viên, quảng trường, sân vườn, địa điểm công cộng, biển quảng cáo,...

ĐÈN **LED CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CP02.SL.RF 30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	450x350x17

CP02.SL.RF 40W



Công suất (W):	40
Quang thông (lm):	1300
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	610x350x17

CP03.SL 200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	13 (Khi đèn hoạt động với chế độ cảm biến chuyển động radar)
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 18W
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	400x350x17

CP02.SL.RF 70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	2000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 50W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x540x25

CP02.SL.RF 100W



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/40
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	760x670x30

CP02.SL.RF 150W



Công suất (W):	150
Quang thông (lm):	4000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/60
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 90W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	890x670x30

CP03.SL.RAD 200W.V2



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1600
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/18
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	450x350x16

CP03.SL.RAD 300W.V2



Công suất (W):	300
Quang thông (lm):	2400
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x350x16

CP03.SL.RAD 400W.V2



Công suất (W):	400
Quang thông (lm):	3200
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	9.6/12
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 50W
Điện áp (V):	12
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x535x16

CP03.SL.RAD 500W.V2



Công suất (W):	500
Quang thông (lm):	4500
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	9.6/18
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 60W
Điện áp (V):	12
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x640x16

CP05.SL.RF 350W



Công suất (W):	350
Quang thông (lm):	3500
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/35
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x600x25

PHỤ KIỆN ĐÈN PHA NLMT



Dây nối dài tấm Solar DN 2mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	2
Tiết diện dây (mm)	2x0.75



Dây nối dài tấm Solar DN 3mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	
Tiết diện dây (mm)	2x0.75



ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CSD01.SL.RF 25W



Công suất (W):	25
Quang thông (lm):	2100
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 25W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	530x350x17

CSD01.SL.RF V2 30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	3200
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x532x30

CSD02.SL 70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	8000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/45
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 100W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	880x580x30

CSD02.SL 100W



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	10500
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 130W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	1160x580x30

CSD02.SL 120W



Công suất (W):	120
Quang thông (lm):	12000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 170W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	1160x760x30



CSD05.SL.RF 200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	2000
Nhiệt độ màu (K):	4000/5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/25
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	600x350x17

CSD05.SL.RF 300W



Công suất (W):	300
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	4000/5000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x350x17

ĐÈN **NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI CHO CỬA HÀNG, KHO BÃI**

UFO01.SL.RF 150W



Công suất (W):	150
Quang thông (lm):	1500
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium ion
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 20

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	600x350x17

UFO01.SL.RF ĐM 150W



Công suất (W):	150
Quang thông (lm):	1500
Nhiệt độ màu (K):	3000/ 4000/ 6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium ion
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 20

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	600x350x17

ĐÈN **ỐP TRẦN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

LN01.SL.RF 320/200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	6500

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 15

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	450x350x17

ĐÈN **CHIẾU SÁNG CẢNH QUAN**

DSV01.SL 2W



Công suất (W):	2
Góc chiếu:	Góc chùm tia
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (ØxH) (mm):	185x550
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3,2/2

DSV01.SL 3W



Công suất (W):	3
Góc chiếu:	90 D
Nhiệt độ màu (K):	3000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	24
Kích thước (ØxWxH) (mm):	60x100x600
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3,7/2,6

RD-DSV2204



Công suất (W):	3
Góc chiếu:	Góc chùm tia
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (ØxH) (mm):	260x250
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3,2/8

BỘ LƯU ĐIỆN **NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

LD01.SL/5W



Công suất (W):	5
Quang thông (lm):	250
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ):	>16
Kích thước (DxRxC) (mm):	160x106x175

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/13
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

LD01.SL/160Wh



Công suất (W):	160
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ):	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	195x102x200

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/12
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 18V/ 20W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

BỘ SẠC ĐIỆN **CHO ẮC QUY NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

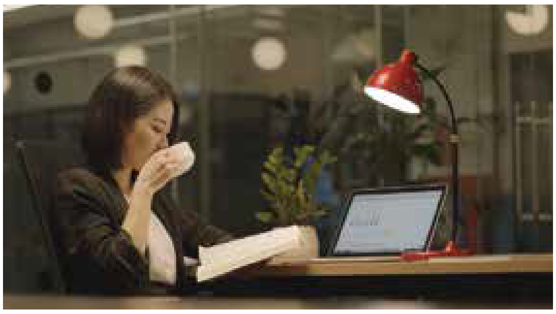
SA01.SL 200W



Điện áp ắc quy (V):	12/24 (Tự động nhận dạng)
Dòng sạc danh định (A):	20
Dòng xả danh định (A):	20
Cổng ra USB (V/A):	5/2
Áp tô mát bảo vệ:	2 chiếc
Kích thước bộ sạc (DxRxC) (mm)	187x90x47
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	1580x670x35
Công nghệ tấm pin năng lượng mặt trời:	Mono crystalline 320V/200W

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC


Chiếu sáng bàn học cho học sinh


Chiếu sáng bàn làm việc cho người đi làm


Chiếu sáng cho sinh viên


Sản phẩm quà tặng

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Ánh sáng không nhấp nháy, tập trung chiếu xuống bàn làm việc, không chiếu trực tiếp vào mắt người tạo cảm giác tiện nghi và thoải mái
- Tuổi thọ cao 15000 giờ - 30000 giờ, độ tin cậy cao, không hạn chế số lần bật tắt.
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI ≥ 80), ánh sáng trung thực tự nhiên tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng (Đáp ứng Tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Độ rọi trung bình trên bàn học ≥ 500 lux, đảm bảo ánh sáng trên bàn học, bảo vệ thị lực
- Thiết kế sang trọng, màu sắc trang nhã, lịch sự
- Kết cấu linh hoạt, dễ điều chỉnh góc chiếu sáng
- Tích hợp cảm ứng điều chỉnh màu sắc & cường độ ánh sáng theo mục đích sử dụng
- Giảm áp lực phân biệt màu sắc lên mắt. Giảm mệt mỏi căng thẳng khi học nhiều.

ỨNG DỤNG

- Đèn bàn bảo vệ thị lực cho học sinh, sinh viên, người đi làm,...
- Sản phẩm quà tặng ý nghĩa

Rạng Đông

ĐÈN BÀN LED CẢM ỨNG **BẢO VỆ THỊ LỰC**


RD-RL-20V2 6W


RD-RL-21 6W


RD-RL-36 6W


RD-RL-38.PLUS 6W


RD-RL-39 7W


RD-RL-41 6W


RD-RL-45 6W


RD-RL-46 6W


RD-RL-60 8W


RD-RL-68 12W

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-20V2 6W	6	150÷250	0.08	700	3000 ÷ 6500	80	25.000
RD-RL-21 6W	6	170 ÷ 240	-	700	Trắng - Trắng ấm - Vàng	80	25.000
RD-RL-36 6W	6	150÷250	0.08	700	3000 ÷ 6500	80	25.000
RD-RL-38.PLUS 6W	6	150÷250	0.08	700	2400 ÷ 6000	97	25.000
RD-RL-39 7W	Đèn học:7 Đèn ngủ:3	150÷250	0.1	700	Đèn học:2700÷6500 Đèn ngủ: 2700	80	30.000
RD-RL-41 6W	6	150÷250	0.08	> 700	3000÷6500	80	25.000
RD-RL-45 6W	6	150÷250	0.08	> 700	3000÷6500	80	25 000
RD-RL-46 6W	6	150÷250	0.08	> 700	3000÷6500	80	25 000
RD-RL-60 8W	8	150÷250	0.1	700	3000÷6500	97	25.000
RD-RL-68 12W	12	150÷250	0.15	900	2700÷6500	97	25.000

ĐÈN BÀN LED **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-01.V2 5W



RD-RL-16 5W



RD-RL-19 5W



RD-RL-24.V2 5W



RD-RL-25 5W



RD-RL-26 5W



RD-RL-27.V2 5W



RD-RL-32 5W



RD-RL-38 6W



Model	Công suất	Điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-01.V2 5W	5	150÷250	0.07	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-16 5W	5	220	0.07	650	3000/6500	80	15.000
RD-RL-19 5W	5	220	0.07	600	3000/6500	80	15.000
RD-RL-24.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-25 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-26 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-27.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-32 5W	5	220	0.06	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-38 6W	6	220	0.08	500	4000/6500	97	15.000

CHỨNG CHỈ VÀ CHỨNG NHẬN


TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng của
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Địa điểm áp dụng:
1. Trụ sở chính - Cơ sở sản xuất 1: Số 87-89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
2. Cơ sở sản xuất 2: Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn
TCVN ISO 9001:2015/ ISO 9001:2015
Phạm vi được chứng nhận: Thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm chiếu sáng LED, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điều khiển, thiết bị chiếu sáng thu phát vô tuyến điện và phích nước.
Số Giấy chứng nhận: HT 263/7.20.19
Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 28/05/2020 đến ngày 11/07/2021
Ngày chứng nhận lần đầu: 08/12/2001
ThS. Trần Văn Vinh
TS. Phạm Hồng
ThS. Phạm Lê Cường

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TCVN ISO9001:2015/ISO 9001:2015


TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường của
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Địa chỉ: Số 87-89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn
TCVN ISO 14001:2015 / ISO 14001:2015
Phạm vi được chứng nhận: Sản xuất sản phẩm nguồn sáng (LED, CFL, FL) và thiết bị chiếu sáng
Số Giấy chứng nhận: MT 249/2.19.34
Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 21/06/2019 đến ngày 20/06/2022
ThS. Trần Văn Vinh
TS. Phạm Hồng
ThS. Phạm Lê Cường

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
TCVN ISO 14001:2015/ISO 14001:2015


TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Năng lượng của
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn
ISO 50001:2011
Số Giấy chứng nhận: NL 020.18.19
Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 04/04/2018 đến ngày 03/04/2021
Ngày chứng nhận lần đầu: 04/04/2018
ThS. Trần Văn Vinh
TS. Phạm Hồng
ThS. Phạm Lê Cường

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG
ISO 50001:2011


BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
BUREAU OF ACCREDITATION (BoA)
Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHIẾU SÁNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Laboratory:
LIGHTING RESEARCH AND DEVELOPMENT CENTER
RANG DONG LIGHT SOURCE AND VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
Địa điểm PTN/ Lab location:
87-89 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of
ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực công nhận
Field of Accreditation
ĐIỆN – ĐIỆN TỬ
Electrical - electronic
Mã số
Accreditation No
VILAS 126
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)
VŨ XUÂN THỦY

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
VILAS 126

VILAS 126 | QUACERT JAS-ANZ ISO 9001:2015 | QUACERT JAS-ANZ ISO 50001:2011 | QUACERT JAS-ANZ ISO 14001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Trụ sở chính:
Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
ĐT: 024 3 8584310/3 8584165
Fax: 024 3 8585038
www.rangdong.com.vn

Cơ sở 2:
KCN Quế Võ, Bắc Ninh
ĐT: 0222 3 617398
Fax: 0222 3 617397